

HỘI THẢO KHOA HỌC

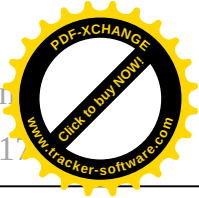
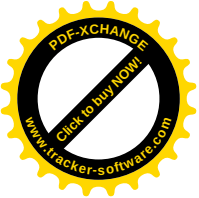
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học*”. Đây là sự tiếp tục khẳng định quan điểm của Nghị quyết Trung ương 8, khoá XI. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ tư duy, quan điểm đến mục tiêu... Đổi mới ở tất cả các lĩnh vực, đổi mới để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhu cầu học tập của toàn dân...

Cùng chung tay với Đảng với nhà trường, khoa Lý luận Chính trị trang trọng tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: ***Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị, pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.***

Hội thảo nhằm nhận dạng những vấn đề còn tồn tại trong phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị và pháp luật, tìm hiểu sâu hơn những giá trị lý luận và thực tiễn của những phương pháp dạy học tích cực. Trên cơ sở đó, chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy cũng như đưa ra những giải pháp những khuyến nghị cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển phẩm chất, năng lực người học theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (28/01/2016).

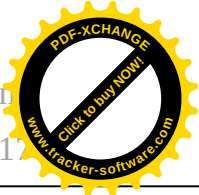
Tài liệu hội thảo với các bài tham luận, xoay quanh những vấn đề mà Đảng và nhà nước ta đều quan tâm, đó là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần xây



dựng đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Với những nội dung thiết thực được trình bày, hội thảo khoa học của khoa Lý luận Chính trị sẽ mang lại nhiều điều bổ ích cũng như nhiều kinh nghiệm cho giảng viên, với tâm huyết và lòng yêu nghề của mình, giảng viên sẽ cải tiến phương pháp giảng dạy của mình ngày một tốt hơn. Mỗi giảng viên của khoa Lý luận Chính trị sẽ là một nhân tố đóng góp tích cực cho sự phát triển ngày một vững mạnh hơn của trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục của nước nhà.

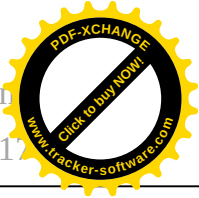
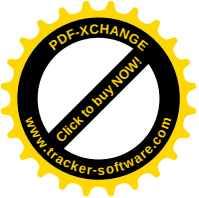
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



DANH SÁCH CÁC BÀI THAM LUẬN HỘI THẢO KHOA HỌC

Trang

1. **CN. Nguyễn Thị Mai** - Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị - pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học..... 04
2. **CN. Nguyễn Anh Kiệt** – Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy môn giáo dục chính trị nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất cho học sinh hệ TCCN tại trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng..... 13
3. **ThS. Đặng Thị Nhật Minh** – giảng dạy pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất - năng lực người học 22
4. **CN. Bùi Thành Dũng** - Đổi mới phương pháp giảng dạy môn pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học 27
5. **CN. Nguyễn Thị Dinh** – Một vài suy nghĩ xung quanh vấn đề làm thế nào để có thể dạy tốt và học tốt các môn khoa học lý luận Mác-Lênin. 42
6. **CN. Phạm Thị Vinh** - Nâng cao năng lực tự học các môn lý luận chính trị cho sinh viên..... 50
7. **ThS. Trần Thị Hồng Thu** – Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng theo hướng phát huy năng lực của người học. 59
8. **ThS. Đinh Thị Huyền** - kinh nghiệm tổ chức thực hiện seminar, làm việc nhóm nhằm nâng cao năng lực, phẩm chất người học trong các môn lý luận chính trị tại trường cao đẳng kỹ thuật lý Lý Tự Trọng..... 69
9. **ThS. Lê Thị Hồng Vân** - Vai trò của giảng viên trong giảng dạy theo phương pháp tích cực học phần – môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.80
10. **ThS. Hoàng Thị Trang** – Một số giải pháp nhằm đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực người học 89
11. **ThS. Phan Thị Thùy Trang** – Vận dụng phương pháp đối thoại, trao đổi trong dạy học các môn lý luận chính trị tại trường CĐKT Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh.102
12. **ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh** – Dạy học môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam theo phương pháp giải quyết vấn đề nhằm nâng cao năng lực tư duy của sinh viên.....109
13. **Ths. Đỗ Thị Thơm** - Gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị119
14. **Ths. Lê Thị Mai Hương** – Đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát triển năng lực người học125



**ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN
LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - PHÁP LUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN
TOÀN DIỆN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC**

CN. Nguyễn Thị Mai

Giảng viên môn Pháp luật

Đổi mới phương pháp giảng dạy là nhu cầu của yếu tố khách quan và chủ quan.

Về khách quan

- Do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã làm thay đổi - nhanh nội dung lao động nghề nghiệp. Đặt ra yêu cầu trong công tác đào tạo nhà trường phải luôn đổi mới, đào tạo phải gắn với thực tiễn để góp phần tạo nguồn năng lực chất lượng cao cho xã hội.

Về chủ quan.

- Xuất phát từ nhu cầu của xã hội, từng giảng viên luôn xem sự đổi mới phương pháp giảng dạy là yếu tố quan trọng nhằm tạo sự “đột phá ” trong việc rèn luyện phẩm chất và năng lực cho các em.

Sự “đột phá” này chỉ có hiệu quả khi giảng viên “biết cách đổi mới và vận dụng” phương pháp phù hợp trong điều kiện, môi trường, thậm chí phù hợp với “đặc thù” của bản thân học sinh – sinh viên.

Đó cũng là yêu cầu chủ đề hội thảo đề ra “ Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị - pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học”. Muốn vậy giảng viên cần chú ý các vấn đề sau:

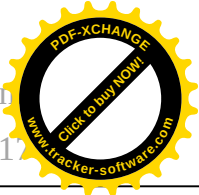
1. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ – PHÁP LUẬT TRONG VIỆC RÈN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC.

1.1 . Thế nào là phẩm chất và năng lực

a. Khái niệm phẩm chất.

Chất là cái vốn có, là tính quy định bên trong một vật này khác với sự vật khác . Phẩm chất là cái làm nên giá trị con người mà cụ thể đó là những yếu tố đạo đức, hành vi ứng xử, niềm tin, tình cảm giá trị cuộc sống, ý thức pháp luật của con người được hình thành sau một quá trình giáo dục

b. Khái niệm năng lực



Năng lực là khả năng điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó hoặc năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện thành công một loại công việc trong bối cảnh nhất định.

Năng lực gồm có 2 loại là năng lực chung và năng lực đặc thù.

Năng lực chung là năng lực cơ bản cần thiết ở bất cứ người nào cũng phải có để sống, học tập và làm việc.

Năng lực đặc thù thể hiện trên từng lĩnh vực khác nhau như năng lực đặc thù môn học là năng lực hình thành và phát triển do đặc điểm của môn học đó tạo nên thành một hệ thống phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu mới. Hệ thống phẩm chất năng lực đó được cụ thể hóa phù hợp với sự phát triển của tâm lý, sinh lý của người học, phù hợp với đặc điểm với môn học, cấp học, lớp học.

Theo đó, những phát triển của phẩm chất, năng lực người học trong quá trình giáo dục cũng sẽ là quá trình hình thành phát triển hoàn thiện nhân cách con người

c. Phẩm chất, gồm 3 loại là Sống yêu thương; sống tự chủ; sống trách nhiệm

- Phẩm chất “Sống yêu thương” là yêu tổ quốc, giữ gìn phát huy truyền thống, di sản quê hương đất nước; tôn trọng các nền văn hóa trên thế giới, nhân ái, khoan dung, yêu thiên nhiên.

- Phẩm chất “Sống tự chủ” gồm sống trung thực, tự trọng; tự lực; chăm chỉ vượt khó; tự hoàn thiện.

- Phẩm chất “Sống trách nhiệm” gồm tự nguyện chấp hành kỷ luật, tuân thủ pháp luật, bảo vệ nội quy, pháp luật.

d. Các loại năng lực. gồm:

Năng lực tự học

Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thể chất.

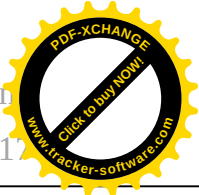
Năng lực giao tiếp

Năng lực hợp tác

Năng lực tính toán.

Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

- Phẩm chất và năng lực là hai thành phần cơ bản của nhân cách. Còn nhân cách là chỉnh thể thống nhất giữa hai mặt phẩm chất và năng lực.



- Việc dạy học phát triển phẩm chất năng lực là phương pháp tích tụ dần dần các yếu tố của phẩm chất và năng lực người học để chuyển hóa góp phần hình thành, phát triển nhân cách.

2. VAI TRÒ CỦA CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - PHÁP LUẬT TRONG VIỆC GIÁO DỤC PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC.

Các môn lý luận chính trị - pháp luật. (bao gồm các môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin; môn Đường lối Cách mạng Việt Nam; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Pháp luật đại cương.)

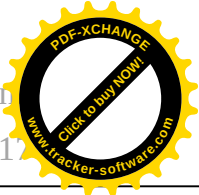
Đảng ta khẳng định Chủ nghĩa Mác - Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Vì vậy, trong hệ thống giáo dục Đại học; Cao đẳng của Việt Nam các môn lý luận chính trị - pháp luật có vị trí đặc biệt quan trọng trong kết cấu chương -trình vì nó giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan và pháp luật cho học sinh – sinh viên.

Thật vậy, hơn 50 năm qua các môn lý luận chính trị - pháp luật luôn được đổi mới, ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Góp phần quan trọng trong việc đào tạo cho đất nước một thế hệ thanh niên học sinh không chỉ “xê dọc trường sơn đi cứu nước”... mà còn năng động ở các lĩnh vực trong sản xuất, vừa hồng, vừa chuyên trong xây dựng đất nước.

Ngày nay trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh sự thuận lợi về khoa học kỹ thuật về năng suất lao động, cơ sở vật chất nhiều hơn ... đã làm xuất hiện nhiều khó khăn như ‘tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng , đạo đức, lối sống ... cùng những biểu hiện “tự diễn biến”,”tự chuyển hóa” của một bộ phận thanh niên học sinh – sinh viên... Từ đó, hành vi vi phạm pháp luật ngày nhiều, “tội phạm càng trẻ hóa về độ tuổi”...

Tình hình đó, đòi hỏi đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị - pháp luật là một nhu cầu bức xúc, nhằm góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Đó là nguồn nhân lực tốt về phẩm chất, giỏi về kỹ năng chuyên môn.

Để thực hiện đạt yêu cầu trên, vai trò giảng viên các môn lý luận chính trị - pháp luật chiếm vị trí hàng đầu “ bởi không thể rèn luyện các em thành nghề nếu không thành người”... và nghề nghiệp cũng không còn mang ý nghĩa tích cực, hữu ích nếu chủ thể của nó lệch lạc về tư tưởng - đạo đức và lối sống, khiếm khuyết về nhân cách ... tất cả, tất cả ... đều đó chỉ thực hiện được khi giảng viên các môn lý luận chính trị -



pháp luật phải vươn lên đổi mới ... trong phương pháp giảng dạy, để tạo ra những “nguồn ánh sáng soi đường “lập thân, lập nghiệp” của các em ngoài xã hội.

3. TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - PHÁP LUẬT.

3.1. Đặc thù các môn lý luận chính trị - pháp luật.

Đây là môn học chứa khối lượng kiến thức rất rộng, vừa mang tính khoa học vừa mang tính giai cấp ... với những khái niệm, những phạm trù có tính trừu tượng cao, các quan điểm, các nguyên tắc thường được xem là khô khan, cứng nhắc.

Bên cạnh đó, môn pháp luật với nội dung truyền đạt vừa nhiều vừa khô khan vì nó được biên soạn trên cơ sở bám sát các văn bản Quy phạm pháp luật cùng hàng loạt hệ thống khái niệm khó hiểu như ý chí pháp luật, chủ thể, khách thể, quy phạm pháp luật, chế định, năng lực pháp luật, năng lực hành vi... tất cả, tất cả ... như tạo ra một sự nặng nề đan xen với tâm lý, tư tưởng học sinh – sinh viên trường nghề xem đây là “môn phụ” bởi các môn này “không thiết thực.”

Tình hình đó buộc giảng viên các môn lý luận chính trị - pháp luật cần “hành động ngay” nếu không muốn nói là đã “quá chậm” so với yêu cầu thực tiễn. Để qua giáo dục - rèn luyện, các môn này sẽ góp phần “phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh – sinh viên”.

3.2. Thực trạng việc giảng dạy các môn lý luận chính trị - pháp luật tại trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng.

Đa số giảng viên đều trẻ, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn khá vững, tiếp thu nhanh các điểm mới liên quan môn giảng dạy.

Còn học sinh – sinh viên đa số các em đều vừa tốt nghiệp phổ thông, đang trong giai đoạn vừa bắt đầu hình thành nhân cách, tâm sinh lý chưa ổn định. Suy nghĩ chưa chín chắn, lập trường ý chí chưa vững vàng, tính cách dễ bị tác động từ các yếu tố bên ngoài.

Trong điều kiện đó, các em tiếp xúc với các môn lý luận chính trị - pháp luật khi phong kiến thức lý luận chính trị còn non nớt, bỡ ngỡ ... đặc điểm đó đưa đến tâm lý “ngán ngại, thờ ơ, thậm chí còn “chán chường”... thái độ đó cũng do một phần giảng viên tạo ra.

Hiện vẫn còn giảng viên trong giảng dạy chỉ cắm cúi vào giáo trình, nhắc lại một cách mòn mỏi những điều đã được ghi chép đầy đủ, rõ ràng trong sách vở... giờ pháp luật nặng việc phổ biến quy định, chương, điều ... ít chú ý việc vận dụng pháp luật vào



thực tiễn bản thân, cuộc sống ... và cứ thế, cứ thế ... nhiều giờ học trôi qua trong sự nhàm chán nặng nề, nếu không muốn nói là “tra tấn”, bởi một số giảng viên hầu như chỉ biết lý thuyết suông, chỉ sử dụng phương pháp thuyết trình đơn điệu “thầy đọc - trò chép”... dẫn đến bài giảng thiếu sức sống, sức hấp dẫn, sức thuyết phục ... Người học không phát huy tính sáng tạo, chỉ làm theo hướng dẫn của thầy; thiếu khả năng suy nghĩ độc lập và giải quyết vấn đề thực tiễn; các em đa số không có thói quen tự học, tự tìm tri thức để học; thiếu kỹ năng tất yếu làm việc nhóm một cách thụ động ... tất yếu việc tiếp thu kiến thức, hiệu quả giáo dục học sinh – sinh viên thông qua các môn học này chưa đạt yêu cầu.

Thực trạng trên đặt ra vấn đề, việc giảng dạy các môn lý luận chính trị - pháp luật cần giảm thiểu những vấn đề “cao xa” “lớn lao” thay vào đó giảng viên phải kiên trì, nghiên cứu đi sâu vào những lợi ích thiết thực nhất, gần nhất với cuộc sống thực tiễn bản thân học sinh – sinh viên ... dần dần học sinh – sinh viên thấy được tính thiết thực của bài học sẽ tích cực chủ động trong nghiên cứu, trong nghe giảng bài

Qua đó, giảng viên sẽ bồi dưỡng các phẩm chất như tính trung thực, lòng tự trọng cùng lối sống lành mạnh, biết tuân thủ pháp luật, biết đánh giá, nhận thức chủ động giải quyết những vấn đề cuộc sống đặt ra.

Nói khác đi đó là năng lực học sinh – sinh viên trong quá trình học tập rèn luyện tại trường mà giảng viên “biết cách khơi dậy năng lực của các em chính là tạo ra chất trong rèn luyện phẩm chất đạo đức càng hiệu quả hơn”. Đây là thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa phẩm chất và năng lực.

4. CÁC GIẢI PHÁP TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - PHÁP LUẬT PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC.

Với triết lý lấy việc hình thành năng lực người học làm trung tâm, làm mục tiêu đào tạo thay cho truyền thụ kiến thức. Ngày 04/01/2013 Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Như vậy đổi mới toàn diện căn bản nền giáo dục chính là chuyển giáo dục sang hướng tiếp cận năng lực.

Vậy bắt đầu từ đâu ? Vì mọi sự đổi mới đều phải đối diện với thách thức từ cái cũ. Đó là 1 thực trạng giảng dạy các môn lý luận chính – pháp luật chưa thật sự tạo sự tạo sự hấp dẫn học sinh – sinh viên. Từ thực trạng đó cần phải



a. Xây dựng nhận thức đúng đắn trong học sinh – sinh viên về ý nghĩa các môn lý luận chính trị - pháp luật.

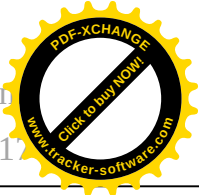
- Đây là vấn đề quan trọng với tinh thần “đầu xuôi đuôi lọt”, vì bất cứ môn học nào muốn học tốt, trước tiên phải nhận thức đúng về giá trị lý luận; khoa học và ý nghĩa thực tiễn môn học. Từ đó mới xây dựng tình cảm. Động cơ đúng đắn trong quá trình học tập. Nhằm giải tỏa tâm lý gò ép nặng nề trong tư tưởng học sinh – sinh viên.

b. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa giảng viên với học sinh – sinh viên và ngược lại.

- Vì qua nghiên cứu học không có cảm xúc sẽ không thành công. Một giảng viên hoạt động như một cỗ máy giảng hoàn hảo sẽ không khích lệ người học bằng người thầy bằng xương bằng thịt giảng bài với phong cách vui vẻ, cởi mở, hài hước mà có khi còn gọi là “nghệ thuật giảng dạy” (điều này vô cùng cần thiết đối với các môn lý luận chính trị - pháp luật để học sinh – sinh viên thấy mình là người “được học” chứ không “chứ không” bị học. Các em sẽ chủ động tạo không khí học tập sinh động, thân thiện, kích thích các em tích cực xây dựng bài. Khoảng cách giữa thầy và trò được “lấp đầy” bằng việc trao đổi kiến thức học tập ... mà kiến thức đó do chính các em nói, các em bàn luận, ... thì hơn ai hết kiến thức đó sẽ thấm sâu vào “máu thịt” vào tư tưởng của các em và tất yếu dần dần xâm nhập vào các yếu tố năng lực đặc thù như tạo ra các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm ... Đó cũng là cơ sở làm phát sinh nhiều năng lực khác như năng lực độc lập tư duy, tự chủ, sáng tạo, nhạy bén trong giải quyết vấn đề thực tiễn ... song song đó còn làm phát triển các phẩm chất đạo đức của học sinh – sinh viên. Các em ngày càng có ý thức, có niềm tin để sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, sống có trách nhiệm, yêu thương và biết vượt khó trong quá trình lập thân lập nghiệp. Nhà triết lý kinh doanh người Anh Charles Handy từng nói “Để làm cho tương lai trở thành hiện thực, chúng ta cần phải tự tin và tin tưởng vào giá trị của chính mình. Đó là điều các trường học phải dạy cho mọi người.”

c. Giảng viên cần cố gắng trở thành “chuyên gia” trong lĩnh vực chính trị - pháp luật (chuyên gia chứ không là “Bác học”).

Muốn vậy, giảng viên phải chịu đọc, chịu cập nhật thông tin (cả thông tin trái chiều) để đối chiếu, so sánh, tư duy, giúp giảng viên có lượng kiến thức phong phú. Đây là yếu tố quan trọng có vai trò quyết định để giảng viên đủ “bản lĩnh” tự tin trong quá trình giảng dạy, giải thích thắc mắc, tạo sức thuyết phục, niềm tin cho học sinh –



sinh viên ... dần dần tạo sự yêu thích các môn lý luận chính trị - pháp luật mà đã có lúc các em “ngán ngại, chán

d. Phải gắn bài giảng với thực tiễn.

Nhà sư phạm người Đức Ulrich- Lipp từng nói: “Giờ giảng tốt được bắt đầu bằng thực tiễn và kết thúc bằng thực tiễn”

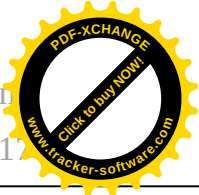
Điều này vô cùng cần thiết. Bởi nội dung bài giảng là lý luận được tổng kết từ thực tiễn nên tất yếu giảng viên dùng thực tiễn để minh họa lại bài giảng ... làm tăng sức thuyết phục học sinh – sinh viên ... vừa giúp giảng viên ngày càng vững vàng, nhạy bén trong việc nắm bắt kiến thức, xử lý nhanh khéo léo những tình huống phức tạp xảy ra trên lớp. Còn học sinh – sinh viên không chỉ nắm kiến thức bài học mà thông qua đó còn giúp các em biết phát huy năng lực tư duy độc lập của người học.

Nếu ở góc độ tiếp cận nội dung bài học thì chủ yếu yêu cầu người học trả lời câu hỏi “biết cái gì”. Còn ở góc độ tiếp cận nội dung “năng lực” thì các em phải trả lời câu hỏi “biết làm gì từ những điều đã biết”. Nói cách khác, nói đến năng lực là nói đến khả năng thực hiện, là phải biết làm chứ không dừng lại chỉ biết, hiểu là đủ.

Điều đó chỉ đạt được khi các em nắm bắt kiến thức bài học từ các môn lý luận chính trị - pháp luật. Vì đây là những môn học tạo cho học sinh – sinh viên một thế giới quan. Một nhân sinh quan cùng phương pháp luận đúng đắn. Tức học sinh – sinh viên không chỉ biết học thuộc ghi nhớ mà còn giáo dục các em hoàn thiện dần phẩm chất, đạo đức, cùng các kỹ năng sống ... Đây là vấn đề thực tiễn đang đặt ra cho vai trò giảng viên giảng dạy các môn học này. Đó cũng là mô hình 4 trụ giáo dục của Tổ chức UNESCO mà thế giới xem như một triết lý giáo dục ở thế kỷ XXI. Đây là mô hình có sự đan xen hòa quyện giữa phẩm chất và năng lực trong nội dung của từng trụ cột. Nhất là các trụ cột “Học để làm người; “Học để chung sống” (xem hình minh họa)

STT	4 trụ giáo dục của UNESCO	Các phẩm chất và năng lực tương ứng
1	Học để biết	Phẩm chất trí tuệ Năng lực nhận thức
2	Học để làm	Phẩm chất nghề nghiệp Năng lực chuyên môn
3	Học để chung sống	Phẩm chất xã hội Năng lực xã hội hóa
4	Học để làm người	Phẩm chất ứng xử Năng lực chủ thể hóa

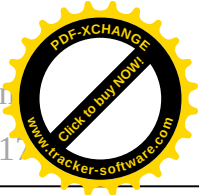
(Bảng đối chiếu 4 trụ cột giáo dục với các phẩm chất năng lực tương ứng)



Một khi giảng dạy cho các em đạt yêu cầu trên tức là giảng viên đã tự trang bị cho học sinh – sinh viên “cái cần câu” để các em “tự câu lấy cá”. Khi đó các em sẽ phấn khởi trong học tập, cảm thấy trong quãng đời một con người thì đã có một thời gian “gần 20 năm ngồi trên ghế nhà trường”, đó là thời gian đẹp nhất, hạnh phúc nhất, chứ đó không phải là khoảng thời gian đáng ghét nhất...và sợ nhất... có như vậy mới là cơ sở để tiếp tục phát triển mạnh mẽ năng lực và phẩm chất trong bản thân học sinh – sinh viên.

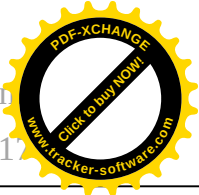
5. KẾT LUẬN.

Dạy học các môn lý luận chính trị - pháp luật để phát triển phẩm chất, năng lực người học vừa là mục tiêu giáo dục, vừa là nội dung giáo dục. Đồng thời nó cũng là một phương pháp giáo dục. Đây là một ưu thế vượt trội trong hình thành và phát triển nhân cách, bởi nó hướng người học ngày càng có hiệu quả ngoài thực tiễn nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao vừa hồng vừa chuyên đáp ứng yêu cầu xã hội.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương. Kết luận số 94-KL/TW ngày 28.3.2014 của Ban Bí thư v/v “tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.
2. Vũ Ngọc Am (2011) “Hiệu quả và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị. Tạp chí Tuyên giáo, số 11
3. Nguyễn Quốc Bảo (2008), “Nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên lý luận” tạp chí Tuyên giáo số 7.
4. Hoàng Anh (2006) giáo dục lý luận Mác Lenin với việc hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
5. Bộ Giáo dục - Đào tạo. Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI .
6. Lê Khánh Bằng. Yêu cầu mới của thời đại, của đất nước đối với giáo viên và phương hướng đổi mới phương pháp dạy học ở các trường sư phạm. Tạp chí giáo dục 122. Số 9/2005
7. Nguyễn Đăng Tiến. Lịch sử giáo dục Việt Nam. NXBGDHN1996.
8. Phạm Minh Hạc. Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI.NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội 2002.
9. Báo Dân trí “Bàn thêm về đổi mới phương pháp giảng dạy”của Nguyễn Huỳnh Mai, ra ngày 23.2.2011.



**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN NHÓM TRONG GIẢNG DẠY
MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ PHẨM
CHẤT CHO HỌC SINH HỆ TCCN TẠI TRƯỜNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH**

CN. Nguyễn Anh Kiệt

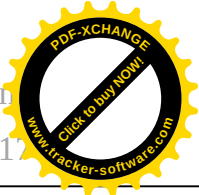
Giảng viên tổ Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đường lối CM của ĐCS Việt Nam

Đổi mới phương pháp dạy học là một yêu cầu của giáo dục hiện nay, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nâng cao chất lượng nói chung, trong đó chất lượng dạy học trong nhà trường nói riêng là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Bởi lẽ, trong nền kinh tế thị trường đang ngày càng yêu cầu người lao động phải có đủ năng lực để giải quyết hiệu quả công việc. Nhà trường không thể cung cấp hết cho người học tất cả kiến thức họ cần mà chỉ cung cấp phương pháp cho học sinh đi tìm kiến thức và nắm vững tri thức. Trong những năm gần đây đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề được Bộ Giáo và Đào tạo rất quan tâm. Đã có nhiều hội nghị, hội thảo bàn về vấn đề này. Kết luận của Hội nghị lần thứ 6 BCHTW lần thứ 2, khóa VIII đã khẳng định: “Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - Đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học...”.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của xã hội, của nhà trường nhất là từ đặc thù của môn học và đặc điểm học sinh hệ trung cấp tại trường Cao Đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh hiện nay bản thân giảng viên phải tư duy tìm biện pháp đổi mới trong giảng dạy.

Thực tế cho thấy muốn đạt kết quả cao trong dạy và học môn Giáo dục Chính Trị thì không thể chỉ chú trọng đổi mới nội dung mà còn phải chú trọng đổi mới phương pháp. Cùng với xu hướng chung, để nâng cao dạy và học môn Giáo dục Chính Trị các giảng viên giảng dạy đã sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong đó có phương pháp thảo luận nhóm. Thảo luận nhóm là một trong những phương pháp dạy học tích cực được sử dụng thường xuyên trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học hiện nay nhằm khắc phục lối truyền thụ tri thức một chiều, lối học thụ động, máy móc thông qua phương pháp này học sinh sẽ rèn luyện được tính tích cực, chủ động, hiểu



và nắm được kiến thức. Qua đó các em sẽ vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống và trở thành những công dân có ích cho xã hội và đất nước.

Bài viết này phân tích thực trạng của việc vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Giáo dục chính trị ở trường, từ đó đề xuất một số kinh nghiệm cá nhân trong việc vận dụng phương pháp này nhằm nâng cao hiệu quả trong việc dạy học môn Giáo dục chính trị ở trường nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất cho người học.

1. Một số vấn đề chung về phương pháp thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là gì? Theo tác giả Phan Trọng Ngọ: “*Thảo luận nhóm là phương pháp trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành những nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó.*” Phương pháp này có mầm mống từ những năm 70 của thế kỷ XX, ở trường đại học sư phạm của một số nước tiên tiến, bắt đầu từ môn học “*Năng động tập thể*” (Group dynamics) - một môn học dạy cho sinh viên kỹ năng làm việc tập thể. Dần dần, môn học này chuyên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, từ đó hình thành nên phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học ở tất cả các cấp học. Ở Việt Nam, phương pháp này được áp dụng rộng rãi trong dạy học từ những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Thảo luận nhóm là một phương pháp dạy học có nhiều ưu điểm. Phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề có tác động tích cực tới sự động não của từng cá nhân riêng lẻ nhưng lại không có sự phối hợp giữa các thành viên trong tập thể. Trái lại, phương pháp thảo luận nhóm lại phát huy được ưu điểm và khắc phục nhược điểm của các phương pháp trên:

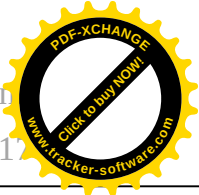
- + Thảo luận nhóm tạo cơ hội tối đa cho mọi thành viên trong nhóm được bộc lộ sự hiểu biết của mình, giúp học sinh phát triển khả năng tư duy và diễn đạt (điều này đặc biệt có ích với học sinh nhút nhát và còn nhiều hạn chế của trường).

- + Tạo cơ hội cho mọi thành viên trong nhóm học hỏi lẫn nhau, tập lắng nghe ý kiến của người khác một cách kiên nhẫn, lịch sự, tập đánh giá ý kiến người khác một cách độc lập.

- + Giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, tăng tính khách quan khoa học trong kiến thức của học sinh.

- + Hình thành thói quen tương tác trong học tập, tăng năng lực hợp tác và không khí hiểu biết, đoàn kết, tin cậy lẫn nhau.

- + Kích thích thi đua giữa các thành viên trong nhóm.



+ Cải thiện mối quan hệ thầy - trò, trò - trò. Giáo viên có thông tin phản hồi từ học sinh để điều chỉnh việc dạy của thầy, việc học của trò đồng thời tăng cường mối giao cảm thầy trò, khiến cho giờ học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn...

Tuy nhiên, khi tìm hiểu thực trạng dạy học môn Giáo dục chính trị ở trường tôi nhận thấy, bên cạnh những ưu điểm, phương pháp thảo luận nhóm cũng bộc lộ những hạn chế nhất định cần được khắc phục.

2. Thực trạng việc vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong môn Giáo dục chính trị tại trường

a. Về phía giáo viên

Khi vận dụng phương pháp thảo luận nhóm, tôi thấy giáo viên còn lúng túng ở một số thao tác sau:

Thứ nhất, thao tác lựa chọn vấn đề thảo luận: Việc lựa chọn vấn đề thảo luận chưa hấp dẫn nên chưa khơi dậy tính tích cực của học sinh. Có những vấn đề thảo luận quá khó hoặc quá dễ so với trình độ của học sinh. Ví dụ: *Hãy phân tích vì sao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước?* (Trong chương III phần III quá khó mà ở nội dung này giáo viên phải trình bày và phân tích). Hoặc: *Các chuẩn mực của đạo đức cách mạng?* (Trong chương II Tư tưởng Hồ Chí Minh thì quá dễ vì câu trả lời đã có đầy đủ trong sách giáo trình). Lại có trường hợp lựa chọn chủ đề phù hợp trình độ đối tượng nhưng nội dung vấn đề lại quá khô khan, không phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh.

Việc lựa chọn vấn đề thảo luận là khâu then chốt quyết định sự hiệu quả của phương pháp này. Vấn đề không hay, không phù hợp với trình độ học sinh sẽ không huy động, thu hút được học sinh tập trung thảo luận, nếu có thì cũng chỉ mang tính chất đối phó.

Thứ hai, thao tác chia nhóm: Giáo viên chưa xác định được số lượng nhóm trong một lớp, số lượng học sinh trong một nhóm. Cho nên, có trường hợp chia nhóm quá lớn hoặc quá nhỏ, không phù hợp với vấn đề cần thảo luận và đặc điểm của lớp học. Việc chia nhóm còn đơn điệu, chủ yếu chia theo bàn (2 bàn/nhóm)

Thứ ba, thao tác chọn nhóm trưởng: Nhóm trưởng không do nhóm tự bầu hoặc luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm mà do giáo viên chọn một học sinh khá trong nhóm chuyên trách. Điều này khiến cho các học sinh khác trong nhóm mất đi cơ hội thể hiện mình cũng như cơ hội rèn luyện năng lực quản lý, năng lực trình bày vấn đề trước nhóm và tập thể lớp.



Thứ tư, thao tác giao nhiệm vụ: Giáo viên giao nhiệm vụ chưa rõ ràng, cụ thể. Do đó, học sinh không hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm là cần phải làm gì, trong thời gian bao lâu, cách thức thực hiện như thế nào.

Thứ năm, thao tác quan sát, hỗ trợ học sinh khi thảo luận: Một số giáo viên khi giao nhiệm vụ xong thường ngồi tại chỗ nên không quan sát, bao quát hết được học sinh trong lớp làm gì trong thời gian thảo luận, dẫn tới tình trạng có học sinh làm việc riêng, nói chuyện trong thời gian này. Giáo viên cũng không nắm bắt được những khó khăn, lúng túng của học sinh trong quá trình thảo luận để có sự gợi ý, hỗ trợ kịp thời.

Thứ sáu, thao tác tổng kết. Sau khi viết phương án trả lời ra bảng hoặc ra giấy, nhóm trưởng thay mặt nhóm đọc kết quả thảo luận trước lớp hoặc viết lên bảng. Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung. Giáo viên kết luận. Thao tác này được lặp đi lặp lại khá đơn điệu.

b. Về phía học sinh

- Do đặc điểm là trường trung cấp chuyên nghiệp nên đối tượng học sinh của trường đầu vào thấp, khả năng tiếp thu, trình bày, diễn đạt còn nhiều hạn chế, tinh thần tự giác chưa cao nên sự thành công trong giờ học không lớn.

- Học sinh hầu như không được giao nhiệm vụ về nhà chuẩn bị trước cho thảo luận nhóm nên có phần bị động trong quá trình thảo luận trên lớp. Mặt khác, nếu được giao nhiệm vụ trước thì học sinh cũng không chuẩn bị, hoặc chuẩn bị mang tính đối phó.

- Trong thời gian thảo luận, chỉ có số ít học sinh làm việc thật sự (nhóm trưởng và học sinh khá, giỏi trong nhóm), còn lại các em thường ngồi chơi, nói chuyện, làm việc riêng. Học sinh không ý thức được sự cần thiết phải hợp tác để chiếm lĩnh tri thức.

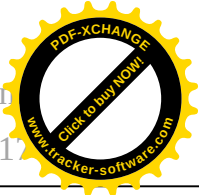
- Câu trả lời của học sinh thường lặp lại những vấn đề trong giáo trình, thiếu sức sáng tạo.

- Với một số chủ đề về các vấn đề xã hội học sinh dễ đi chệch hướng, tản mạn do theo đuổi ý tưởng riêng.

- Thảo luận nhóm thường gây ồn ào, ảnh hưởng tới lớp khác.

Vì những hạn chế trên mà phương pháp thảo luận nhóm thường được vận dụng mang tính hình thức do đó đa số các giáo viên dạy chính trị hầu như rất ít vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong những giờ học bình thường.

Nguyên nhân việc giáo viên ngại áp dụng phương pháp này là:



- + Thói quen sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (78,3%).
- + Thảo luận nhóm là phương pháp khó, tốn nhiều thời gian trong khi lượng kiến thức phải truyền đạt đồ sộ, quỹ thời gian dành cho môn Giáo dục chính trị lại không nhiều 90 tiết (84,4%);
- + Chính trị là môn học khó nên để thảo luận nhóm thành công phải tốn nhiều công sức chuẩn bị (92,4%);
- + Từ quan niệm coi môn Giáo dục chính trị là môn cơ sở, học sinh không chú trọng học môn này nên không hào hứng tham gia thảo luận nhóm (60%).
- + Do đối tượng học sinh của trường còn nhiều hạn chế nên giáo viên ngại tiến hành thảo luận nhóm trong những giờ học bình thường.

3. Một số kinh nghiệm trong việc vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất cho người học.

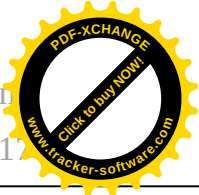
Để phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, những điểm khó của phương pháp thảo luận nhóm ở môn chính trị, trong quá trình giảng dạy, bản thân tôi đã rút ra được những kinh nghiệm sau:

+ Lựa chọn chủ đề thảo luận: Chủ đề thảo luận phải là những nội dung cơ bản, trọng tâm, đồng thời là những tình huống có vấn đề, hấp dẫn, buộc học sinh phải động não. Ví dụ: *“Hãy thảo luận để chỉ ra yếu tố duy tâm trong Phật giáo? Cần phải nhìn sự vật như thế nào để không duy tâm như quan niệm Phật giáo?”* (Bài 1, Chủ nghĩa duy vật khoa học); *“Hãy thảo luận để giải thích vì sao Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh lựa chọn con đường cách mạng vô sản mà không chọn những con đường cách mạng khác?”* (Bài 13, Tư tưởng Hồ Chí Minh)... Vấn đề cần thảo luận ở môn chính trị thường tập trung vào hai khía cạnh: 1. Những khái niệm hạt nhân; 2. Những tình huống có vấn đề trong thực tiễn.

Để đảm bảo chất lượng của quá trình thảo luận cũng như chất lượng của giờ lên lớp, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đọc trước bài học và những vấn đề cần lưu ý. Điều đó giúp học sinh chủ động hơn trong thảo luận.

- Chia nhóm và chọn nhóm trưởng: Giáo viên nên áp dụng linh hoạt các hình thức chia nhóm:

+ Chia nhóm ngẫu nhiên: Giáo viên có thể chia học sinh theo bàn, theo tổ. Hình thức chia nhóm này được áp dụng khi nhiệm vụ thảo luận của các nhóm giống



nhau hoặc nếu nhiệm vụ khác nhau thì cũng ít có sự chênh lệch về độ khó. Đây là hình thức chia nhóm phổ biến nhất.

+ Chia nhóm cùng trình độ: Giáo viên dựa vào trình độ học sinh để chia thành nhóm giỏi, khá, trung bình, yếu. Giáo viên nêu yêu cầu thảo luận khác nhau tùy thuộc vào trình độ của nhóm.

+ Chia nhóm gồm đủ các trình độ: Cách chia này thường được sử dụng khi nội dung thảo luận cần có sự hỗ trợ lẫn nhau.

+ Chia nhóm theo sở trường: cách chia này thường được tiến hành trong các buổi học tập ngoại khoá, mỗi nhóm sẽ gồm các học sinh có cùng chung sở thích, hứng thú.

- Giao nhiệm vụ cho nhóm: Giáo viên nêu nhiệm vụ rõ ràng, ngắn gọn, xác định thời gian, hướng dẫn cách thức thảo luận. Thông thường, thời gian thảo luận trung bình là 5-7 phút.

- Làm việc theo nhóm: Sau khi chia nhóm, mỗi nhóm sẽ bốc thăm để chọn nhóm trưởng, thư ký hoặc tự bầu ra nhóm trưởng. Giáo viên có thể chỉ định nhóm trưởng, thư ký luân phiên để khắc phục tình trạng có học sinh chuyên trách nhiệm vụ này. Trong khi học sinh thảo luận, giáo viên đi tới các nhóm, quan sát, gợi ý, giúp đỡ học sinh thảo luận, nếu thấy cần thiết và nhắc nhở học sinh không nói chuyện, chơi, làm việc riêng. Sau khi thảo luận,

- Tổng kết: Giáo viên với vai trò trọng tài chốt lại những nội dung cơ bản, khen thưởng những nhóm thảo luận tốt, động viên, khuyến khích để tạo hứng thú cho học sinh.

Lưu ý: Không có một phương pháp vạn năng cho mọi nội dung dạy học. Bởi vậy, giáo viên không nên lạm dụng phương pháp thảo luận nhóm mà cần phối hợp linh hoạt với các phương pháp khác để giờ học sinh động hơn.

Ví dụ về một hoạt động thảo luận nhóm trong tiết học “Quy luật mâu thuẫn” (Bài 2, Những nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật)

** Thảo luận nhóm để so sánh phủ định biện chứng và phủ định siêu hình*

Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh từ tiết học tuần trước: Về nhà đọc trước nội dung “Quy luật mâu thuẫn”, chú ý hai vấn đề: 1. Phân biệt mâu thuẫn biện chứng và mâu thuẫn siêu hình; 2. Nguồn gốc, động lực phát triển của sự vật, hiện tượng (tác động bên trong hay bên ngoài).

Bước 2. Chia nhóm: Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm lớn theo hai dãy bàn. Mỗi bàn lại thành 1 nhóm nhỏ. Giáo viên cử nhóm trưởng của 2 nhóm lớn.

Bước 3. Giao nhiệm vụ, xác định thời gian, hướng dẫn cách thức thảo luận:
Giáo viên dùng máy chiếu để trình chiếu hai hình ảnh: Hình ảnh 1 là 2 cây xanh 1 cao 1 thấp đứng cạnh nhau; hình ảnh 2 là hình ảnh đấu tranh của 2 giai cấp nông dân và địa chủ trong xã hội phong kiến. Các nhóm quan sát cả 2 hình ảnh, sau đó nhóm 1 quan sát kỹ hình ảnh 1 và trả lời các câu hỏi: *Hai cây trên có sự đối lập nhau như thế nào? Sự đối lập trên có ảnh hưởng tới sự phát triển của thế giới thực vật không? Thế nào là mâu thuẫn siêu hình?* Nhóm 2 quan sát kỹ hình ảnh 2 và trả lời câu hỏi: *Hai giai cấp có sự đối lập nhau như thế nào? Mâu thuẫn của 2 giai cấp có ảnh hưởng tới sự phát triển của xã hội phong kiến không? Thế nào là mâu thuẫn biện chứng?* Thời gian thảo luận 7 phút.

Bước 4. Tiến hành thảo luận. Các nhóm nhỏ thảo luận theo từng bàn. Thư ký của nhóm lớn ghi ý kiến thảo luận của các nhóm nhỏ. Nhóm trưởng và thư ký nhóm lớn tổng hợp, chọn lọc ý kiến. Giáo viên đi tới các dãy bàn, quan sát, trợ giúp. Nhóm trưởng lên trình bày trước lớp. Giáo viên bật lại máy chiếu hình ảnh cần thảo luận của nhóm. Cả lớp theo dõi, quan sát, các thành viên trong từng nhóm bổ sung ý kiến cho nhóm mình. Nhóm khác bổ sung ý kiến.

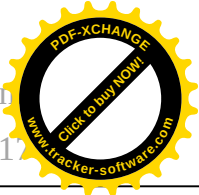
Giáo viên nêu tiếp vấn đề để cả lớp thảo luận: *Phân biệt sự giống và khác nhau giữa mâu thuẫn biện chứng và mâu thuẫn siêu hình?*

Bước 5. Tổng kết. Giáo viên chốt lại:

- *Mâu thuẫn siêu hình là mâu thuẫn tồn tại các mặt đối lập lẫn nhau của sự vật.*
- *Mâu thuẫn biện chứng là mâu thuẫn vừa có sự thống nhất vừa có sự đấu tranh của các mặt đối lập.*
- *Mâu thuẫn biện chứng là nguồn gốc, động lực cho sự phát triển của sự vật, hiện tượng.*

Giáo viên nhận xét tinh thần, thái độ, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm. biểu dương những học sinh và nhóm thảo luận tích cực, hiệu quả.

Bản thân tôi là giáo viên giảng dạy môn chính trị trong nhà trường, tôi đã áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong một số bài như bài 1, bài 2, bài 4, bài 7, bài 13... trong giáo trình chính trị dùng trong nhà trường trung cấp chuyên nghiệp cho hệ tốt nghiệp THPT. Qua việc so sánh hiệu quả trong những giờ giảng tôi vận dụng phương pháp thảo luận nhóm so với những giờ giảng khác ở một số lớp tôi thu kết quả sau:



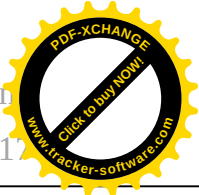
- + Thảo luận nhóm khi vận dụng khéo léo, kết hợp với các phương pháp khác một cách linh hoạt sẽ cho hiệu quả giảng dạy cao hơn.
- + Đa số học sinh hiểu và nắm được bài, các em biết vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống biến thành kỹ năng sống của mỗi người.
- + Học sinh hứng thú, tích cực, chủ động suy nghĩ trong việc tìm tòi kiến thức.
- + Học sinh mạnh dạn, tranh luận cởi mở, sôi nổi, tự tin đưa ra ý kiến của mình, lắng nghe ý kiến đóng góp, phê bình của các bạn.
- + Học sinh lĩnh hội và nắm kiến thức của bài một cách nhanh nhất, chắc chắn và nhớ lâu kiến thức đã học.

Điều quan trọng hơn là khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đã giúp chuyển trọng tâm giờ học từ hoạt động của thầy sang hoạt động của trò, học sinh chủ động chiếm lĩnh kiến thức trong giờ học chính trị, các em thấy môn học chính trị không còn khô khan, khó hiểu mà đây là môn học lý thú, bổ ích, giúp các em hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, đúng đắn, sống có lý tưởng, có mục đích và có lối sống đạo đức trong sạch, lành mạnh.

Thảo luận nhóm là phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng lực diễn đạt, hợp tác, làm việc theo nhóm của học sinh - một phẩm chất quan trọng của người công dân trong xu thế hội nhập, toàn cầu hoá ngày nay. Tuy nhiên, đây là một phương pháp khó. Để vận dụng thành công phương pháp này, giáo viên cần nắm vững kiến thức, có quy trình thảo luận khoa học cùng với nghệ thuật sư phạm khéo léo.

Trên đây là những suy nghĩ, việc làm của cá nhân tôi. Đó là những ý kiến, việc làm rất nhỏ góp phần vào việc đổi mới phương pháp dạy học cũng như nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị tại trường. Để có những giờ dạy chính trị đạt hiệu quả cao, sinh động, học sinh dễ hiểu, dễ nhớ là một việc làm khó. Trong quá trình giảng dạy, tôi mạnh dạn nêu một kinh nghiệm nhỏ của mình, rất mong nhận được sự trao đổi, đóng góp chung của đồng nghiệp để chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị càng được nâng cao, để học sinh hào hứng, yêu thích hơn với môn học này.

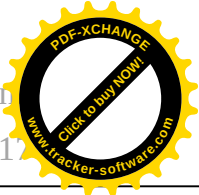
Qua đây, với tư cách là giáo viên giảng dạy môn chính trị trong nhà trường, tôi xin được đề xuất về phía nhà trường thường xuyên quan tâm hơn nữa đến việc tạo điều kiện để giáo viên chính trị được học tập, rèn luyện những phương pháp dạy học mới, tích cực qua việc tham gia tập huấn định kỳ Giáo dục chính trị khối các



trường trung cấp chuyên nghiệp, tham gia các cuộc thi giáo viên giỏi... Phối hợp với Đoàn trường tổ chức các buổi ngoại khóa tham quan các di tích lịch sử, bảo tàng cách mạng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng, đạo đức cho các em học sinh, góp phần hoàn thành nhiệm vụ giáo dục chung của nhà trường và toàn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình môn Giáo dục Chính trị
2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.



GIẢNG DẠY PHÁP LUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN PHẨM CHẤT - NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

ThS. Đặng Thị Nhật Minh
Giảng viên môn Pháp luật

TÓM TẮT: Bài viết giới thiệu về phẩm chất và năng lực, và giới thiệu quan niệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam về phẩm chất và năng lực. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế, bài viết đã đề cập đến đổi mới phương pháp cách giảng dạy môn pháp luật theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho người học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục là hướng người học đến việc lĩnh hội những tri thức từ thế giới xung quanh, sau đó tác động và cải tạo thế giới xung quanh theo sự nhận thức của mình... Do đó, giáo dục có vai trò hết sức quan trọng là giúp cho người học nhận thức được những hình ảnh tích cực xung quanh mình, phê phán những hình ảnh tiêu cực và tìm cách loại bỏ.

Những chương trình giáo dục cũng như phương pháp giáo dục từ xưa đến nay tuy có khác nhau về cách trình bày, phương pháp và nội dung giáo dục... nhưng đều hướng tới hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực con người.

Phẩm chất và năng lực đó chính là đức và tài, việc phát triển đức và tài phải được tiến hành một cách song song, trong xu thế hội nhập sâu rộng và toàn diện như hiện nay, không thể để con người phát triển lệch lạc về đức và tài. Như vậy, vấn đề cần đặt ra là chúng ta cần phải đào tạo thế hệ trẻ như thế nào để phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực tức là đức và tài để đáp ứng được với yêu cầu mới.

2. PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

a. Khái niệm phẩm chất và năng lực:

Phẩm chất là cái làm nên giá trị của con người, hoặc phẩm chất là những yếu tố đạo đức, hành vi ứng xử, niềm tin, tình cảm, giá trị cuộc sống, ý thức pháp luật của con người... được hình thành sau một quá trình giáo dục; Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó, hoặc năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện thành công một loại công việc trong một bối cảnh nhất định. Năng lực gồm có năng lực chung và năng lực đặc



thù. Năng lực chung là năng lực cơ bản cần thiết mà bất cứ người nào cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc. Năng lực đặc thù thể hiện trên từng lĩnh vực khác nhau như năng lực đặc thù môn học là năng lực được hình thành và phát triển do đặc điểm của môn học đó tạo nên.

Con người khi mới sinh ra chưa có phẩm chất và năng lực, phẩm chất và năng lực phản ánh bản chất của xã hội và chỉ được hình thành, phát triển trong quá trình hoạt động, giao tiếp, học tập, lao động, vui chơi, giải trí... của con người.

Theo các nhà xã hội học thì phẩm chất và năng lực được xây dựng và hình thành trong toàn bộ thời gian con người tồn tại trong xã hội, nó đặc trưng cho mỗi con người. Do đó vai trò của giáo dục vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của con người.

b. Ba phẩm chất và tám năng lực theo quan niệm của Bộ Giáo dục Việt Nam

Theo quan niệm của Bộ giáo dục và Đào tạo của nước ta hiện nay cần phải phát triển ba phẩm chất và tám năng lực.

Ba phẩm chất đó là: Sống yêu thương gồm yêu tổ quốc, giữ gìn phát huy truyền thống, di sản quê hương đất nước, tôn trọng các nền văn hóa trên thế giới, nhân ái, khoan dung, yêu thiên nhiên....; Sống tự chủ gồm sống trung thực, tự trọng, tự lực, chăm chỉ, vượt khó, tự hoàn thiện; Sống trách nhiệm gồm tự nguyện, chấp hành kỷ luật, tuân thủ pháp luật, bảo vệ nội quy và pháp luật.

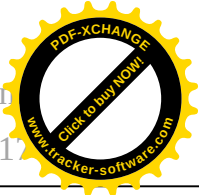
Tám năng lực đó là: Năng lực tự học; Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực tính toán; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

3. VẬN DỤNG VÀO VIỆC GIẢNG DẠY PHÁP LUẬT

Để phát triển phẩm chất và năng lực người giáo viên cần phải thiết kế bài giảng dưới dạng những hoạt động tích cực như:

- Trên lớp, giáo viên tạo điều kiện cho người học trình bày trước lớp những nội dung chính của bài học dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, tóm ý, nêu nội dung chính, những ứng dụng của nội dung trong thực tế, được phép phản biện...

- Bài tập về nhà ngoài việc củng cố phần lý thuyết, sẽ chú trọng nhiều đến những câu hỏi mang tính ứng dụng vào thực tiễn, là những tình huống, những câu hỏi có thực trong cuộc sống, gắn liền với công việc của người học ở hiện tại và cả trong tương lai... Những bài về nhà cần phải có nhận xét và đánh giá kịp thời, cụ thể rõ ràng, không nhận xét một cách chung chung chiếu lệ.



- Dành nhiều thời gian cho sinh viên hơn (tăng thêm giờ tư vấn, giải đáp những thắc mắc của người học ngoài giờ lên lớp).
- Thiết kế bài giảng dưới dạng những trò chơi, sinh hoạt ngoại khóa, tranh luận, hùng biện về những hành vi, nhưng qui phạm pháp luật...
- Hình thành thái độ và ý thức tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và biết sử dụng pháp luật, bên cạnh đó người học biết tỏ thái độ không đồng tình trước những hành vi vi phạm pháp luật...
- Lồng ghép những tin tức thời sự liên quan đến chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ vào bài giảng, và hướng người học đến những hành động thiết thực để bảo vệ tổ quốc...
- Chú trọng đến việc tổ chức hoạt động nhóm cho người học, cần phải kiểm tra, giám sát hoạt động nhóm của người học...

4. NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

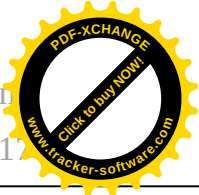
Dạy học phát triển phẩm chất và năng lực người học là giúp người học học tập một cách chủ động, một cách tích cực hơn biết cách giải quyết vấn đề một cách khoa học, dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận rủi ro...thì đòi hỏi người giáo viên phải đầu tư cho công việc của mình nhiều hơn, năng động – sáng tạo hơn, bên cạnh đó, người học phải đầu tư nhiều hơn trong việc học tập-lĩnh hội tri thức...Do đó, nhà trường cũng phải cố gắng hết sức giúp đỡ – hỗ trợ cho giáo viên và người học nhiều hơn nữa về cơ sở – vật chất – máy móc – thiết bị.

Để có thể tiến hành một cách đồng bộ và phát huy hiệu quả việc phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học thì cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, quản lý khoa và quản lý tổ bộ môn:

Tổ bộ môn

Tổ bộ môn có vai trò rất quan trọng, bởi vì tổ bộ môn là nơi tập trung giáo viên lại với nhau, phân công nhiệm vụ chuẩn bị bài giảng, thảo luận tìm ra những phương pháp những hình thức truyền đạt nội dung một cách tốt nhất, bên cạnh đó hàng tháng đều họp chuyên môn để tổng kết rút kinh nghiệm cho quá trình giảng dạy, chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy, và đưa ra những sáng kiến cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy...

Phụ trách tổ thường xuyên cập nhật thông tin và truyền đạt đến các thành viên trong tổ để cùng nhau làm phong phú thêm nội dung bài giảng.



Cùng với các thành viên trong tổ, tổ bộ môn cải tiến nội dung giảng dạy hiện hành cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã hội, cùng nhau biên soạn – sưu tầm những câu hỏi – bài tập có tính ứng dụng vào thực tiễn nhiều hơn.

Khoa Lý luận Chính trị

Khoa là nơi đôn đốc nhắc nhở và khuyến khích tổ bộ môn tích cực chủ động trong công tác chuyên môn, bên cạnh đó quản lý khoa còn giúp đỡ và hỗ trợ tổ bộ môn gặp khó khăn về chuyên môn cũng như kỹ thuật...Ngoài ra khoa nên xây dựng một nhóm hỗ trợ về tin học, về mạng...để giúp đỡ các giáo viên gặp khó khăn trong việc sử dụng các phần mềm tin học, hay cài đặt một số phần mềm để soạn giáo án điện tử hiện đại, hay cách soạn một số trò chơi...

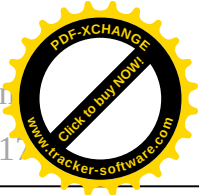
Nhà trường

Ban Giám Hiệu, Đảng bộ nhà trường nên tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để tổ bộ môn cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển toàn diện phẩm chất năng lực của người học. Bên cạnh đó, nhà trường có thể mời một số giảng viên trường bạn có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động trên lớp để giảng viên trường ta học hỏi và vận dụng vào tiết dạy của mình. Ngoài ra, phòng Quản trị dịch vụ của trường luôn có kế hoạch bảo trì sửa chữa hoàn thiện hệ thống wifi trong nhà trường để giáo viên và sinh viên có điều kiện cập nhật thông tin một cách nhanh chóng.

5. KẾT LUẬN

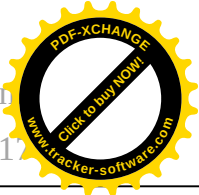
Để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học thì những người làm công tác giáo dục là phải làm sao cho người học luôn luôn chủ động tham gia các hoạt động, không ngừng học hỏi trao đổi kiến thức trong suốt đường đời của mình... “Học để biết; Học để làm; Học để tồn tại; và Học để chung sống” (triết lý giáo dục của UNESCO), chứ không dừng lại ở mức độ “Học để biết”. Làm được việc này không dễ dàng gì. Do đó, cần phải có sự phối hợp giữa giáo viên - tổ bộ môn - khoa - nhà trường. Bên cạnh đó mỗi cá nhân - tập thể phải không ngừng cố gắng phấn đấu thì mới có thể đem lại thành công.

“Một cây làm chẳng nên non; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” (Tục ngữ của Việt Nam)



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Đặng Xuân Hải, *“Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ”*, Nhà xuất bản Bách khoa-Hà Nội, 2013.
2. Mai Thị Linh, *“Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học liên quan đến kỹ năng mềm tại khoa kinh tế trường Đại học Nha Trang”* (bài tham luận), 2010.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo, *“Giáo trình Pháp luật Đại cương”*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2015.
4. Nhựt Quang, *“Phương pháp đào tạo đại học chủ động và hiệu quả”*, Việt Báo (Theo Thanh niên online), 2005
5. Tạp chí tiasang.com.vn.



ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN PHÁP LUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

CN. Bùi Thành Dũng
Giảng viên môn Pháp luật

I. Tổng quan

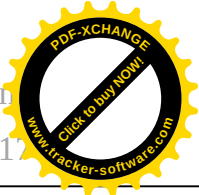
1. Khái quát chung

- Bất kỳ trong xã hội nào, thời đại lịch sử nào, việc giáo dục kiến thức cho con người đó là quốc sách hàng đầu của 1 quốc gia. Một xã hội có phát triển cao hay không thì dân trí người dân trong xã hội phải cao. Chính vì vậy giáo dục ở Việt Nam Đảng và nhà nước ta đã chú trọng và đầu tư rất nhiều cho nền giáo dục vì nó đóng vai trò quyết định cho sự phát triển của một quốc gia. Hơn nữa Đất nước Việt Nam đang trong thời kỳ đổi mới tham gia vào các tổ chức thương mại thế giới, là thành viên trong các nước ASEAN, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (Apec)... Phấn đấu đến năm 2020 phải xây dựng nền công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

- Trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020 để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Đảng ta, trong Đại hội Đảng XII đã khẳng định cần phải thay đổi căn bản và toàn diện về giáo dục để đáp ứng và phù hợp với xu thế phát triển của nước Việt Nam nói riêng và tình hình thế giới nói chung. Mà trong đó đổi mới phương pháp dạy học là 1 trong những yếu tố rất quan trọng cho sự nghiệp cải cách nền giáo dục hiện nay. Trong đó việc đổi mới phương pháp giảng dạy cho học sinh - sinh viên trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh mà tôi muốn trình bày dưới đây.

2. Mục đích đổi mới phương pháp dạy học

- Với sự phát triển của các quốc gia hiện nay. Đặc biệt là khoa học và công nghệ thông tin đòi hỏi tri thức, năng xuất lao động của con người để đáp ứng và phù hợp cùng với sự hội nhập và toàn cầu hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó buộc các quốc gia mình phải tự chọn cho mình những giải pháp phát triển trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc để đáp ứng 1 nền tri thức mới. Nếu không sẽ trở thành 1 nước lạc hậu, thấp kém và nghèo đói, chịu sự quản lý của các nước khác. Trước những thách thức đó Đảng ta khẳng định phải thay đổi cơ bản toàn diện về giáo dục. Do vậy để làm được những điều trên thì



yếu tố con người là quyết định mà muốn vậy thì con người phải được trang bị kiến thức, sự hiểu biết toàn diện về thế giới quan. Điều này đồng nghĩa với việc xem giáo dục là quốc sách hàng đầu trong sự phát triển của 1 quốc gia, giáo dục là nền tảng của sự phát triển khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại và đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao ý thức dân tộc, tinh thần trách nhiệm và năng lực của các thế hệ hiện nay và mai sau. Khi nói về giáo dục thì yếu tố quan trọng nhất để giáo dục con người là phương pháp giáo dục. Trong giáo dục, quy trình đào tạo được xem như là một hệ thống bao gồm các yếu tố: mục tiêu, chương trình đào tạo, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học là khâu rất quan trọng bởi lẽ phương pháp dạy học có hợp lý thì hiệu quả của việc dạy học mới cao, phương pháp có phù hợp thì mới có thể phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo của người học. Bởi vậy, việc đổi mới giáo dục trước hết là việc đổi mới phương pháp dạy học.

II. Một số khái niệm

1. Phương pháp giảng dạy

- Theo tiếng Hy Lạp là “Méthodos” có nghĩa là con đường, cách thức hoạt động nhằm

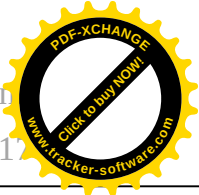
đạt được mục đích nhất định. Vậy phương pháp dạy học là những cách thức làm việc giữa người dạy và người học. Thông qua đó để người học nắm vững được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành được trong thế giới quan. Vì vậy phương pháp dạy học là 1 trong những phương thức tác động trực tiếp đến người học để người học lĩnh hội được tri thức của người dạy. Nếu kết quả người học không đạt được đồng nghĩa với phương pháp dạy đó chưa phù hợp. Do đó trước khi đưa ra phương pháp dạy học thì phải nắm rõ được tính chất của đối tượng người học, năng lực, trình độ người học trong quá trình tác động của phương pháp đó.

2. Phẩm chất người học

+ **Khi nói về phẩm chất người học có rất nhiều thành tố tạo nên. Ở đây tôi xin nói 1 thành tố quan trọng nhất tạo nên phẩm chất người học đó là nhân cách người học**

2.1. Nhân cách là gì:

- Ông A.G.Covaliov nói rằng: Nhân cách là một cá nhân có ý thức, chiếm một vị trí nhất định trong xã hội và đang thực hiện một vai trò xã hội nhất định



- Ông E.V.Sôrôkhôva nói rằng: Nhân cách là con người với tư cách là kẻ mang toàn bộ thuộc tính và phẩm chất tâm lý, quy định hình thức hoạt động và hành vi có ý nghĩa xã hội.

- Ông V.X.Mukhina nói rằng: Nhân cách là cá thể hóa ý thức xã hội.

- Con người khi được sinh ra vốn đã hình thành nhân cách nhưng muốn hình thành nhân cách đúng, hoàn thiện thì phải trải qua môi trường sống. Nhân cách là một cấu tạo tâm lý mới được hình thành và phát triển trong quá trình sống, hoạt động, giao tiếp của mỗi người. Ông V.I.Lênin khẳng định: “Cùng với dòng sữa mẹ, con người hấp thụ tâm lý, đạo đức của xã hội mà con người là thành viên”.

- Nhà tâm lý học Xô viết nổi tiếng A.N.Lêonchiép cũng chỉ ra rằng: “Nhân cách cụ thể là nhân cách con người sinh thành và phát triển theo con đường từ bên ngoài chuyển vào nội tâm, từ các quan hệ với thế giới tự nhiên, thế giới đồ vật, nền văn hóa xã hội do các thế hệ trước tạo ra, các quan hệ xã hội mà nó gắn bó”.

* Từ những điều đã phân tích ở trên, có thể đi đến định nghĩa về nhân cách như sau: Nhân cách là toàn bộ những năng lực và phẩm chất xã hội - sinh lý - tâm lý của cá nhân tạo thành chính thể đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định và tự điều chỉnh mọi hoạt động của mình. Trong quá trình hình thành, nhân cách bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: Yếu tố sinh thể; môi trường xã hội; giáo dục và tự giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Mỗi yếu tố đều có vai trò nhất định. Sau đây sẽ phân tích từng yếu tố và vai trò của chúng trong việc hình thành và phát triển nhân cách.

* Khi nói tới phẩm chất con người thì yếu tố nhân cách là 1 trong những yếu tố quan trọng nhất. Để trở thành con người tốt thì trước tiên phải có nhân cách tốt. Do đó trước khi trang bị kiến thức cho người học thì đầu tiên phải chú ý dạy và rèn luyện nhân cách cho người học trước, để từ đó họ mới có sự nhận thức tốt được trong quá trình lĩnh hội tri thức từ trong mối quan hệ, ứng xử, cư xử, xác định mục đích, động cơ cho việc học được tốt hơn. Nhân cách của người học được hình thành qua các môi trường cụ thể như gia đình, nhà trường, xã hội mà để có được điều này thì đòi hỏi từ cha, mẹ, ông, bà, anh, chị, em, thầy, cô giáo phải làm gương và giáo dục được cho người học sao cho người học lĩnh hội và rèn luyện từ từ hình thành 1 nhân cách tốt để từ đó người học làm nền tảng phát triển quá trình nhận thức học tập để thành người. Hiện nay do môi trường xã hội phát triển rất cao đặc biệt là các lĩnh vực truyền thông phát triển toàn cầu, nhu cầu xã hội ngày càng phát triển, văn hóa thế giới đã thâm nhập vào môi trường sống, môi trường giáo dục của người học rất nhiều. Vì vậy ít nhiều



người học bị ảnh hưởng những tác động xấu từ phía xã hội. Vì vậy vai trò của người dạy tác động vào sự hình thành nhân cách của người học là hết sức quan trọng.

3. Năng lực người học

- Năng lực người học được chia thành hai loại chính đó là năng lực chung và năng lực cụ thể, chuyên biệt. Khi nói đến năng lực là nói đến khả năng thực hiện, biết làm cái gì, nói cái gì để có hiệu quả và kết quả tốt chứ không không dừng lại chỉ biết và hiểu. Trong đó năng lực chung là năng lực chung cơ bản, thiết yếu của con người mà ai cũng có nó được hình thành và phát triển qua nhiều môn học, liên quan đến các môn học, được hình thành thường xuyên trong quá trình học. Năng lực cụ thể, chuyên biệt là năng lực được hình thành và phát triển cho 1 hay nhiều lĩnh vực trong quá trình học. Đó là năng lực chuyên sâu có thể tự có hay có được trong quá trình trải nghiệm trong thực tiễn, cũng có thể được hình thành qua quá trình giáo dục.

III. Thực trạng và nguyên nhân về chất lượng dạy - học tại Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Thuận lợi:

- Trường có diện tích rộng rãi, đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và trình độ chuyên môn (Trên 70% giảng viên đều có trình độ sau đại học), có cơ sở vật chất cơ bản được trang bị đầy đủ cho suốt quá trình dạy và học. Cơ cấu các phòng ban chặt chẽ tạo thành mắt xích quản lý điều hành công việc nhà trường khá tốt. Được sự quan tâm của các ban ngành cấp trên rất đầy đủ...

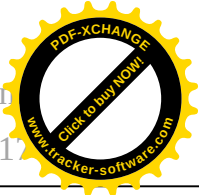
2. Khó khăn

- Đầu vào học sinh - sinh viên quá thấp phần lớn là xét tuyển bằng hình thức điểm học bạ. Học sinh - sinh viên Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh phần lớn là các cháu ở tỉnh, học lực rất thấp, nhân cách của các cháu thì cũng rất hạn chế, nhận thức của các cháu phần lớn là chưa xác định được mục đích và động cơ cho việc học. Chính vì vậy mà việc giáo dục và dạy cho các cháu rất cực khổ và rất khó khăn, nếu người dạy không tìm ra được phương pháp dạy cho phù hợp mang tính đặc thù cho đối tượng mình dạy.

3. Những mặt làm được và chưa làm được

3.1. Những mặt đã làm được

- Xây dựng trang bị cơ sở vật chất, phòng học, xưởng, trang thiết bị trong dạy học tương đối khá đầy đủ. Cơ cấu nhân sự hay tổ chức các phòng, ban đầy đủ tạo thành thể mạnh và chặt chẽ trong quá trình quản lý và điều hành công việc của nhà trường.



Nhà trường đang trên giai đoạn xây dựng và phát triển từ diện tích, mặt bằng, cơ cấu tổ chức nhân sự, đội ngũ giảng viên ngày càng hoàn thiện hơn và có chất lượng hơn.

3.2. Những mặt chưa làm được

- Ký túc xá còn quá bề bộn, chưa đảm bảo cho học sinh - sinh viên nội trú cho quá trình học tập tại trường.

- Các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đội ngũ giảng viên chưa thật sự quan tâm và hợp lý

- Các văn bản nhà trường ban hành để điều hành quản lý công việc dạy và học... Đôi khi còn quá cứng nhắc chưa thấu tình đạt lý, ít nhiều đã làm ảnh hưởng đến tinh thần người dạy...

- Một số phòng ban, cơ sở vật chất cũng chưa trang bị đầy đủ và kịp thời.

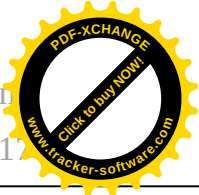
- Vai trò quản lý của đội ngũ viên chức quản lý chưa hoạt động hết trách nhiệm, trong việc tham mưu hay đề ra các giải pháp xây dựng cho nhà trường, Chưa thật sự thể hiện chính kiến của bản thân và mạnh dạn đấu tranh bên vực những quyền lợi chính đáng hợp pháp cho người lao động.

4. Một số đặc thù của Học sinh - Sinh viên Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh qua khảo sát

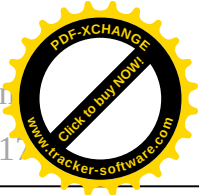
KẾT QUẢ KHẢO SÁT 15 CÂU QUA 6 LỚP HỌC (15CĐ) TỪ NGÀY 11 – 13/01/2016 NHƯ SAU:

(Tổng số sinh viên khảo sát: 234)

1. Các em thuộc tỉnh hay thành phố?
 - a. Tỉnh: **87%**
 - b. Thành Phố: **13%**
2. Các em vào trường học bằng hình thức nào?
 - a. Xét tuyển (bằng học bạ: điểm trung bình mấy phần): **96%**
 - b. Thi tuyển (điểm thi bao nhiêu điểm): **4%**
3. Em có thích học môn pháp luật không hay không?
 - a. Thích: **84%**
 - b. Không: **16%**
4. Các em có học bài trước khi thi giữa kỳ hay không?
 - a. Có: **55%**



- b. Không: **45%**
5. Các em có xem lại bài trước khi thi giữa kỳ hay không?
- a. Có: **82%**
- b. Không: **18%**
6. Nội dung bài học môn Pháp luật theo em nhiều và dài hay không?
- a. Có: **72%**
- b. Không: **6%**
- c. Vừa đủ: **22%**
7. Các phương pháp giảng dạy bao gồm các phương pháp sau đây em thích phương pháp nào?
- a. Giảng viên giảng 1 chiều, sinh viên- học sinh ngồi nghe giảng: **22%**
- b. Chia nhóm thảo luận nội dung bài giảng ngay trên lớp giảng viên đặt câu hỏi hoặc SV – HS đặt câu hỏi để cùng nhau giải thích và trả lời: **78%**
8. Ngoài giờ học các em có lên mạng tìm hiểu học thêm môn pháp luật hay không?
- a. Có: **85%**
- b. Không: **15%**
9. Các em có chuẩn bị bài trước khi lên lớp hay không?
- a. Có: **8%**
- b. Không: **92%**
10. Các em có tự học phần nội dung giảng viên cho về nhà hay không?
- a. Có: **5%**
- b. Không: **95%**
11. Ngoài giờ học các em có đến thư viện trường để tìm hiểu tài liệu học hay không?
- a. Có: **8%**
- b. Không: **92%**
12. Sau mỗi bài giảng của giảng viên các em có giành thời gian học lại tại nhà không?
- a. Có: **11%**
- b. Không: **89%**
13. Theo các em học là để lấy điểm cho qua môn hay lấy điểm cao?
- a. Cho qua môn: **74%**



b. Cần điểm cao: **26%**

14. Giáo trình học môn Pháp luật hiện nay đối với em như thế nào?

a. Không phù hợp: **0%**

b. Quá dài: **69%**

c. Nhiều nội dung không cần học: **31%**

15. Các em có ý kiến gì qua môn học Pháp luật?

- **Nhiều Sinh viên nói rằng cần bỏ bớt nhiều nội dung không cần thiết, quá dài, nội dung khô khan khá nhàm chán...**

Từ kết quả khảo sát trên bản thân tôi nhận thấy đối với học sinh - sinh viên Trường CDKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh nên chọn **Phương pháp giảng dạy sao mang tính đặc thù, phù hợp với đối tượng người học tại nhà trường.** Bởi vì

Qua kết quả khảo sát trên học sinh – sinh viên tại trường CDKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh có những đặc thù như: Trên 90% là học sinh – sinh viên ở tỉnh lên học; đầu vào thì quá thấp phần lớn là tuyển theo điểm tổng kết học bạ (5.5 điểm). Điểm thi tuyển vào trường thì cũng khá thấp, Phần lớn học sinh - sinh viên không chịu học bài, không chịu tư duy, nhận thức về động cơ và mục đích cho việc học thì quá kém; Kiến thức trước khi vào trường học thì rất thấp... từ những tiêu chí trên. Chúng ta không thể chạy theo cách dạy với những phương pháp thông thường hay đáp ứng toàn bộ nội dung kiến thức của các cơ quan trung ương mang tính chung của quốc gia. Do vậy việc giảng dạy đối với đối tượng này chúng ta cần có những phương pháp dạy cụ thể như sau.

5. Khảo sát nhận thức học sinh - sinh viên về môn pháp luật
(ngày 14/11/2016):

Nhận biết học sinh - sinh viên về môn học pháp luật	Các mức độ nhận biết					
	Đồng ý		Không đồng ý		Lưỡng lự	
	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)
1. Pháp luật là môn học rất cần thiết trong chương trình giáo dục?	37	90	4	10	0	0
2. Pháp luật chỉ là môn học phụ không cần thiết?	7	17	34	83	0	0
3. Pháp luật trang bị kỹ năng sống và làm việc cho HS-SV	35	85	6	15	0	0
4. Nội dung phù hợp với HS-SV	13	32	28	68	0	0
5. Giúp cho người học biết yêu thương, giúp đỡ mọi người xung quanh	21	51	3	7	17	42
6. Có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức cho người học	35	85	0	0	6	15
7. Giúp cho người học trở thành 1 công dân tốt có ích cho xã hội	33	80	0	0	8	20

6. Khảo sát mức độ yêu thích môn pháp luật (ngày 14/11/2016):

Câu hỏi	Thích		Không thích	
	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)
Các em có thích học môn pháp luật không?	33	80	8	20

**7. Khảo sát hành động học sinh - sinh viên trong giờ học môn pháp luật
(ngày 14/11/2016):**

Trong giờ học môn pháp luật	Mức độ					
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không có	
	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)	SL (HS))	TL (%)
1. Chú ý nghe giảng	25	61	10	24	6	15
2. Ghi chép bài đầy đủ	1	2	5	12	35	86
3. Hoàn thành bài tập trên lớp và về nhà	2	5	5	12	34	83
4. Ngại suy nghĩ và trả lời câu hỏi của giảng viên	13		15		13	
5. Tích cực phát biểu ý kiến khi giảng viên đặt câu hỏi	4	10	5	12	32	78
6. Thích học qua hình ảnh minh họa, trò chơi pháp luật, xem phim liên quan đến kiến thức học	40	96	1	4	0	0
7. Chăm chú theo dõi và phản hồi lại giáo viên	13	32	10	24	18	44
8. Cảm thấy vui vẻ, không mệt mỏi, nhàm chán	13	32	20	48	8	20

8. Nhận xét của giáo viên về học sinh - sinh viên đối với môn pháp luật (ngày 14/11/2016):

Trong giờ học môn pháp luật	Mức độ					
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không có	
	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)	SL (HS)	TL (%)
1. Chú ý nghe giảng	23	56	15	37	3	7
2. Ghi chép bài đầy đủ	0	0	2	5	39	95
3. Hoàn thành bài tập trên lớp và về nhà	0	0	5	12	36	88
4. Ngại suy nghĩ và trả lời câu hỏi của giảng viên	30	73	5	12	6	15
5. Tích cực phát biểu ý kiến khi giảng viên đặt câu hỏi	28	68	10	24	3	8
6. Thích học qua hình ảnh minh họa, trò chơi pháp luật, xem phim liên quan đến kiến thức học	40	98	1	2	0	0
7. Chăm chú theo dõi và phản hồi lại giáo viên	2	5	5	12	34	83
8. Cảm thấy vui vẻ, không mệt mỏi, nhàm chán	5	12	10	24	26	64

IV. Một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với phát triển phẩm chất, năng lực người học tại Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh qua kết quả khảo sát trên.

*** Nhận định chung về phương pháp giảng dạy**

Đổi mới phương pháp dạy học là điều hết sức quan trọng nó góp phần hình thành giúp cho người học lĩnh hội được kiến thức, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo để các cháu khi ra



trường có được tay nghề giúp ích cho bản thân và xã hội. Để đảm bảo được điều đó, phải thực hiện chuyển từ phương pháp dạy học theo lối “truyền thụ một chiều” sang dạy cách học tư duy, sáng tạo, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất người học. Mà 1 số phương pháp dạy học môn pháp luật cho đối tượng học sinh - sinh viên tại Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh tôi mạnh dạn đề nghị như sau.

1. Cải tiến phương pháp truyền thống

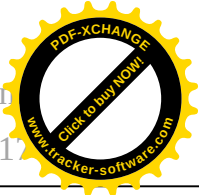
- Đổi mới phương pháp dạy học không có nghĩa là loại bỏ các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, luyện tập mà cần bắt đầu bằng việc cải tiến để nâng cao hiệu quả và hạn chế nhược điểm của chúng. Để nâng cao hiệu quả của các phương pháp dạy học này người giáo viên trước hết cần nắm vững những yêu cầu và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật cho việc giảng dạy, nhận biết đối tượng giảng dạy mình là thuộc đối tượng nào để có bước chuẩn bị trước khi lên lớp, kỹ thuật đặt các câu hỏi và xử lý các câu trả lời trong đàm thoại cần ngắn gọn, xúc tích gắn liền với đời sống thực tiễn hàng ngày nhằm thu hút tính tò mò, thích thú của người học. Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực người học, trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy của người học.

2. Dạy gắn liền với thực hành. 1 lớp dạy không quá 30 em đối với đối tượng học sinh - sinh viên Trường CĐKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với những môn học pháp luật là 1 trong những môn các em khá thích học. Nếu người dạy biết kết hợp linh hoạt các tình huống, những ví dụ gắn liền với đời sống người học, những tình tiết xảy ra thực tế dẫn đến hậu quả, từ đó gây ra thiệt hại khi người học nhận thấy hậu quả trong việc không chấp hành quy định của pháp luật, kết hợp với hình ảnh sống động, video sống động hoặc kết nối trực tiếp qua internet trong lúc giảng dạy để gây nên sự chú ý, động não, suy nghĩ... bớt nhàm chán cho các cháu.

3. Phối hợp nhiều phương pháp, đa dạng hóa các phương pháp trong giảng dạy

- Mỗi bài giảng hay mỗi môn học đều có tính đặc thù và nội dung khác nhau. Do vậy người dạy không nên dùng 1 phương pháp giảng dạy cho tất cả các bài giảng, mà phải căn cứ vào nội dung của từng bài giảng để tìm ra phương pháp dạy cho phù hợp. Từ đó mới kích thích người học say mê, chủ động, động não và sáng tạo trong lúc học. Dù phương pháp dạy nào đi nữa cũng không thể tách rời với những ví dụ minh họa,



video gắn liền với đời sống hàng ngày của người học. Trong đó việc giảng dạy bằng powerpoint là hiệu quả nhất nếu kết nối trực tiếp được qua Internet bên ngoài trong lúc dạy là tốt nhất.

4. Lấy người học làm trung tâm

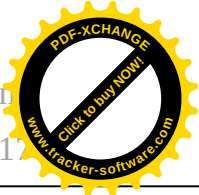
- Lấy người học làm trung tâm cho quá trình dạy là hợp lý, giáo viên là người giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới theo kiểu tranh luận, hội thảo theo nhóm. Phương pháp này nên chú ý nếu không có sự nhiệt tình, chuẩn bị chu đáo của người dạy thì có thể dẫn đến mất khả năng quản lý, các cháu sẽ làm việc riêng, còn giáo viên thì lo làm chuyện khác. Những ví dụ, tình huống, bài tập cần có nội dung gắn liền với thực tế, có thể lấy ngay trong cơ quan mà các cháu đang học. Nội dung cần chia ra nhỏ từng phần dễ làm, dễ thảo luận, dễ ra kết quả không nên quá khó để dẫn đến người học bỏ cuộc, lười suy nghĩ. Đối với học sinh - sinh viên Trường CDKT Lý Tự Trọng Thành Phố Hồ Chí Minh chỉ cần yêu cầu các cháu làm được và ra kết quả 1 việc nhỏ nhất. Để làm nền tảng đi vào chiều sâu của nội dung. Tuyệt đối không giảng 1 chiều, người học chỉ có biết ngồi nghe. Phương pháp này không nên áp dụng giảng dạy cho học sinh - sinh viên Trường CDKT Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tăng cường sử dụng phương tiện, hình ảnh minh họa gắn liền thực tế trong giảng dạy

- Phương tiện dạy học có vai trò cực kỳ quan trọng trong suốt quá trình dạy học. Việc này đòi hỏi người dạy phải có kỹ năng và am hiểu kỹ trong việc sử dụng phương tiện dạy học. Tuy nhiên các phương tiện dạy học tự làm của giáo viên luôn có ý nghĩa quan trọng, cần được phát huy. Đa phương tiện và công nghệ thông tin vừa là nội dung dạy học vừa là phương tiện dạy học trong dạy học hiện đại. Bên cạnh việc sử dụng đa phương tiện như một phương tiện trình diễn powerpoint hoặc các mạng liên kết.

6. Dạy đến đâu ôn đến đó, chia nhóm giải quyết các câu hỏi, bài tập tình huống luôn trong giờ dạy

- Không nên dạy quá nhiều lý thuyết suốt trong giờ dạy mà phải biết kết hợp với nhiều hình ảnh, trò chơi liên quan đến nội dung mới vừa dạy hay chiếu vài đoạn video ngắn liên quan đến nội dung bài giảng từ đó người dạy đặt câu hỏi vừa ôn lại vừa giúp cho người học bớt nhàm chán, buồn ngủ nhằm kích thích người học tiếp tục qua những phần nội dung tiếp theo. Cuối cùng người học sẽ thuộc bài và hiểu bài luôn trong giờ giảng.



7. Phối hợp phương pháp kỹ thuật dạy để phát huy tính tích cực, chủ động cho người học cùng với các phương tiện hiện đại.

- Kỹ thuật dạy học là những cách thức hành động của của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học 1 cách có hiệu quả nhất. Muốn áp dụng phương pháp này người dạy cần có bước chuẩn bị rất chu đáo trước khi lên lớp cho 1 bài giảng. Đòi hỏi người dạy phải có kỹ năng và kỹ xảo của mình trong việc dạy học. Người dạy cũng cần chú ý đến những kỹ thuật dạy học chung và những kỹ thuật đặc thù của từng phương pháp dạy học. Ví dụ kỹ thuật đặt câu hỏi trong đàm thoại phù hợp với đối tượng giảng dạy. Câu hỏi nên chứa đựng với những câu từ đơn giản dễ hiểu gần gũi với người học, tránh những câu từ mỹ miều, bóng bẩy khó hiểu là cho người học mất phương hướng vào nội dung chính của câu hỏi. Hình ảnh cũng được soạn lựa sao phản ánh được nội dung bài giảng nhưng cũng thể hiện được tính vui, tươi trẻ của hình ảnh gần gũi với người học, hình ảnh phải phản ánh được thực tế và mới... Nên lồng vào 1 vài đoạn video với khoảng thời gian 1 phút liên quan đến nội dung bài học nhằm thay đổi không khí học được vui, tươi trẻ hơn, kích thích trạng thái buồn ngủ của người học...

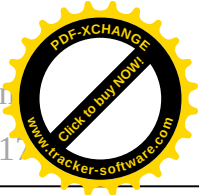
8. Phải có phương pháp đặc thù riêng cho từng nội dung, từng môn học cho người học.

- Phương pháp dạy đặc thù riêng cho từng nội dung và môn học là rất quan trọng.

Nhằm tránh sự nhàm chán của người học, không kích thích được tư duy, suy nghĩ và động não cho người học trong suốt quá trình học nếu người dạy cứ dùng chung 1 phương pháp dạy cho tất cả cá nội dung hoặc của các môn học. Riêng đối với môn pháp luật và đối tượng giảng dạy của nhà trường. Tôi sẽ chọn phương pháp mang tính đặc thù riêng với từng nội dung và kết hợp với các phương pháp khác. Mà cụ thể trong 1 buổi dạy phải đảm bảo thuyết trình, phân tích, phát vấn, hình ảnh minh họa, câu hỏi, trò chơi và xem video tất cả đều liên quan đến nội dung bài giảng nhằm tránh việc nhàm chán của môn học, kích thích tính tò mò người học và đặc biệt phải tạo cho lớp học vui tươi, để cho người học và người dạy cùng suy nghĩ và trả lời.

9. Phương pháp dạy trực quan sinh động bằng màn hình chiếu powerrpoint dẫn chiếu trực tiếp nội dung giảng dạy liên quan qua internet trực tiếp trong giờ dạy cho thêm sinh động

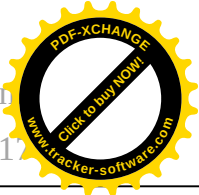
- Đây là 1 trong những phương pháp khá thú vị lôi cuốn người học rất cao, sự tập trung của người học cũng rất cao luôn ở trạng thái động não, suy nghĩ... Đòi hỏi người



dạy phải có kỹ năng am hiểu và sử dụng phần mềm ứng dụng powerpoint và các phần mềm khác rất giỏi. Màn hình chiếu powerpoint không chỉ có đưa chữ lên rồi trình chiếu cho người học xem và giảng 1 cách đơn giản như vậy, mà người dạy phải biết công dụng và khai thác hết công dụng của nó để từ đó mới sử dụng phương pháp trực quan sinh động đạt được hiệu quả cao nhất. Hiện nay người dạy kết hợp trực tiếp qua internet để dẫn chiếu vào nội dung bài giảng điều này rất giới hạn. Tôi cho rằng nếu làm được điều này sẽ lôi cuốn người học rất tốt, kích thích người học phát huy tính tư duy, suy nghĩ và tập trung vào nội dung bài giảng rất cao.

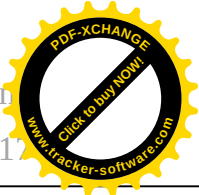
V. Kết luận

Việt Nam là 1 trong những thành viên trong các nước ASEAN, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (Apec)... Phần đầu đến năm 2020 phải xây dựng nền công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Do vậy việc thay đổi và chọn ra phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng học sinh - sinh viên là điều hết sức quan trọng và cấp bách. Hơn nữa phương pháp dạy học là 1 trong những nguyên nhân dẫn đến cho sự phát triển 1 nền giáo dục của 1 quốc gia. Cho dù phương pháp mới có hiện đại bao nhiêu đi nữa thì việc phối hợp giữa phương pháp cũ và mới cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Mà cái quan trọng là người dạy phải biết đối tượng của mình (học sinh – sinh viên) như thế nào để từ đó có phương pháp giảng dạy cho phù hợp, thích ứng trong đó vừa đảm bảo nội dung vừa đảm bảo phát triển khả năng, năng lực người học 1 cách cụ thể có kết quả và hiệu quả tránh việc học quá nhiều, quá lý thuyết. Mà cái quan trọng ở đây là các em khi ra trường cần một tay nghề giỏi, thực hành giỏi, làm được giỏi ra sản phẩm là được chứ không nặng về lý thuyết quá sâu, không gắn liền với thực tiễn khi các em ra trường đi làm thực tế.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Một số phương pháp giảng dạy – tác giả: PGS.TS Vũ Hồng Tiến
2. Đổi mới phương pháp dạy ở bậc Đại học – Tác giả: Thạc sỹ Nguyễn Văn Mỹ
3. Kỹ năng sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy - học tích cực
TS. Lê Thị Nhã
4. <http://thsp.ctu.edu.vn/2015/06/doi-moi-phuong-phap-day-hoc-o-truong-trung-hoc-theo-dinh-huong-phat-trien-nang-luc-nguoi-hoc.thsp> (Truy cập: ngày 17/02/2017)



MỘT VÀI SUY NGHĨ XUNG QUANH VẤN ĐỀ LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ THỂ DẠY TỐT VÀ HỌC TỐT CÁC MÔN KHOA HỌC LÝ LUẬN MÁC-LÊNIN.

CN. Nguyễn Thị Dinh

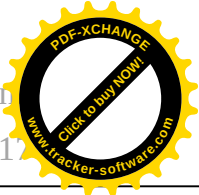
Giảng viên tổ Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Trong chương trình khung của Bộ GD&ĐT, các môn khoa học Lý luận Mác - Lênin là những môn học bắt buộc, được thiết kế dạy ở năm thứ 1 và 2 của khóa học. Vì vậy cứ vào đầu năm học là các bộ môn trong Khoa Lý luận chính trị phải luôn có sự chuẩn bị và bước vào giảng dạy với tính thần trách nhiệm cao. Khoa Lý luận Chính trị trường CĐKT Lý Tự Trọng luôn nhận được sự quan tâm của Ban Giám Hiệu và nhà trường, tạo mọi điều kiện để giảng viên và có thể dạy tốt và sinh viên học tốt các môn khoa học này. Các Phòng, Ban công tác khác của nhà trường cũng thường xuyên phối hợp với Khoa Lý luận Chính trị để tổ chức các công tác giáo dục chính trị đầu năm học cho sinh viên qua đó góp phần phần giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên.

Khoa Lý luận Chính trị với đội ngũ giảng viên nhiệt tình, được đào tạo chính quy có kinh nghiệm giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao và tâm huyết với nghề, phần lớn số giảng viên đã đi học để nâng cao trình độ, vì vậy các giảng viên trong Khoa Lý luận Chính trị luôn được sinh viên đánh giá cao.

Đa số sinh viên của trường CĐKT Lý Tự Trọng là học sinh mới tốt nghiệp phổ thông với lòng nhiệt tình của tuổi trẻ, họ năng động, tích cực, nhạy bén và dễ tiếp thu cái mới, cái lạ. Đây là điểm mạnh, vì vậy cần có kế hoạch cụ thể để giúp sinh viên phát huy được tính năng động và tích cực trong việc tiếp thu có chọn lọc những cái mới và định hướng đi đúng khi tham gia học tập bộ môn Những Nguyên Lý Cơ Bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin nói riêng và các môn học nói chung tại trường.

Những thuận lợi nói trên đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng của việc dạy và học các môn lý luận chính trị trong trường. Tuy nhiên, qua quá trình dạy bộ môn Những Nguyên Lý Cơ Bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin cũng như việc học của sinh viên đối với bộ môn thời gian qua cũng đã bộc lộ một số khó khăn, cụ thể như: nội dung tích hợp của cả ba môn Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học nên đòi hỏi sự đầu tư và nỗ lực rất lớn từ phía người dạy lẫn người học; tâm lý chủ quan của việc học môn chung, môn bắt buộc, bên cạnh đó, dưới tác



động của cơ chế kinh tế thị trường với tính thực dụng rất cao, một bộ phận người học xem trọng những môn học chuyên ngành nhằm giải quyết nhu cầu việc làm và đáp ứng hiệu quả kinh tế mà họ đang cần, do đó họ ít quan tâm đến việc học những môn học Lý luận chính trị... Điều này cũng bởi những môn học Lý luận chính trị thì cần phải có thời gian mới phát huy vai trò, tác dụng đối với người học nói riêng và xã hội nói chung

Với những khó khăn nói trên, để có thể dạy tốt và học tốt các môn Lý luận chính trị trong nhà trường thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập để phát triển năng lực người học là việc làm cần thiết và hết sức cấp bách. Dạy và học là hai quá trình khác nhau nhưng thống nhất biện chứng với nhau. Thầy dạy và trò học, dạy như thế nào sẽ có cách học tương ứng. Thực tế cho thấy không thể phát huy được tính chủ động, tư duy sáng tạo của sinh viên trong học tập khi giảng viên sử dụng phương pháp dạy học nặng về truyền thụ kiến thức. Trong việc dạy học theo hệ thống tín chỉ, giảng viên không còn đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức mà là người gợi mở, hướng dẫn, tổ chức, cố vấn cho các hoạt động tự học của sinh viên. Sinh viên đến lớp không phải để nghe giảng một chiều mang tính chủ quan nhất định từ người dạy, mà qua những kiến thức đó, sinh viên nhận thức, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn như thế nào? Để đạt hiệu quả, ngoài việc nghe giảng trên lớp sinh viên phải có phương pháp phù hợp để tự học, tự nghiên cứu. Nói cách khác, nếu sinh viên không nỗ lực, phấn đấu trong việc tự học thì việc dạy học các môn Lý luận chính trị không thể đạt hiệu quả như mong muốn.

Để giải quyết vấn đề trên, người dạy cần hỗ trợ trong việc trang bị kỹ năng tự học cho sinh viên. Tự học là một công việc tương đối phức tạp, đa dạng, vì mỗi sinh viên đều có phương pháp học tập riêng, một thời gian riêng cho mình. Nhằm giúp cho sinh viên trong việc tự học, giảng viên cần quan tâm nhắc nhở mỗi sinh viên cần phải:

Thứ nhất, sinh viên phải chuẩn bị tài liệu đầy đủ và phương tiện theo sự hướng dẫn của giảng viên: Phải có đủ giáo trình bắt buộc, tập, viết, có tài liệu tham khảo theo yêu cầu và các phương tiện khác như Internet, báo chí...và thường xuyên nắm bắt tình hình thời sự, chính trị xã hội để có kiến thức thực tiễn, điều này rất quan trọng vì nó giúp sinh viên có thể lĩnh hội kiến thức nhanh hơn và gắn giữa lý luận với thực tiễn cuộc sống tốt hơn. Từ đó hình thành cho sinh viên nhu cầu thường xuyên học tập, tìm tòi kiến thức, kích thích năng lực sáng tạo, trang bị cho các em năng lực tổ chức lao động trí óc một cách hợp lý, làm cho các em định hướng được kiến thức bài học và tự khai thác tri thức. Hoạt động tự học cho sinh viên này đòi hỏi phải có các yếu tố sau:

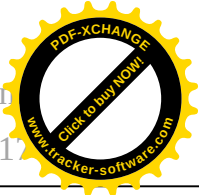


Một là, tài liệu bắt buộc phải có ở mỗi sinh viên. Sinh viên không có tài liệu không thể cho phép tham gia vào quá trình dạy học. Chỉ có như vậy việc giao việc về nhà cho sinh viên làm việc mới có hiệu quả cụ thể và mới có thể hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu trên lớp được. Giảng viên có thể phát tài liệu: sách, bài giảng, băng đĩa ghi âm ghi hình bài giảng của giảng viên để sinh viên tự nghiên cứu trước ở nhà. Thời gian lên lớp giảng viên thiết kế các hoạt động học tập khác nhau để người học đưa ra ý kiến về những gì họ đã đọc được. Mặt khác, việc đọc tài liệu cần được kiểm tra, đánh giá bằng điểm chuyên cần. Với các lớp có số lượng sinh viên đông, điểm này được cho theo nhóm khi gọi bất kỳ sinh viên trong nhóm để kiểm tra, chịu trách nhiệm trước toàn nhóm và cho phép người học cải tạo điểm ở buổi làm việc nhóm lần sau. Có thể giảng viên kiểm tra bài tập, đề cương mà sinh viên đã chuẩn bị trước ở nhà, trên cơ sở đó giảng viên chấm điểm chuyên cần. Tất nhiên, để sinh viên có thể đọc tài liệu, giảng viên cần đưa ra yêu cầu, nêu vấn đề cụ thể.

Hai là, tăng cường ứng dụng Internet, công nghệ trong giảng dạy. Có thể sử dụng power point nhưng tránh slide nhiều chữ mà chủ yếu sơ đồ hóa hoặc sử dụng nhiều hình ảnh, sử dụng công cụ googledocs, google slide để cho sinh viên làm việc theo nhóm, sử dụng socrative để đánh giá kết quả học tập hoặc để tổng kết bài học..., giảng viên cũng có thể nêu vấn đề và cho phép sinh viên tra cứu tài liệu trên mạng Internet ngay trên lớp học (với điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

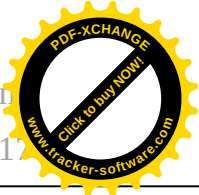
Ví dụ 1: Khi sinh viên đã đọc trước ở nhà mối quan hệ biện chứng giữa “tồn tại xã hội, ý thức xã hội” thì giảng viên có thể nêu ra tình huống, kể một vài hiện tượng trong đời sống tinh thần và yêu cầu sinh viên giải thích (nguồn gốc) tại sao lại xuất hiện những hiện tượng này. Trên cơ sở đó, giảng viên kết luận tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.

Ví dụ 2: Khi giảng về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức thì giảng viên có thể nêu ra vấn đề “vật chất quyết định ý thức” hay ngược lại và gợi ý để sinh viên tự đưa ra những lập luận, chứng cứ chứng minh. Về ý thức tác động trở lại vật chất, giảng viên có thể gợi ý để sinh viên chứng minh trong thực tiễn ý thức, đặc biệt ý thức khoa học đã thay đổi vật chất như thế nào) để từ đó sinh viên nhận thức được vai trò của ý thức đối với vật chất, (sinh viên có thể đọc trước tài liệu ở nhà, có thể tra cứu trực tiếp mạng Internet trên lớp học). Trên cơ sở sinh viên trình bày, giảng viên đưa ra kết luận và nhấn mạnh ý nghĩa phương pháp luận, như nguyên tắc khách quan và yêu



cầu sinh viên vận dụng nguyên tắc này trong thực tiễn (có thể cho về nhà chuẩn bị theo nhóm để buổi sau trình bày...).

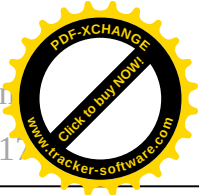
Thứ hai, sinh viên phải biết lắng nghe và ghi chép bài: thường thì khi vào năm đầu tiên nhiều sinh viên còn lúng túng trước cách giảng của giảng viên, các em không biết làm thế nào để lắng nghe và ghi chép, kiến thức thì nhiều, mà thầy cô không thể đọc cho sinh viên viết hay chỉ ra cho sinh viên phải viết đoạn này hay đoạn kia vào tập. Vậy làm thế nào để sinh viên có được phương pháp nghe giảng và ghi chép tốt nhất? Để có thể nghe và tiếp thu bài giảng tốt nhất, sinh viên cần tìm hiểu đề cương chi tiết học phần để nắm chương trình môn học, nội dung, phạm vi của bài học, để biết được vấn đề nào sinh viên sẽ tự học, tự nghiên cứu... Phải xem lại nội dung bài học trước và đọc trước bài học mới, chỗ nào chưa hiểu phải đánh dấu hay ghi chép lại để lưu ý khi thầy cô giảng bài mới sẽ giúp sinh viên nắm bài mới nhanh hơn, hoặc có thể trao đổi điều này với giảng viên hay bạn bè để rõ hơn vấn đề. Đồng thời khi nghe giảng phải tập trung cao, có như thế người học mới hiểu rõ và đúng những gì thầy cô muốn truyền đạt. Thường thì sinh viên nghe giảng chứ ít biết lắng nghe, họ còn bị chi phối bởi bên ngoài hay làm việc riêng khi đang nghe giảng. Vì vậy việc tiếp thu bài không liên tục, không nắm được hết nội dung bài học mà giảng viên muốn truyền đạt, dẫn tới không hiểu bài. Để hạn chế điều này cũng như phát huy tính tích cực của sinh viên, giảng viên cần chuẩn bị hệ thống câu hỏi và tình huống để vận dụng phù hợp, tạo sự tập trung và hưng phấn trong việc học của sinh viên. Bên cạnh đó, người dạy còn khuyến khích, động viên sự nỗ lực của người học thông qua việc thực hiện điểm thưởng, phạt, cộng, trừ khi sinh viên giải quyết tình huống và câu hỏi mà mình đặt ra. Đối với giảng viên, chúng ta cần quan tâm đến việc ghi bài của sinh viên, một số sinh viên còn lười ghi chép bài, khi đi học họ thường sử dụng đề cương mà thầy cô cung cấp hay quyển giáo trình của môn học, thậm chí chỉ là các câu hỏi thi được sưu tầm từ các khóa học trước, nhất là khi học các môn khoa học lý luận Mác- Lênin. Khi thầy cô giảng bài sinh viên không ghi bài, thậm chí cũng không nghe giảng mà chỉ lấy câu hỏi ra để học và sử dụng thời gian trên lớp để làm việc riêng. Đó cũng là một nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên không hiểu bài, chất lượng học thấp. Một khi sinh viên không hiểu bài thì không thể ghi chép tốt được. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cũng cần trình bày vấn đề một cách hệ thống, rõ ràng để sinh viên dễ theo dõi vấn đề và ghi chép, tránh tình trạng giáo viên trình bày bài giảng tản mạn, thiếu hệ thống, làm cho sinh viên dù phải tập trung chú ý cao độ nhưng vẫn không nắm bắt được nội dung cơ bản của vấn đề



và không thể ghi chép được. Nếu biết kết hợp cả hai hoạt động: nghe giảng và ghi chép thì sinh viên sẽ nhanh chóng lĩnh hội được kiến thức và hiểu bài nhanh chóng. Việc tập trung nghe giảng không có nghĩa là sinh viên chỉ biết tiếp nhận kiến thức từ thầy, chấp nhận tất cả mọi vấn đề một cách dễ dàng. Tập trung lắng nghe bài giảng trên lớp, nêu ra những thắc mắc cũng như khi yêu cầu được trả lời, yêu cầu phải giải quyết, sinh viên có cơ hội để trao đổi, tranh luận với thầy cô, với bạn bè, qua đó hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về bài học. Tích cực tham gia hỏi, đáp, thảo luận, sinh viên còn có điều kiện để khẳng định bản thân, rèn luyện kỹ năng phát hiện, phân tích, thuyết minh trước đám đông cũng như sự tự tin, mạnh dạn và vững vàng trong quan điểm, chính kiến. Qua cách ghi bài của sinh viên, giảng viên có thể biết được mức độ nắm bài của sinh viên, tuy nhiên mỗi sinh viên có cách ghi bài khác nhau, điều đó lại tùy thuộc vào vốn hiểu biết và sự vận dụng sáng tạo của mỗi sinh viên. Nếu sinh viên có ghi chép bài cẩn thận, đọc trước bài mới, nhưng khi về nhà không xem và hệ thống lại bài cũ, chỉ đến khi thi mới coi lại bài cũ thì việc quên kiến thức cũ và mất thời gian cho việc học sẽ không tránh khỏi.

Thứ ba, sinh viên phải biết lập kế hoạch học tập cho mình: Điều này sẽ giúp cho sinh viên có thể thu xếp thời gian học tập và nghỉ ngơi hợp lý, tránh tình trạng học dồn, học tủ, nhất là khi bước vào mùa thi. Kế hoạch phải cụ thể, linh hoạt, hợp lý và thực tế, có như vậy sinh viên mới làm chủ được quỹ thời gian của mình và không bị động trước nhiều nguồn tư liệu cần phải đọc và các công việc phải hoàn thành theo yêu cầu và sự hướng dẫn của giảng viên.

Thứ tư, sinh viên phải biết đọc tài liệu, giáo trình để tự học, tự nghiên cứu: Đây là công việc chính và thường xuyên của mỗi sinh viên. Đa phần sinh viên ít chịu đọc tài liệu, giáo trình trước khi lên lớp. Do vậy khi nghe giảng bài sinh viên khó tiếp thu, giảng viên cũng mất khá nhiều thời gian để giảng giải cho sinh viên hiểu rõ vấn đề. Có sinh viên nghe giảng, mặc dù có tài liệu trên bàn nhưng có nhiều sinh viên cũng không mở ra để theo dõi, khi được hỏi một vấn đề nào đó đã không biết nó nằm ở đâu trong giáo trình. Do việc thụ động trong việc đọc và nghiên cứu tài liệu trước khi nghe giảng, nên khi thảo luận, nhiều sinh viên đã sao chép những nội dung của nhau và tìm liên hệ trên mạng mà không biết rằng mình có thể tìm ngay trong giáo trình và có thể tự liên hệ với bản thân mình. Để có thể đọc giáo trình và tài liệu có kết quả, sinh viên phải biết lựa chọn sách, báo, tạp chí, văn kiện, nghị quyết... phù hợp. Phải xác định từ đầu rõ mục đích đọc tài liệu để có hiệu quả thiết thực: đọc để hiểu sâu kiến thức cơ bản của



từng bài, từng chương và tiến tới cả học phần, để sưu tầm tài liệu bổ sung cho phần thảo luận hay hoặc thu thập thông tin để giải quyết một vấn đề thực tiễn nào đó, để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học... Qua việc đọc tài liệu, giáo trình giúp cho sinh viên biết được những vấn đề chính, trọng tâm của bài học, hay chuẩn bị câu hỏi để nhờ giảng viên, bạn bè giải đáp, chuẩn bị các câu hỏi để làm rõ vấn đề khi tham gia thảo luận trên lớp, sinh viên cũng sẽ định hướng cách giải quyết nhiều vấn đề được đặt ra trong thực tế.

Ví dụ: Khi giảng về định nghĩa vật chất của Lênin, thì có thể cho người học tự nghiên cứu trước nhà phần về các quan niệm trước Mác về vật chất, (giảng viên phát tài liệu trước buổi học). Trên lớp, giảng viên chỉ tập trung vào ba nội dung của định nghĩa vật chất của Lênin để người học xác định được cái gì là vật chất.

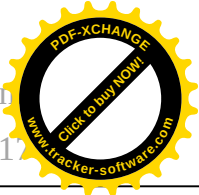
Thứ năm, khuyến khích sinh viên học tập theo nhóm và tăng cường thảo luận: trong giảng dạy theo học chế tín chỉ, thời gian giảng dạy lý thuyết được rút xuống và thời gian cho thảo luận được tăng lên. Điều này nhằm tránh tình trạng dạy lý thuyết suông, mà phải gắn lý luận với thực hành. Do vậy, ngay từ đầu môn học, giảng viên đã thông báo cho sinh viên đề cương chi tiết học phần để nắm và chuẩn bị, đồng thời sẽ lựa chọn vấn đề và giao nhiệm vụ cho từng nhóm sinh viên. Giảng viên cũng định hướng và hướng dẫn cách làm để sinh viên nghiên cứu và chuẩn bị, có cách thức kiểm tra và nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.

Ví dụ: Có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm để kiểm tra:

Nhóm 1: *Dựa trên nguyên tắc phát triển và nguyên tắc lịch sử cụ thể để phân tích một số yếu tố hợp lý của nền kinh tế thời kỳ bao cấp ở Việt Nam.*

Nhóm 2: *Dựa trên nguyên tắc phát triển và nguyên tắc lịch sử cụ thể để phân tích những yếu tố hợp lý của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.*

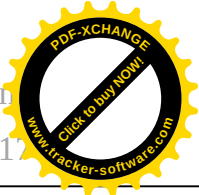
Để đáp ứng yêu cầu của giảng viên, sinh viên cần có sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc trong quá trình thực hiện các bài báo cáo, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và trình bày trước tập thể lớp và giảng viên, sinh viên phải có kế hoạch học nhóm và phân công cụ thể công việc cho từng thành viên, qua đó sinh viên sẽ cùng nhau nắm bắt, hiểu rõ những nội dung lý luận gắn liền với thực tiễn cuộc sống, đưa những kiến thức tìm hiểu ở sách vở đi vào thực tiễn, giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về các vấn đề và sớm tiếp cận với thực tiễn. Tuy nhiên, thực tế khi được giao thảo luận hay làm bài tập nhóm, nội dung vấn đề không được thống nhất trong nhóm mà giao khoán cho một vài sinh viên tích cực tham gia làm việc nhóm, còn một số khác thụ động và dựa lại vào



người khác, nên có những bài báo cáo hay thảo luận đã đi sai vấn đề mà cả nhóm không phát hiện ra, điều này ảnh hưởng đến kết quả thảo luận. Vì vậy, giảng viên phải phân công nội dung cụ thể và khoa học cũng như quản lý tốt việc thảo luận của sinh viên.

Giảng viên có thể tạo sự tham gia tích cực của sinh viên bằng cách đưa ra nhiều câu hỏi để kích thích sự “động não” của sinh viên, buộc mỗi sinh viên phải tích cực suy nghĩ, tìm cách trả lời, điều đó giúp các em cảm thấy mình có liên quan đến bài giảng và thông qua đó biết được năng lực của mỗi sinh viên. Đồng thời khuyến khích các em đặt câu hỏi khi có những thắc mắc mà tự các em không giải quyết được. Giảng viên cần chú ý lắng nghe, tôn trọng ý kiến của sinh viên đồng thời đánh giá hợp lý kết quả học tập thông qua câu hỏi và câu trả lời trên lớp của các em sẽ giúp sinh viên có thêm động lực để học tập tích cực hơn trong quá trình học trên lớp. Tuy nhiên, việc học và tự học của sinh viên chỉ có kết quả khi có sự kiểm tra và đánh giá của giảng viên một cách thường xuyên hoặc để sinh viên tự đánh giá, vì thông qua kiểm tra đánh giá giúp các em biết rõ ưu, nhược điểm của mình để có sự điều chỉnh hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

Ngoài việc hỗ trợ nói trên của giảng viên giảng dạy đối với sinh viên trong việc học tập bộ môn, giảng viên giảng dạy bộ môn ngay từ buổi đầu học tập cần phải giải quyết vấn đề tư tưởng cho sinh viên qua việc giải quyết câu hỏi đặt ra đối với môn học Những NLCB của CN Mác Lênin nói riêng và mọi môn học nói chung, đó là học môn này để làm gì? xác định ý nghĩa và nội dung môn học nhằm trang bị cái gì? Vị trí, vai trò của nó trong đời sống tinh thần của mỗi cá nhân cũng như trong xã hội... Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho sinh viên vạch kế hoạch học tập một cách thuận lợi và khoa học, vào đầu mỗi học phần giảng viên cần cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết môn học, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, số lượng bài kiểm tra, hình thức thảo luận trên lớp, hình thức thi kết thúc môn học, hướng dẫn sinh viên những nội dung tự học ở nhà... Từ đó sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với thời gian và đặc điểm tâm lý của bản thân. Giảng viên xác định từng đối tượng học của mình mà có phương pháp đánh giá, hình thức kiểm tra phù hợp để phát huy hết năng lực sáng tạo, tích cực, chủ động của sinh viên trong việc học. Về phía nhà trường và khoa LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ cần nâng cao chất lượng hơn nữa cơ sở vật chất, hệ thống phòng học, đèn chiếu sáng, âm thanh, máy chiếu... Không nên tổ chức ghép lớp quá đông, vì giảng viên sẽ khó quản lý và việc tiếp thu bài của sinh viên cũng bị ảnh hưởng. Khoa LÝ LUẬN



CHÍNH TRỊ cần phối hợp và phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: Hội thi Olympic các môn khoa học Mác Lênin, Về nguồn, thăm viếng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng...giúp cho sinh viên có thể liên hệ thực tế, từ đó hiểu hơn về chủ trương, chính sách của Đảng và thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta hiện nay.

Trên đây là một vài suy nghĩ của tôi về việc đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, tổ chức học, nghiên cứu, thảo luận cho sinh viên trong việc dạy và học các môn Lý luận Chính trị Mác- Lênin.Với mục đích góp phần vào tìm ra phương pháp dạy và học tốt hơn, phát triển năng lực học tập với sinh viên, nhưng thiết nghĩ sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định vì không có một phương pháp nào là vạn năng cả, mà phải tùy từng đối tượng học cụ thể mà người dạy vận dụng và điều chỉnh cho phù hợp để phát huy kết quả một cách tốt nhất. Rất mong được sự quan tâm, chia sẻ của quý Thầy cô, bạn bè và đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS.Nguyễn Thị Như Huế,*Thực tiễn- kinh nghiệm về giảng dạy triết học theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành triết học*,Học viện Báo chí và Tuyên truyền,số tháng7-2016.
2. Đỗ Tiến Sĩ, *Sinh viên tự học và đổi mới phương pháp dạy học* – Báo GD&ĐT
3. Phan Thúy Vân, *Một số vấn đề trong việc hướng dẫn sinh viên tự học tự nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay* (Trường CĐSP Quảng Trị)
4. <http://www.ntu.edu.vn/> Một số phương pháp giảng dạy cải tiến.
<http://www.tnu.edu.vn/Giải pháp thu hút và thúc đẩy sinh viên tích cực học tập>.



NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN

CN. Phạm Thị Vinh
Giảng viên tổ Tư tưởng Hồ Chí Minh
Đường lối CM của ĐCS Việt Nam

Chất lượng giáo dục - đào tạo của nhà trường chính là chất lượng học tập và rèn luyện của sinh viên. Để tạo ra chất lượng này cần có sự tham gia của nhiều yếu tố, trong đó quan trọng nhất là vấn đề tự học, tự rèn luyện của sinh viên. Việc khuyến khích sinh viên trong các trường đại học tự học, tự nghiên cứu hiện nay đang là vấn đề nhiều nhà giáo dục, nhiều trường đại học quan tâm.

Có thể nói, tự học là nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Khi một học sinh trở thành một sinh viên đại học, họ bắt đầu phải làm quen với phương thức học tập hoàn toàn mới mẻ. Nếu như ở trung học, học sinh chỉ cần nắm vững những kiến thức được thầy cô giáo truyền giảng ở trên lớp và giáo viên liên tục kiểm tra, đánh giá, thì ở bậc đại học, tự học là phương pháp, cách thức cơ bản mà mỗi sinh viên phải quán triệt, phải tự hoàn thiện để làm phong phú thêm vốn tri thức bằng nỗ lực tự học, tự nghiên cứu. Giờ đây thầy cô giáo chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn học tập và các giờ lên lớp chỉ cung cấp những kiến thức cơ bản, những tài liệu cơ bản cho sinh viên. Thêm vào đó, không còn sự kiểm tra sát sao của giáo viên, kết quả học tập dồn hết vào kỳ thi hết học phần, hết môn. Kết quả này phụ thuộc vào bản thân sinh viên là chủ yếu.

Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết chủ yếu phân tích những lợi ích của việc tự học mang lại và một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên bằng phương pháp tự học.

Những lợi ích mà việc tự học mang lại

Thứ nhất, nâng cao hoạt động trí tuệ của người học trong việc hiểu và tiếp thu tri thức mới.

Trong quá trình tự học, sinh viên sẽ gặp nhiều vấn đề mới và việc đi tìm lời giải đáp cho những vấn đề ấy là cách tốt nhất để kích thích hoạt động trí tuệ cho sinh viên tự giác tìm kiếm tri thức, khám phá, tìm hiểu để tìm ra vấn đề. Nếu thiếu đi sự nỗ lực tự học, thái độ tích cực của bản thân sinh viên thì kết quả không thể cao cho dù có điều



kiện ngoại cảnh thuận lợi đến mấy. Theo Aditxterrec: Chỉ có truyền thụ tài liệu của giáo viên mà thôi thì dù có nghệ thuật đến đâu chẳng nữa cũng không đảm bảo được việc lĩnh hội tri thức của học sinh. Nắm vững kiến thức thực sự lĩnh hội chân lý, cái đó học sinh phải tự mình làm lấy bằng trí tuệ của bản thân.

Thứ hai, cung cấp cho sinh viên những kiến thức mới, bổ ích giúp ích trong công việc sau này khi họ trở thành những người chủ thực sự góp phần xây dựng đất nước. Họ có năng lực hoạt động thực tiễn hay không? Chất lượng công tác như thế nào? Phụ thuộc phần lớn vào quá trình tự học.

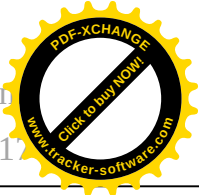
Mỗi sinh viên ra trường đều muốn có một công việc ổn định và hoàn thành tốt công việc của mình nhưng chuẩn bị tốt cho việc đó là làm tốt phần việc của ngày hôm nay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Xã hội ngày càng phát triển và ngày càng có nhiều phát kiến vĩ đại hơn, thời đại đó cần có những con người toàn diện, qui luật của cuộc sống sẽ đào thải những ai không theo kịp, tụt hậu so với nó. Bí quyết để chiến thắng là trang bị cho mình những tri thức toàn diện, đây cũng là nhiệm vụ đặt ra cho công tác tự học.

Thứ ba, tự học còn có vai trò to lớn trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho sinh viên.

Việc tự học rèn luyện cho sinh viên thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình. Hơn thế, tự học thúc đẩy sinh viên lòng ham học, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ. Do vậy, mỗi sinh viên hãy xây dựng cho mình một thói quen, một phương thức tự học thích hợp nhất.

Bên cạnh những lợi ích mà việc tự học mang lại, có thể thấy hoạt động tự học, tự nghiên cứu do chính sinh viên tiến hành ở trên lớp, ngoài lớp hoặc ở nhà. Đây là hoạt động có tính độc lập cao, nó được coi là chìa khóa vàng của giáo dục trong bối cảnh tri thức nhân loại tăng lên như vũ bão hiện nay.

Tuy nhiên, có một thực trạng là nhiều giảng viên, sinh viên cho rằng, phần tự học, tự nghiên cứu là những phần không quan trọng trong chương trình. Giảng viên cũng không có hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Vì vậy, những phần được quy định là tự học thường bị bỏ qua, dẫn đến quá trình tự học vì thế cũng không được sinh viên thật sự quan tâm nhiều.



Để khắc phục tình trạng trên, đồng thời phát huy tốt nhất hiệu quả quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, việc xây dựng quy trình tổ chức hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu là rất quan trọng

Một số giải pháp nâng cao tính tự học ở sinh viên.

- ***Về phía giảng viên:*** Để giúp sinh viên thực hiện được nhiệm vụ tự học của mình, giảng viên cần:

Thứ nhất, giới thiệu đầy đủ các tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, cách thu thập, tra cứu và xử lý thông tin trong tài liệu với những hướng dẫn chi tiết, cụ thể:

Người thầy không những phải đáp ứng cho học trò về mặt kiến thức mà còn về phương pháp: xử lý tài liệu, cập nhật thông tin, tổ chức các nhóm học, các chương trình seminar, các buổi thuyết trình hay trình chiếu. Bản thân người học phải cố gắng không ngừng trong việc tiếp cận phương pháp học tập mới và các kỹ năng mới.

Khi đọc giáo trình, sinh viên đọc qua một lần, chú ý đọc kỹ những từ chưa hiểu, lưu ý những từ khó và câu hỏi khó để lên lớp đề xuất giảng viên giải đáp. Những nội dung sinh viên có thể tự đọc, hiểu được thì thử liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Trên thực tế, một số sinh viên có thể tự hiểu và diễn đạt khá rõ ràng một số nội dung môn học; có thể nêu một số thắc mắc khá chính xác. Điều đó làm cho không khí lớp học sôi động.

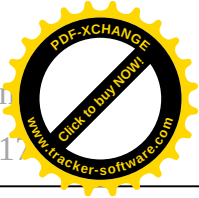
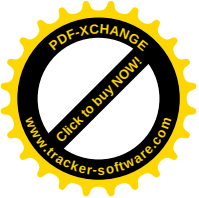
Tài liệu tham khảo là những nội dung liên quan đến môn học mà giáo trình, đề cương bài giảng chưa đề cập đến hoặc không có điều kiện đề cập như: sách chuyên khảo, báo chí, internet, các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, hạn chế của internet là tư liệu trên mạng internet rất phức tạp, có nhiều nguồn thông tin trái chiều. Vì vậy, cần nắm được địa chỉ một số trang web chính thống, độ tin cậy cao để giới thiệu cho sinh viên và trang bị cho sinh viên những quan điểm nền tảng vững chắc để họ có thể phân biệt các quan điểm đúng đắn với các quan điểm sai trái, phản động.

Ví dụ giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, giáo viên giới thiệu:

Tài liệu bắt buộc:- Giáo trình Bắt buộc:Bộ GD và ĐT, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, NXB chính trị quốc gia, 2009.

- ***Giáo trình tham khảo bắt buộc:***

1. Bộ GD và ĐT, Giáo trình triết học Mác-Lênin (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2002-2007.



2. Bộ GD và ĐT, Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2002-2007.

3. Bộ GD và ĐT, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2004-2007.

Tài liệu tham khảo tự chọn

1. Sách, giáo trình:

- Hội đồng TƯ chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình triết học Mác-Lênin, NXB chính trị quốc gia, 1999.

- Hội đồng TƯ chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình kinh tế học chính trị Mác-Lênin, NXB chính trị quốc gia, 1999.

- Hội đồng TƯ chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB chính trị quốc gia, 2002.

- Trung tâm ĐT, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học quốc gia Hà Nội, Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tập I, II, III, NXB lý luận chính trị, 2008.

- Viện Kinh tế thế giới, Chủ nghĩa tư bản hiện đại, tập I, II, III, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

2. Các tác phẩm kinh điển:

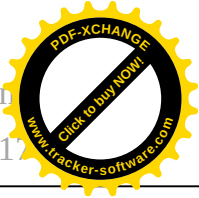
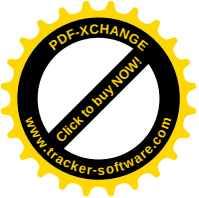
- C.Mác và Ph.Ăngghen, *luận cương về Phoi-ơ-Bắc; Hệ tư tưởng Đức*, toàn tập, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

- C.Mác và Ph.Ăngghen, *Chống Duy-Rinh; Biện chứng của tự nhiên*, toàn tập, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

- C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

- C.Mác, bộ “tư bản”, quyển I, quyển II, quyển III, quyển IV, NXB sự thật HN, 1988.

- C.Mác và Ph.Ăngghen, *tư bản, quyển I*, toàn tập, tập 23, NXB Chính trị quốc gia, 1993.



- C.Mác và Ph.Ăngghen, *tư bản, quyển II*, toàn tập, tập 24, NXB Chính trị quốc gia, 1994.
- C.Mác và Ph.Ăngghen, *tư bản, quyển III*, toàn tập, tập 25, NXB Chính trị quốc gia, 1994.
- C.Mác và Ph.Ăngghen, *tư bản, quyển IV*, toàn tập, tập 26, NXB Chính trị quốc gia, 1995.
- C.Mác và Ph.Ăngghen, *Phê phán cương lĩnh Gôta*, toàn tập, tập 19, NXB Chính trị quốc gia, 1995.
- V.I Lênin, *Bút ký triết học*, toàn tập, tập 29, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, toàn tập, tập 18, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác*, toàn tập, tập 23, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *C. Mác*, toàn tập, tập 26, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *Nhà nước và cách mạng*, toàn tập, tập 33, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *Bàn về công đoàn*, toàn tập, tập 42, NXB Chính trị quốc gia, 2005.
- V.I Lênin, *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, toàn tập, tập 27, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

3. *Văn kiện Đại hội Đảng*: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII. NXB Chính trị quốc gia.

5. *Một số trang web*:

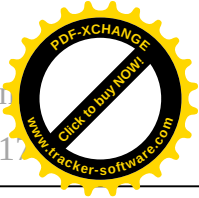
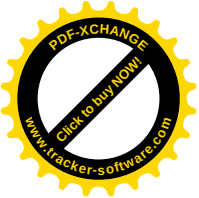
www.xaydungdang.org.vn/www.tuyengiao.vn/dangcongsan.vn

lyluanchinhtri.vn/www.dangcongsan.vn

Thứ hai, khuyến khích học tập theo nhóm và tăng cường thảo luận

Khi cho sinh viên học tập theo nhóm kết quả thường tốt hơn là học một mình. Học tập, cũng như làm việc, nếu có tính tương hỗ và xã hội sẽ tốt hơn là cạnh tranh và biệt lập. Làm việc cùng với những người khác sẽ hứng thú hơn và tăng thêm cơ hội học tập được lẫn nhau. Chia sẻ ý tưởng của nhau và phản ứng trước hành động của người khác sẽ làm cho suy nghĩ sắc bén hơn và hiểu biết được sâu sắc hơn.

Thứ ba, kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên



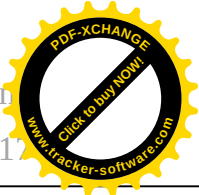
Bằng các hoạt động thảo luận nhóm, xemina... giảng viên có thể đặt ra yêu cầu đánh giá môn học và quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên bằng nhiều cách, chẳng hạn:

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TÊN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU..... 1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công			
STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Đánh giá kết quả hoạt động
1.	...	...	...
2.	...	...	...

2. Hoạt động của nhóm (<i>miêu tả cách làm việc, quá trình giải quyết vấn đề,...</i>) 3. Tổng hợp kết quả làm việc nhóm (<i>Đính kèm sản phẩm</i>) 4. Đánh giá kỹ năng từng thành viên về quản lý, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, sử dụng thời gian... 5. Kiến nghị, đề xuất (<i>nếu có</i>) Nhóm trưởng (ký tên) <u>Thời gian:</u> Nộp đúng hạn như đã được thông báo, sẽ bị trừ điểm (do giảng viên quy định) nếu nộp muộn. Kết quả bài tập hoạt động theo nhóm do giảng viên quy định có thể được chia theo mức độ đóng góp của thành viên hoặc chia đều cho các thành viên.
--

Thứ tư, hướng dẫn sinh viên cách vận dụng, ứng dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống bản thân:

Mục đích dạy học không chỉ dừng lại ở chỗ truyền đạt kiến thức, kỹ năng kỹ xảo mà còn giúp sinh viên phải biết cách vận dụng những tri thức, kỹ năng kỹ xảo đã học được vào giải quyết những vấn đề trong công việc, trong cuộc sống. Đây cũng là cách giúp sinh viên thấy được ý nghĩa thực tiễn và sự cần thiết của môn học.



Ví dụ khi dạy chủ nghĩa Mác- Lênin, giáo viên yêu cầu sinh viên tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để góp phần phân tích tính khoa học và tính nhân văn vốn có của chủ nghĩa Mác- Lênin. Trên cơ sở đó sinh viên xây dựng cho mình thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng. Hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

Hay khi dạy, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo viên yêu cầu học sinh đánh giá phần thực trạng đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên hiện nay. Từ đó, sinh viên xác định đúng vị trí, vai trò đạo đức đối với cá nhân và kiên trì tu dưỡng theo phẩm chất Hồ Chí Minh.

Như vậy, quá trình học tập, nghiên cứu những môn lý luận chính trị là quá trình giáo dục, tu dưỡng và rèn luyện để từng bước hoàn thiện mình, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.

- Về phía sinh viên:

Thứ nhất, lập kế hoạch học tập và sử dụng quỹ thời gian cho việc tự học một cách hợp lý hiệu quả.

Muốn việc học thật sự có hiệu quả thì mục đích, nhiệm vụ và kế hoạch học tập phải được xây dựng cụ thể, rõ ràng. Kế hoạch phải được lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm từng giai đoạn cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mình. Vấn đề kế tiếp là phải chọn đúng trọng tâm, cái gì là cốt lõi là quan trọng để ưu tiên hàng đầu và dành thời gian công sức cho nó. Nếu việc học dàn trải thiếu tập trung thì chắc chắn hiệu quả sẽ không cao.

Thứ hai, tự mình nắm vững nội dung tri thức

Đây là giai đoạn quyết định và chiếm nhiều thời gian công sức nhất. Khối lượng kiến thức và các kỹ năng được hình thành nhanh hay chậm, nắm bắt vấn đề nông hay sâu, rộng hay hẹp, có bề vững không... tùy thuộc vào nội lực của chính bản thân người học trong bước mang tính đột phá này. Nó bao gồm các hoạt động:

- Tiếp cận thông tin: Lựa chọn và chủ động tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và từ những hoạt động đã được xác định như đọc sách, nghe giảng, xem truyền hình, tra cứu từ Internet, xemina, hội thảo, làm thí nghiệm, quan sát, điều tra...

Xã hội hiện đại đang khiến phần lớn sinh viên rời xa sách và chỉ quan tâm đến các phương tiện nghe nhìn khác. Đơn giản vì nó thỏa mãn trí tò mò, giúp cho tai nghe mắt thấy tức thời. Đó là chưa kể đến sự nhiễu loạn thông tin mà nếu không vững vàng



thì giới trẻ sẽ rất dễ sa vào những cạm bẫy thiếu lành mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển nhân cách, tâm hồn.

Từ cổ chí kim, muốn làm chủ tri thức nhân loại thì con đường tốt nhất của mọi người là đọc sách. Rèn luyện thói quen đọc sách là một công việc không thể tách rời trong yêu cầu tự học. Ngoài việc tiếp nhận tri thức còn phải biết đối thoại, gợi mở, thắc mắc hay đề xuất những vấn đề cần lưu ý sau khi đọc sách, hoặc chỉ ít là học cách viết, lối diễn đạt từ những cuốn sách hay. Đó là cách đọc sáng tạo. Khác với sự giải trí đơn giản hay cảm nhận thông thường

- Xử lý thông tin: Việc xử lý thông tin trong quá trình tự học không bao giờ diễn ra trong vô thức mà cần có sự gia công, xử lý mới có thể sử dụng được. Quá trình này có thể được tiến hành thông qua việc phân tích, đánh giá, tóm lược, tổng hợp, so sánh...

- Trao đổi, phổ biến thông tin: Việc trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin tri thức là công việc cuối cùng của quá trình tiếp nhận tri thức. Hoạt động này giúp người học có thể hình thành và phát triển kỹ năng trình bày (bằng lời nói hay văn bản) cho người học. Giúp người học chủ động, tự tin trong giao tiếp ứng xử, phát triển năng lực hợp tác và làm việc nhóm tốt.

- Vận dụng tri thức, thông tin: Trong việc vận dụng thông tin tri thức khoa học để giải quyết các vấn đề liên quan như thực hành bài tập, thảo luận, xử lý các tình huống, viết bài thu hoạch, báo cáo khoa học, tổng thuật... Sinh viên thường gặp rất nhiều khó khăn. Có lúc tìm được một khối lượng lớn tư liệu nhưng việc tập hợp phân loại nội dung để kiến giải một vấn đề lại không thực hiện được. Trong trường hợp này cần khoanh vùng vấn đề trong một giới hạn đừng quá rộng. Chỉ cần tập trung đào sâu một vấn đề nào đó nhằm phát hiện ra cái mới có giá trị thực tiễn là đáp ứng yêu cầu.

Thứ ba, tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Vấn đề tự học rõ ràng không hề đơn giản. Muốn hoạt động học tập có hiệu quả nhất thiết sinh viên phải chủ động tự giác học tập bất cứ lúc nào có thể bằng chính nội lực của bản thân. Vì nội lực mới chính là nhân tố quyết định cho sự phát triển.

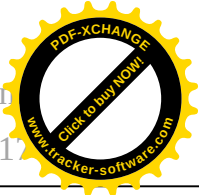
Việc nhìn nhận kết quả học tập có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức: dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của giảng viên, bản thân tự đánh giá, sự đánh giá nhận xét của tập thể thông qua thảo luận, tự đối chiếu so sánh với mục tiêu ban đầu mình đặt ra ... Thông qua nó người học có thể thẩm định mình, hiểu được cái gì làm được, điều gì chưa thỏa mãn nhu cầu học tập nghiên cứu để từ đó có hướng khắc phục hay phát huy.



Tóm lại, tự học có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình học tập. Học trên lớp chỉ có thời gian nhất định còn tự học là quá trình lâu dài, học suốt đời. Hiệu quả của quá trình tự học phụ thuộc vào ý chí, tổ chức, động cơ và năng lực của người học vì vậy bồi dưỡng nâng cao năng lực tự học cho sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết đối với quá trình dạy học trong các Trường đại học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trần Anh Tuấn(1996), Vấn đề tự học của sinh viên từ góc độ đánh giá chất lượng kỹ năng nghề nghiệp, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 5, tr18.
2. Nguyễn Kỳ(1990), Biến quá trình dạy học thành quá trình tự học, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục* số 2, Tr24.
3. Hà Thị Đức(1992), Về hoạt động tự học của sinh viên sư phạm, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số4, tr 23.
4. Phan Bích Ngọc, "Nghiên cứu kĩ năng làmviệc độc lập với sách của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội", Đề tài cấp Đại học Quốc gia - mã số QN05.07.
5. Trần Anh Tuấn, một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trường Đại học Trà Vinh, *diễn đàn trao đổi*.
6. [http: thuvien.tvu.edu](http://thuvien.tvu.edu)



ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THEO HƯỚNG PHÁT HUY NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

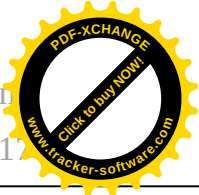
ThS. Trần Thị Hồng Thu

Giảng viên môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

TÓM TẮT: Trong xu thế hội nhập của thế giới, Việt Nam đang nỗ lực và tích cực hội nhập cùng thế giới với xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên Chủ nghĩa xã hội. Do đó, điều quan trọng nhất đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay là phải có một nguồn nhân lực không những vững vàng về năng lực chuyên môn mà còn phải có nhân cách tốt. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải tiến hành đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới giáo dục- đào tạo từ nội dung đến phương pháp. Vì thế, đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng hiện nay là hết sức cần thiết. Đổi mới phương pháp giảng dạy không phải là tạo ra một phương pháp mới, phủ định sạch trơn phương pháp cũ mà là kế thừa yếu tố tích cực của phương pháp cũ và kết hợp phương pháp cũ với phương pháp hiện đại một cách hợp lý và hiệu quả. Trong phạm vi bài hội thảo này tôi xin giới thiệu một phương pháp mới trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị: phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp thảo luận nhóm. Phương pháp này vừa đảm bảo sinh viên vẫn có thể nắm vững và hiểu được những nội dung kiến thức trừu tượng đặc thù của bộ môn, vừa phát huy được tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc nắm kiến thức cũng như vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra của sinh viên trong giai đoạn hiện nay; góp phần đào tạo ra những con người mới với thói quen lao động tích cực, chủ động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

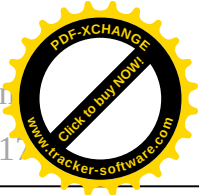
Hiện nay, đất nước ta đang bước vào giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng - sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước - không chỉ độc lập về mặt chính trị mà còn phải độc lập về mặt kinh tế, từng bước đi lên CNXH. Xuất phát điểm từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, phải đuổi kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, đây là một trọng trách nặng nề, một thách thức lớn đối với Việt Nam. Hơn nữa, nước ta tiến hành nhiệm vụ này trong bối cảnh thế giới bước vào nền



kinh tế tri thức (knowledge economy). Trong bước chuyển đó, Giáo dục và Đào tạo (GD - ĐT), khoa học và công nghệ (KH- CN) ngày càng trở thành yếu tố trực tiếp của lực lượng sản xuất hiện đại, là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH - HĐH) đất nước. Vì thế, cần phải đổi mới GD - ĐT mới có thể đào tạo ra những con người tự chủ, có nhân cách và năng lực nghề nghiệp- nguồn nhân lực quan trọng cho sự nghiệp CNH - HĐH.

Cùng với quá trình đổi mới đất nước nói chung, đổi mới nền giáo dục nước nhà, trong đó có giáo dục cao đẳng, đại học, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Định hướng đổi mới phương pháp dạy và học đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1 - 1993), Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12 - 1996), được thể chế hóa trong Luật Giáo dục (12 - 1998), được cụ thể hóa trong các chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 4/1/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã nêu: “Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”.

Như vậy, việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học ở nước ta hiện nay là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Do đó, đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị nói riêng tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng là một nhiệm vụ cấp bách. Đặc biệt, giai đoạn hiện nay, khi trường chuyển từ hình thức đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ, các môn Lý luận Chính trị có sự rút ngắn về thời gian trong khi nội dung chương trình không thay đổi thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại trường để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên lại càng cần thiết hơn bao giờ hết.



2. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THEO HƯỚNG PHÁT HUY NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

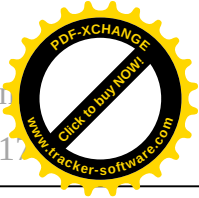
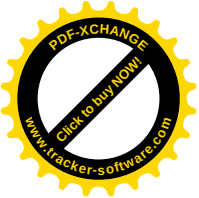
2.1. Vì sao phải đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị

Với sự phát triển cực kỳ nhanh chóng của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, nhân loại đang bước đầu quá độ sang nền kinh tế tri thức. Từ trên nền tảng đó, cùng với những biến đổi lớn lao về chính trị xã hội vào các thập niên vừa qua, xu thế toàn cầu hóa mạnh mẽ đang diễn ra trên thế giới.

Ở nước ta, sau gần ba thập niên thực hiện đường lối “đổi mới”, chuyển dịch từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp công nghiệp hóa (CNH) hiện đại hóa (HĐH) ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển..., từng bước phát triển kinh tế tri thức...” đã đạt được nhiều thành quả. Trong bối cảnh quốc tế nêu trên, ở nước ta không chỉ có sự “đổi mới”, chuyển sang nền kinh tế thị trường, mà còn có xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa.

Xã hội hiện đại với quá trình công nghiệp hóa, tin học hoá dưới tác động trực tiếp và mạnh mẽ của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã làm thay đổi cơ bản đời sống xã hội. Trong xã hội hiện đại, vai trò, vị trí và chức năng của nhà trường nói chung và của người thầy nói riêng đã có những thay đổi to lớn và căn bản. Vị trí trung tâm trong quá trình dạy học đang chuyển dần từ người dạy (giảng viên) sang người học (HS) với yêu cầu giáo dục và đào tạo những thế hệ kế tiếp để trở thành những con người năng động và sáng tạo, thích ứng với những biến đổi nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống hiện đại. Sự tiến bộ nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ và cùng với nó là quá trình sử dụng rộng rãi các phương tiện thông tin đại chúng (báo trí, truyền thanh, truyền hình vv...) đã phá vỡ tính duy nhất và độc tôn về nguồn tri thức của người thầy giáo trong nhà trường truyền thống. Nói cách khác, người giáo viên trong nền giáo dục hiện đại không chỉ được coi là người truyền thụ cái đã là chính thống, người cung cấp những thông tin được soạn thảo trên cơ sở những điều có sẵn, người thừa hành, mà phải là người đề xướng, thiết kế nội dung và phương pháp dạy nhằm làm thay đổi những thị hiếu, hứng thú của người học, là người giúp cho học sinh biết cách học, cách tự rèn luyện, phát triển năng lực của mình.

Có thể nói bối cảnh quốc tế và trong nước nêu trên đã tạo nên một thời kỳ mới đối với đất nước. Thời kỳ mới đó cũng làm cho nền giáo dục đại học (GDĐH) nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, mang những đặc trưng mới về sứ mạng, cơ cấu, chức



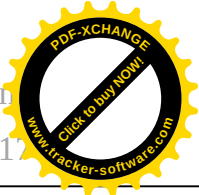
năng...Những đặc trưng mới đó cũng làm nảy sinh yêu cầu phải đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy và học (trong đó có các môn Lý luận Chính trị) ở bậc cao đẳng và đại học.

Vậy con đường nào để nội dung giáo dục Lý luận Chính trị đến với người học một cách nhanh nhất, có chất lượng, biết hành động sáng tạo, phát huy năng lực của mình để phục vụ thực tiễn công tác. Tìm trong câu trả lời này chúng ta thấy phương pháp dạy học đóng vai trò chủ đạo, là nhân tố chủ yếu quyết định chất lượng dạy và học.

Các môn Lý luận Chính trị không chỉ cung cấp những tri thức về nội dung, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của thế giới quan duy vật biện chứng mà còn làm cho những nội dung kiến thức đó xâm nhập và biến những tri thức mà sinh viên tiếp nhận được thành những giá trị, niềm tin, lý tưởng, lập trường thế giới quan tương ứng. Vì vậy, sinh viên đến lớp không phải để nghe những lời diễn giảng một chiều mang tính chủ quan nhất định từ người dạy, mà qua những kiến thức đó, sinh viên nhận thức, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn như thế nào? Để đạt hiệu quả, ngoài việc nghe giảng trên lớp sinh viên phải có phương pháp phù hợp để tự học, tự nghiên cứu. Nói cách khác, nếu sinh viên không nỗ lực, phấn đấu trong việc tự học thì việc dạy học các môn Lý luận chính trị không thể đạt hiệu quả như mong muốn.

Tuy nhiên trên thực tế, các môn Lý luận Chính trị thường được sinh viên ở các trường không chuyên nói chung cũng như sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng nói riêng quan niệm là môn học điều kiện, môn phụ, khô khan, chỉ mang tính chất đường lối, chính sách, cho nên trong quá trình giảng dạy, giáo viên chỉ cốt làm sao truyền đạt đủ nội dung tinh thần của giáo trình là đủ, sinh viên chỉ cần thuộc lòng để có kiến thức khi thi. Chính vì vậy mà kết quả học tập của các môn Lý luận Chính trị không cao. Để thực hiện việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị, một trong những biện pháp quan trọng nhất chính là đổi mới phương pháp dạy học.

Hơn nữa, trong dạy học theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng hiện nay, nhất thiết phải chuyển từ kiểu dạy học tập trung vào vai trò của giảng viên và hoạt động dạy sang kiểu tập trung vào vai trò của sinh viên và hoạt động học. Giảng viên không còn đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức mà là người gợi mở, hướng dẫn, tổ chức, cố vấn cho các hoạt động tự học của sinh viên. Do đó, đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị là cần thiết hơn bao giờ hết.



2.2. Nội dung đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng

Khái niệm phương pháp được hiểu một cách trung nhất là cách thức hành động (hoạt động) hướng tới đạt được những mục tiêu, mục đích đã định trong những điều kiện và môi trường cụ thể. Phương pháp dạy học được hiểu là cách thức tổ chức các hoạt động của người dạy (thầy) và người học (trò) nhằm hình thành và phát triển ở người học các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển nhân cách nghề nghiệp trong quá trình đào tạo.

Phương pháp dạy học là một phạm trù rất rộng, bao gồm một hệ thống các phương pháp khác nhau, cách sử dụng các phương pháp dạy học như thế nào để góp phần phát huy năng lực của người học và hiệu quả trong giảng dạy Lý luận Chính trị hiện nay là câu hỏi lớn.

Triết học Mác-xít khẳng định: Lượng đổi thì chất đổi, lượng thay đổi một cách tuần tự còn chất thay đổi một cách nhảy vọt. Quy luật về mối tương quan giữa lượng và chất này hoàn toàn đúng trong các hoạt động giáo dục. Sự tăng lên về kiến thức ngày nay nhất thiết phải kéo theo sự thay đổi về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục cũng như phương tiện và phương pháp truyền đạt tri thức của con người. Các Mác cho rằng: Công cụ lao động là thước đo của sự phát triển kinh tế và của sự tiến bộ xã hội.... Cái cối xay quay bằng tay đã đẻ ra các lãnh chúa phong kiến, chiếc máy cơ khí chạy bằng hơi nước đẻ ra các nhà tư bản công nghiệp. Phương tiện dạy học là công cụ của thầy và trò, cùng với thầy, trò hội thành một lực lượng sản xuất đặc biệt của xã hội. Phương tiện dạy học như thế nào thì tương ứng với phương pháp dạy học như thế. Cái thước kẻ và cái chông tre đẻ ra các cụ đồ nho dạy học bằng phương pháp gõ đầu trẻ. Công nghệ thông tin ra đời sẽ hình thành nền giáo dục mới- giáo dục dựa trên nền tảng tri thức. Với khối lượng thông tin đồ sộ, tăng theo cấp số nhân như hiện nay, nếu như chúng ta vẫn giữ nguyên phương pháp truyền thụ tri thức cho học sinh theo quan hệ một chiều: Thầy truyền đạt, trò tiếp nhận là không còn phù hợp nữa. Vì vậy, cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chủ động, tích cực, lấy học sinh làm trung tâm.

Đổi mới phương pháp dạy học không phải là tạo ra một phương pháp khác với cái cũ, để loại trừ cái cũ mà tạo được một tiền đề để cho những nhân tố tích cực của cái cũ vẫn có cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn, đồng thời tạo ra được cái mới tiến bộ hơn, tốt hơn cái đã có. Nói như vậy không phải là dung hoà để làm hơi khác hay tương tự cái đã



có mà phải có cái mới thực sự để đáp ứng đòi hỏi của sự tiến bộ. Nếu phương pháp dạy học cũ có ưu điểm lớn là phát huy trí nhớ, tập cho học sinh làm theo một điều nào đó thì phương pháp mới vẫn cần những ưu điểm trên. Song cái khác căn bản ở đây là phương pháp dạy học cũ đã phần nhiều bỏ quên học sinh nên học sinh bị động trong tiếp nhận, còn phương pháp dạy học mới phải phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Trước khi đề xuất một phương pháp giảng dạy mới nào đó, chúng ta hãy tìm hiểu về phương pháp giảng dạy truyền thống đã từng tồn tại rất lâu trong nền giáo dục Việt Nam nói chung cũng như tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng nói riêng để thấy được sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng hiện nay.

Phương pháp thuyết trình là một trong những phương pháp dạy học truyền thống đã có từ lâu, được áp dụng phổ biến trong quá trình dạy học nói chung và trong dạy học các môn khoa học lý luận chính trị nói riêng ở các trường Đại học và Cao đẳng (trong đó bao hàm cả trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng). Phương pháp này là mô hình giảng dạy trong đó giảng viên là trung tâm, thuyết giảng các khối kiến thức qua các bài giảng dựa vào các giáo trình, sách giáo khoa... Hiệu quả mà phương pháp này mang lại không phải phương pháp nào cũng có được. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế nhất định nên việc lạm dụng nó sẽ dễ dẫn đến sự nhàm chán trong quá trình dạy học:

- Phương pháp thuyết trình không khuyến khích vai trò chủ động của người học. Sự thụ động làm hạn chế khả năng học và khả năng tập trung của người học.
- Phương pháp thuyết trình không khuyến khích trao đổi thông tin đa chiều. Giảng viên truyền đạt thông tin một chiều và phải luôn nỗ lực tìm hiểu những khó khăn mà người học gặp phải trong việc tiếp thu nội dung bài giảng.
- Phương pháp thuyết trình không khuyến khích người học phát triển kỹ năng tổ chức và tổng hợp nội dung.
- Với phương pháp thuyết trình, giảng viên không kiểm soát được thời gian mà người học dành ra để tìm hiểu bài và ghi nhớ sâu các nội dung được trình bày.

Để khắc phục những hạn chế của phương pháp thuyết trình, trong phạm vi bài tham luận này, tôi xin đề xuất một phương pháp giảng dạy mới là phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng.



Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo các nhóm để tiến hành thảo luận, làm rõ các chủ đề giảng viên nêu ra. Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp thảo luận nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

Theo tác giả Phan Trọng Ngọ: “Thảo luận nhóm là phương pháp trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành những nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó [8; 223]. Ở Việt Nam, phương pháp này được áp dụng rộng rãi trong dạy học từ những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

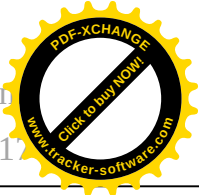
Để có kết quả tốt, việc thảo luận nhóm phải thực hiện qua 4 bước như sau:

Bước 1: Chia nhóm:

Ngay từ buổi học đầu tiên của học phần, giảng viên nên thông báo cho sinh viên biết cách tổ chức nhóm, nội dung hoạt động của nhóm, giới hạn rõ về thời gian thảo luận của một chủ đề (khoảng 25-35 phút) và cách đánh giá cho điểm. Số lượng thành viên mỗi nhóm khoảng 4-6 bạn, sao cho vừa đủ để phát huy được tính tích cực của các thành viên nhóm và giảng viên có thể bao quát được nhóm. Giảng viên nên để các sinh viên tự lựa chọn nhóm để các em có thể hợp tác, giúp đỡ và phối hợp ăn ý với nhau. Mỗi nhóm phải chọn ra 1 trưởng nhóm có trách nhiệm tổ chức điều hành mọi hoạt động của nhóm và một thư ký để tổng hợp ý kiến thảo luận của nhóm. Các thành viên trong nhóm phải phân rõ trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong nhóm.

Bước 2: Giảng viên giao chủ đề thảo luận cho nhóm.

Giảng viên phân công mỗi nhóm một chủ đề khác nhau theo nội dung của học phần. Giảng viên nên phân công chủ đề thảo luận cho các nhóm trước khi báo cáo ít nhất khoảng 1 tuần để các nhóm có thời gian chuẩn bị. Chủ đề thảo luận phải là những nội dung cơ bản, trọng tâm, đồng thời là những tình huống có vấn đề, hấp dẫn, buộc sinh viên phải động não. Giảng viên nên lựa chọn những chủ đề có nội dung vừa phải, không quá dài, không quá dễ hoặc quá khó, quá trừu tượng. Để đảm bảo chất lượng của quá trình thảo luận cũng như chất lượng của giờ lên lớp, giảng viên nên hướng dẫn sinh viên đọc trước bài học và những vấn đề cần lưu ý, định hướng cách thức làm việc. Khuyến khích các em sử dụng phương tiện hiện đại vào việc báo cáo chủ đề thảo luận của nhóm. Điều đó giúp sinh viên chủ động hơn trong thảo luận.



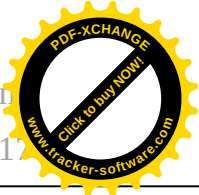
Ví dụ: Chương I: “Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh” của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng viên có thể giao cho sinh viên chủ đề thảo luận: *Câu 1:* Trong các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở nào giữ vai trò quyết định nhất đến sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh? Vì sao?; *Câu 2:* Trong các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn nào được xem là giai đoạn đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Hãy phân tích.

Để sinh viên có thể chuẩn bị tốt bài thảo luận, giảng viên cần hướng dẫn các em: *Câu 1:* đọc phần I của chương I trong giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của NXB Chính trị Quốc gia năm 2012; *Câu 2:* đọc phần II của chương I trong giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của NXB Chính trị Quốc gia năm 2012; Tham khảo thêm các tài liệu: phần I và phần II của chương I trong giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của NXB Chính trị Quốc gia năm 2003, Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, tài liệu trên internet,... Hướng dẫn các em trong quá trình đọc, tham khảo tài liệu các em phải nắm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển trên những cơ sở nào, vai trò của từng cơ sở đối với quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh để từ đó mới so sánh, xác định được cơ sở nào giữ vai trò quyết định nhất; Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển qua mấy giai đoạn, nắm được nội dung của mỗi giai đoạn để từ đó hiểu được giai đoạn nào đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bước 3: Các nhóm làm thảo luận và báo cáo.

Sau khi nhận chủ đề thảo luận, trưởng nhóm phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm chuẩn bị nội dung thảo luận rồi phải gửi lại cho trưởng nhóm và thư ký nhóm tổng hợp. Người báo cáo có thể được chỉ định ngẫu nhiên hoặc do nhóm chọn, đồng thời các thành viên trong nhóm cùng tham gia hỗ trợ báo cáo và trả lời câu hỏi phản biện.

Sau khi nhóm báo cáo xong, giảng viên chỉ định nhóm nhận xét và phản biện cụ thể hoặc có thể mời ngẫu nhiên nhóm bất kỳ, hoặc cá nhân bất kỳ nhận xét và phản biện. Giảng viên nên khuyến khích tinh thần tích cực, tự giác của sinh viên. Giảng viên cũng có thể đặt câu hỏi cho nhóm báo cáo hoặc hỗ trợ, gợi ý, định hướng cho nhóm báo cáo cũng như cả lớp trả lời câu hỏi của các nhóm khác khi nhóm báo cáo gặp khó khăn trong các câu hỏi.



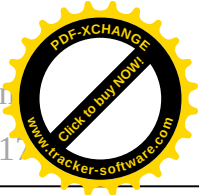
Trong quá trình các nhóm thảo luận, giảng viên nên đi tới từng nhóm quan sát, lắng nghe, gợi ý, đôn đốc và định hướng cho các nhóm.

Bước 4: Giáo viên tổng kết chủ đề.

Giảng viên với vai trò là trọng tài chốt lại những nội dung cơ bản. Giảng viên nhận xét khả năng làm việc của nhóm, phân tích kết quả thực hiện của từng nhóm: các nhóm có chuẩn bị tốt nội dung thảo luận không (khuyến khích sử dụng phương tiện hiện đại để báo cáo), làm việc có khoa học không, phần thuyết trình có hấp dẫn không, phần phản biện và trả lời phản biện có tốt không, những ai tích cực, những ai chưa tích cực, cần rút kinh nghiệm gì...Giảng viên nên nhận xét một cách cụ thể, khách quan, khen nhóm thảo luận tốt và các cá nhân tích cực, động viên, khuyến khích bằng điểm một cách công khai để tạo hứng thú cho sinh viên. Cuối cùng, giảng viên phải chốt lại một lần cuối một cách ngắn gọn tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành phát triển từ mấy cơ sở, cơ sở nào quyết định nhất đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Trong 5 giai đoạn hình thành và phát triển, giai đoạn nào đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

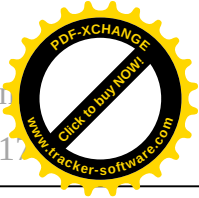
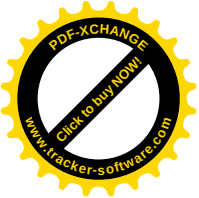
3. KẾT LUẬN

Mỗi phương pháp dạy học đều có ưu điểm, nhược điểm nhất định; vấn đề lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học còn phụ thuộc vào nội dung dạy học, phụ thuộc vào năng lực sư phạm của mỗi giảng viên, vào điều kiện và phương tiện dạy học...không có phương pháp dạy học nào là vạn năng, do đó cần vận dụng phối hợp một cách linh hoạt các phương pháp dạy học trong thực tiễn giảng dạy, nhất là trong giảng dạy Lý luận Chính trị để phát huy tối đa những mặt mạnh của từng phương pháp và hạn chế những mặt yếu của nó. Trên đây chỉ là một vài kinh nghiệm nhỏ, xin được trao đổi, luận bàn cùng đồng nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, chắc chắn có những thiếu sót nhất định. Tôi xin chân thành lắng nghe sự đóng góp ý kiến quý báu của quý thầy cô đồng nghiệp để những giờ dạy các môn Lý luận Chính trị tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng trở nên nhẹ nhàng hơn đối với giảng viên và hấp dẫn hơn đối với sinh viên.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Nghị quyết số 29- NQ/ TW ngày 4/1/2013 Hội nghị trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo
6. Ngô Tứ Thành: *Cần đổi mới cách giảng dạy ở đại học*, dantri.com.vn, ngày 12-3-2010
7. Mỹ Uyên: *Đào tạo tín chỉ ở Việt Nam còn nhiều bất cập*, Báo Thanh niên, ngày 14-2-2012
8. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội
9. Trần Khánh Đức, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.



**KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN SEMINAR,
LÀM VIỆC NHÓM NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT
NGƯỜI HỌC TRONG CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG**

Đinh Thị Huyền

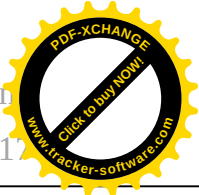
Giảng viên tổ Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam

Trong quá trình công tác tại Khoa Lý luận chính trị Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng, bản thân tôi đã tích lũy được một số kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị, trong đó có phương pháp tổ chức Seminar, làm việc nhóm; hơn nữa theo quan sát cá nhân, phương pháp này có tác động rất nhiều đến tinh thần học tập cũng như phát huy năng lực của sinh viên, tuy nhiên phương pháp này vẫn chưa được vận dụng có hiệu quả trong các môn Lý luận Chính trị. Vì vậy, hôm nay tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm của mình về hai phương pháp Seminar và làm việc nhóm.

1. Thực trạng áp dụng phương pháp seminar, làm việc nhóm tại Trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng

Theo quan sát của cá nhân khi đứng lớp, bản thân nhận thấy phương pháp seminar hay làm việc nhóm cũng đã được nhiều thầy cô vận dụng khi dạy các môn Lý luận Chính trị. Tuy nhiên, hình thức áp dụng còn chưa phong phú, đặc biệt là cách theo dõi các bạn sinh viên làm việc nhóm để đánh giá đúng năng lực sinh viên. Thông thường, bản chất của những môn Lý luận Chính trị là thiên về lý thuyết, không có bài tập thực hành nên sẽ hạn chế sự tham gia của các em trong quá trình học. Hơn nữa, phần lớn sinh viên tại Trường chủ yếu là khối ngành kỹ thuật, thường có thái độ xem nhẹ và không hứng thú khi học các môn Lý luận Chính trị. Trong khi đó bản chất của những môn Lý luận Chính trị là kiến thức nền, không thường xuyên cập nhật, thay đổi như các môn chuyên ngành luật, nếu có cập nhật cũng là những số liệu xoay quanh một vài vấn đề xã hội. Điều này cũng hạn chế cho giảng viên trong việc tạo sự phong phú khi cho đề tài thảo luận, thường là những đề tài quen thuộc, không có tính mới.



Chính vì vậy, nghiên cứu về phương pháp seminar và làm việc nhóm, tìm ra cách tạo hứng thú, thúc đẩy sự phát triển toàn diện về năng lực, phẩm chất cho sinh viên là điều vô cùng cần thiết.

2. Về thực hiện phương pháp làm việc nhóm

❖ Khái quát về phương pháp làm việc nhóm

Trong quá trình dạy và học, phương pháp làm việc nhóm là phương pháp được áp dụng phổ biến nhất và hiệu quả nhất. Có thể nói nôm na, đây là phương pháp học tập có đặc trưng về chủ thể thực hiện, đó là sự tham gia thực hiện của một nhóm sinh viên (từ 2 sinh viên trở lên). Về nội dung thực hiện, có thể rất phong phú và đa dạng: nghiên cứu đề tài và trình bày, giải quyết bài tập nhận định/tình huống/lý thuyết... Như vậy, đây là phương pháp học tập chung nhất, có thể bao gồm/kết hợp với các phương pháp như case study, seminar, dạy học theo dự án...

❖ Một số lưu ý khi áp dụng phương pháp làm việc nhóm

Thứ nhất, phân biệt giữa làm việc nhóm và seminar. Theo đó làm việc nhóm là phương pháp chung nhất, seminar là một dạng đặc biệt của làm việc nhóm. Seminar có thể được thực hiện bởi 1 em hoặc 1 nhóm sinh viên. Nếu thực hiện bởi nhóm thì có sự tương đồng với phương pháp làm việc nhóm. Ngoài ra, làm việc nhóm là chú trọng về cách thức làm việc, phối hợp giữa những người thực hiện, tức là nói về hình thức. Còn seminar là chú trọng về nội dung thực hiện, phương thức nghiên cứu đối với đề tài, tức là nói về nội dung. Khi làm seminar có kết hợp với làm việc nhóm sẽ giúp đảm bảo tốt hiệu quả học tập.

Giờ làm việc nhóm được sử dụng như một hình thức tổ chức dạy học nhằm rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc hợp tác, tư duy tích cực, tinh thần trách nhiệm của sinh viên, khắc phục những nhược điểm trong kiểu dạy học tổng lực, toàn lớp.

Giờ Seminar thì các vấn đề của nội dung môn học sẽ được giảng viên giao trước để sinh viên tự nghiên cứu tìm tòi và tranh luận công khai trên lớp. Giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn, điều khiển (cũng có thể giao cho một nhóm nào đó thực hiện vai trò này), tổng kết (điều chỉnh, bổ sung) và đánh giá.

Thứ hai, lưu ý những khó khăn khi làm việc nhóm:

+ **Chia nhóm:** Giảng viên sẽ chia nhóm ngẫu nhiên theo danh sách lớp hay cho sinh viên tự bắt nhóm với nhau sẽ hiệu quả hơn? Mỗi cách làm đều có ưu và hạn chế. Tuy nhiên, nếu lớp nào đã có chia nhóm sẵn thì sẽ chia theo nhóm đó. Nếu chưa có, thì



giảng viên có thể tham khảo ý kiến chung của cả lớp và quyết định. Theo tôi, nếu sinh viên muốn tự chọn thì cho sinh viên tự chọn để đảm bảo hiệu quả.

+ **Đánh giá kết quả của sinh viên:** thông thường, điểm của nhóm sẽ là điểm của các thành viên. Tuy nhiên, thực tế có những thành viên ỉ lại, không tích cực làm việc nhóm. Giảng viên có thể (i) yêu cầu nhóm báo cáo và sau đó giao đề tài riêng cho sinh viên này làm; (ii) dựa vào báo cáo của nhóm, sau khi xác minh, giảng viên cho điểm thành viên này thấp hơn điểm của chung của nhóm.

+ **Đánh giá kết quả làm việc nhóm:** Cần đánh giá cả về nội dung và hình thức trình bày. Giảng viên cần đưa ra tiêu chí/ yêu cầu/thang điểm cụ thể khi giao đề tài cho các nhóm.

+ **Thời điểm thực hiện:** Giảng viên có thể thiết kế linh động. Không nhất thiết làm việc nhóm là giao đề tài/bài tập/tình huống về nhà chuẩn bị mà có thể cho các nhóm thảo luận/làm việc nhóm ngay tại lớp. Khi đó, giáo viên sẽ quan sát và đánh giá tốt hơn thái độ/ chất lượng học tập của lớp.

Ví dụ một số mô hình làm việc nhóm tại lớp:

+ Đa dạng hóa các mô hình làm việc nhóm bằng cách đưa ra yêu cầu/tình huống và các nhóm có 20 phút *thảo luận và trả lời ngay* tại lớp. Mô hình này, hiện nay đa số các giảng viên của Khoa Lý luận Chính trị đều đã áp dụng.

+ Giảng viên chuẩn bị các ô chữ về những thuật ngữ của môn học để sinh viên ôn tập thông qua các trò chơi: *giải ô chữ, đoán ý đồng đội (một bạn diễn tả bằng ngôn ngữ - những bạn còn lại đoán, dùng những kiến thức của môn học)...*

+ Giảng viên chuẩn bị và đặt các câu hỏi cho các nhóm theo dạng: “*hỏi nhanh đáp nhanh*” để ôn tập lại bài.

+ Giảng viên sưu tầm những tình huống thực tiễn, những clip minh họa. Sau đó đặt câu hỏi cho các nhóm.

+ Những hình thức/mô hình này, ngoài việc giảng viên chuẩn bị, giảng viên có thể giao cho các nhóm tự soạn/ chuẩn bị và các nhóm còn lại tham gia.

3. Về việc tổ chức thực hiện seminar

❖ Khái quát về phương pháp dạy học seminar

Việc phát huy vai trò tích cực và chủ động của sinh viên là rất quan trọng và góp phần quyết định đến hiệu quả của hoạt động giảng dạy – học tập, nhất là đối với những môn mang tính đặc thù như các môn Lý luận Chính trị.



Tùy từng lĩnh vực và điều kiện cụ thể mà giáo viên sẽ linh hoạt áp dụng các phương pháp dạy học khác nhau cho các lớp hoặc các nhóm học tập. Trong đó, phương pháp seminar là một hình thức dạy học có nhiều ưu điểm đáp ứng được yêu cầu này. Đặc biệt, có thể dùng phương pháp seminar để các em thực hiện các nội dung tự nghiên cứu trong đề cương môn học.

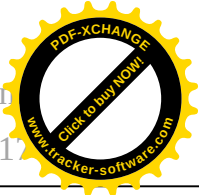
Seminar được hiểu là ***một dạng hội thảo nghiên cứu chuyên đề***, có thể hiểu đơn giản là một hình thức học tập, mà trong đó *người học chủ động hoàn toàn* từ khâu chuẩn bị tài liệu, trình bày nội dung, đưa dẫn chứng, trao đổi, thảo luận với các thành viên khác trong lớp và cuối cùng tự rút ra nội dung chính của bài học hay của một vấn đề liên quan, cũng như có thể đề xuất các ý kiến để mở rộng hơn nữa nội dung của đề tài. Như vậy, sinh viên sẽ là những nhân vật chính của phương pháp này. Còn vai trò của giảng viên là việc hướng dẫn về phương pháp, hỗ trợ và đánh giá kết quả.

*** Ưu điểm của phương pháp seminar**

Ưu điểm của phương pháp này chủ yếu hướng đến người học – sinh viên:

- Đổi mới không khí lớp học, thu hút sự tập trung của sinh viên;
- Khơi gợi sự yêu thích đối với môn học nói riêng và đối với những vấn đề liên quan đến nội dung môn học (sinh viên thực hiện). Theo đó, ngoài những đề tài giảng viên đưa ra, sinh viên có thể tìm hiểu và đăng ký những đề tài khác nếu giảng viên thấy phù hợp.
- Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp, sử dụng tài liệu; kỹ năng thuyết trình và tranh luận;
- Rèn luyện kỹ năng và thái độ làm việc nhóm (nếu có). Thông thường, do sĩ số lớp khá đông, nên giảng viên khuyến khích các bạn làm việc nhóm. Tuy nhiên, vẫn cho phép làm bài cá nhân nếu sinh viên có nguyện vọng.
- Sinh viên phát huy tối đa tính năng động, có ý thức nghiên cứu sâu tài liệu liên quan, khả năng tự học cao, ý thức làm chủ và trách nhiệm trong học tập.
- Phương pháp seminar không chỉ đơn thuần là việc một sinh viên/nhóm nghiên cứu và thuyết trình đề tài một cách khô khan mà còn lồng ghép rất nhiều sự sáng tạo trong cách thực hiện như: đóng vai, diễn kịch, dựng tình huống, phỏng vấn người nghe, chia nhóm tranh luận...tùy từng lĩnh vực và nội dung cụ thể.

Qua đó, sinh viên cũng rèn luyện cách chọn lọc thông tin để trình bày chứ không phải đọc lại toàn bộ văn bản.



* Một số hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục

Mặc dù có rất nhiều ưu điểm nhưng phương pháp này cũng có một số hạn chế:

- Khá tốn thời gian (thời gian chuẩn bị, họp nhóm để cho ra sản phẩm; thời giờ thực hiện tại lớp). Tuy nhiên có thể khắc phục thông qua ứng dụng liên hệ làm việc nhóm trên phương tiện điện tử: email, groupchat, facebook...Ngoài ra, thư viện trường cũng có những khu vực dành cho việc học nhóm nên rất thuận tiện cho sinh viên. Trong quá trình chuẩn bị, giảng viên yêu cầu mỗi nhóm phải hoàn thành sản phẩm và gửi trước cho giảng viên (Từ 5- 10 ngày) để *giảng viên góp ý điều chỉnh* (nếu có) kịp thời đảm bảo chất lượng và tiến độ.

- Đặc biệt ở trường có sỹ số lớp lý tưởng- sinh viên của mỗi lớp khoảng từ 20 đến 70 sinh viên / lớp. Trung bình là 40 sinh viên / lớp là rất thuận lợi cho phương pháp học này

Giảng viên giao cho mỗi nhóm làm mỗi đề tài riêng, hoặc là nhóm nào làm tốt hơn sẽ được trình bày.

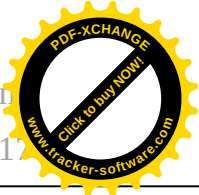
- Nếu không quản lý, theo dõi chặt chẽ sẽ dễ có tình trạng: trong nhóm chỉ có 1 vài sinh viên làm việc nghiêm túc còn một số thành viên khác chỉ tham gia qua loa. Giảng viên sẽ khắc phục bằng cách:

(1) Triển khai trước lớp về việc cho sinh viên trong nhóm *tự đánh giá lẫn nhau* (phiếu đánh giá theo mẫu) và nộp lại **Phiếu đánh giá** cho nhóm trưởng hoặc giảng viên; (hoặc có thể họp nhóm và đánh giá tại buổi họp nhóm), kèm theo **Biên bản làm việc nhóm** có chữ ký của tất cả các thành viên.

Ví dụ, bài của nhóm được 9 điểm, thì những thành viên bị đánh giá “ít nhiệt tình” sẽ bị trừ đi 2 điểm, tức là được 7 điểm...Nếu thành viên nào “không tham gia” sẽ không có điểm làm bài nhóm. Dù điểm số không quan trọng và rất khó để đánh giá thật chính xác thế nào là “có tham gia”, “nhiệt tình”, “hiệu quả”, “có gửi bài”...nhưng cách làm này có thể phần nào cải thiện được tình hình trên và giúp sinh viên có ý thức trách nhiệm hơn đối với công việc chung của nhóm và việc học tập của bản thân. Ngoài ra, cũng giúp cho các em sinh viên bớt đi thái độ “du di” đối với những sinh viên lười học.

(2) Sau khi nhóm trình bày, giảng viên đặt một số câu hỏi để *kiểm tra mức độ hiểu* nội dung của một số thành viên khác trong nhóm.

- Đòi hỏi nguồn tư liệu phong phú giảng viên phải hướng dẫn và định hướng cho sinh viên phương pháp tìm tài liệu, đảm bảo độ tin cậy, nguồn tài liệu rõ ràng, phong phú. Sinh viên phải biết chất lọc thông tin, bám sát vào các “vấn đề” của đề tài chứ



không phải là tổng hợp các thông tin một cách rời rạc. Theo đó, khi đưa ra các đề tài, giáo viên cần khoanh vùng và định hướng để sinh viên “phân tích”, so sánh, bình luận các vấn đề lý luận chứ không đơn thuần là liệt kê và tái hiện kiến thức. Ngoài ra, giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên trình bày về nguồn tài liệu trong phần chú thích “footnote” để đảm bảo tính khoa học của bài làm.

- Sinh viên dễ đi theo lối mòn khi trình bày, báo cáo tại lớp. Đặc biệt với những môn Lý luận Chính trị thì tình trạng này càng phổ biến. Các em thường tìm kiếm trên google sau đó “copy – past” và lên “đọc lại”.

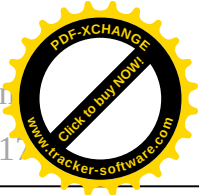
Để hạn chế tình trạng này, giảng viên có thể khuyến khích, gợi ý và hướng dẫn các em thực hiện một cách sáng tạo. Hạn chế việc đọc tài liệu/ nhìn màn hình khi trình bày. Hạn chế việc chỉ có 1 hoặc 2 sinh viên trình bày hết nội dung. Hạn chế việc độc thoại thiếu tương tác với các bạn sinh viên khác như đã phân tích ở trên, nếu sinh viên trình bày nhưng theo kiểu hùng biện thì tốt.

Để hạn chế tình trạng này, giảng viên cần yêu cầu nhóm báo cáo về “hình thức” trình bày mà nhóm sẽ thực hiện, theo hướng khuyến khích những hình thức trình bày sáng tạo. Nếu nhóm nào không có hình thức trình bày mới, sáng tạo sẽ không được trình bày hoặc mất điểm phần “sáng tạo”, điều này sẽ khuyến khích sinh viên tìm tòi những hình thức trình bày mới. Ngoài những hình thức như đã trình bày ở phần trên, giảng viên có thể yêu cầu nhóm chuẩn bị các câu hỏi hệ thống lại nội dung vừa trình bày: câu hỏi trắc nghiệm, nhận định, đoán chữ...

- Trong quá trình sinh viên thảo luận, tranh luận. Có thể có 2 trường hợp:

(1) Các sinh viên khác không theo dõi kịp và không nắm hết các vấn đề của đề tài nên không nhiệt tình tham gia thảo luận, tranh luận. Để xảy ra tình trạng nhóm nào cũng chỉ biết đến mỗi đề tài của nhóm mình mà không quan tâm đến đề tài và phần trình bày của nhóm khác, do đó, làm hạn chế tính ưu việt của phương pháp này. Để khắc phục tình trạng này, các nhóm trình bày phải chuẩn bị 1 bản tóm tắt các nội dung của đề tài sẽ trình bày để gửi cho các nhóm còn lại trước ngày trình bày, để các nhóm đó nắm được nội dung cơ bản của đề tài và chuẩn bị trước các câu hỏi để thảo luận, tranh luận, phản biện. Như vậy, sẽ tăng hiệu quả của việc tương tác, trao đổi giữa các nhóm.

(2) Các sinh viên trong nhóm trình bày và các sinh viên khác “quá nhiệt tình” tranh luận dẫn đến đi xa khỏi đề tài, mất nhiều thời gian hoặc quá sa đà vào một nội dung nào đó. Nếu nhóm trình bày không đủ vững để kiểm soát việc tranh luận, bám sát



vấn đề thì khi đó, giảng viên phải thực hiện vai trò trọng tài khoa học của mình. *Cụ thể, giảng viên định hướng và kết luận vấn đề (nếu có), hoặc gợi mở ra nhiều quan điểm khác nhau...giảng viên cần hạn chế phê bình việc sinh viên đưa ra nhiều quan điểm khác nhau, hay các ý kiến không chính xác mà sẽ định hướng để sinh viên hiểu rõ vấn đề.*

❖ **Áp dụng seminar đối với các môn học Lý luận Chính trị**

Cụ thể, đối với các môn học Lý luận Chính trị, một hay một nhóm sinh viên được giao chuẩn bị trước một chủ đề thuộc nội dung của môn học hoặc liên quan đến môn học và giảng viên thường tìm kiếm các vấn đề không có sẵn trong giáo trình, có thể là những nội dung mới hoặc đang được dư luận quan tâm. Sau đó sẽ trình bày trước lớp và tiến hành thảo luận về vấn đề đó dưới sự quan sát và hướng dẫn của giảng viên.

Để giúp sinh viên thực hiện tốt các buổi seminar, vai trò của người giảng viên là không nhỏ. Theo đó, giảng viên sẽ là người hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ các em trong quá trình chuẩn bị. Ngoài những nội dung đã phân tích ở trên, thì có một số nội dung cần lưu ý thêm như sau.

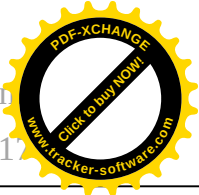
Những điều cần lưu ý:

- **Về thời gian:** *giảng viên* giao đề tài hoặc cho sinh viên chọn đề tài trong danh sách các đề tài có sẵn vào buổi học đầu tiên. Có thể khuyến khích các nhóm tìm các đề tài ngoài danh sách, nhưng phải được sự đồng ý của giảng viên. Thời điểm trình bày: tùy từng nội dung đề tài và chương trình môn học. Có thể: (1) Trình bày tương ứng theo nội dung môn học hoặc (2) Trình bày vào 2 ngày cuối cùng của môn học sau khi đã nắm cơ bản nội dung môn học.

Thời lượng: Mỗi đề tài nên được giới hạn thời gian trình bày từ 10 – 15 phút và 10 phút thảo luận/tranh luận. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể mà giảng viên có thể điều tiết thời lượng này.

- **Về nội dung đề tài:**

Mới nhưng không phải là mới hoàn toàn (tức là phải có nguồn tài liệu để tham khảo) mà chỉ cần mới so với giáo trình và có nội dung gắn liền với cuộc sống và thực tiễn. Những nội dung liên quan đến môn học Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng cho sinh viên thực hiện như: Những hiện tượng văn hóa hiện nay..., Những biểu hiện tiến tiến và bản sắc trong bối cảnh hiện nay..., Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường..., Tìm hiểu về hệ thống chính trị nước ta hiện nay (phân cấp hành chính Nhà nước, bộ máy Nhà nước, cách tiến hành bầu Tổng Bí thư,...),...



❖ **Vai trò của giảng viên:**

- **Giai đoạn chuẩn bị:**

Đưa ra các chủ đề phù hợp nội dung của bài giảng/ môn học, có thể theo hướng khai thác sâu, mở rộng một số nội dung. Giúp sinh viên xác định nội dung seminar, đặc biệt là đề ra những câu hỏi cần giải đáp trong giờ seminar

Cung cấp tài liệu hoặc hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu: các sách tham khảo, các bài báo, tạp chí, bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học (in ấn hoặc online), các diễn đàn khoa học đáng tin cậy...

Góp ý và giải đáp vướng mắc của sinh viên trong khâu chuẩn bị: trao đổi trực tiếp hoặc qua email, giới hạn mỗi nhóm chỉ được tham vấn ý kiến của giảng viên tối đa 2 lần (nhằm khuyến khích sinh viên tự chủ trong việc chuẩn bị và có kế hoạch làm việc rõ ràng).

- **Giai đoạn trình bày:**

Lắng nghe, quan sát, ghi nhận và bổ sung hoặc hướng dẫn sửa chữa các chỗ thiếu sót của nhóm: về hình thức và nội dung.

+ Hình thức: khâu chuẩn bị, tinh thần và thái độ làm việc nhóm, kế hoạch làm việc nhóm. Hình thức trình bày bản in, bản chiếu. Tác phong, thái độ của các thành viên khi trình bày, thảo luận.

+ Nội dung: về nguồn tài liệu, các giả thuyết nghiên cứu, giải quyết các vấn đề, có hay không quan điểm của nhóm; có bám sát nội dung yêu cầu hay không.

Tổng kết vấn đề (tránh việc áp đặt quan điểm của giảng viên đến sinh viên), khuyến khích sinh viên đưa ra những quan điểm, những cách nhìn nhận mới mẻ, đa chiều. Từ đó, giảng viên phân tích những mặt được và chưa được của các lập luận do sinh viên đưa ra.

Nếu sinh viên chưa quen thì trong những lần đầu tiên, giáo viên có thể điều hành việc trao đổi thảo luận, tranh luận.

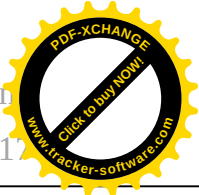
Góp phần khẳng định hay điều chỉnh những kết luận của seminar, đề ra phương hướng tiếp tục.

Theo dõi, nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của những sinh viên tham gia seminar, và các sinh viên khác.

❖ **Vai trò của sinh viên**

- **Giai đoạn chuẩn bị:**

Lựa chọn và đăng ký đề tài mà mình/ nhóm sẽ tham gia báo cáo;



Dự kiến thời gian, lên kế hoạch những việc cần chuẩn bị: đọc tài liệu, viết bài báo cáo, trình bày báo cáo;

Lên kế hoạch làm việc nhóm (thời gian, phương pháp...), phân công công việc cho từng thành viên:

- + Tìm tài liệu xoay quanh đề tài.
- + Tổng hợp tài liệu (theo định hướng)
- + Lên dàn ý, bố cục, mục lục, các ý chính
- + Từ dàn ý chính, xây dựng các nội dung chi tiết. Nhóm phân công mỗi sinh viên phụ trách tìm tài liệu chi tiết cho một nội dung rồi sau đó cùng nhau thảo luận lại.
- + Cùng nhau xem lại tổng thể nội dung, bố cục của bài báo cáo. Lưu ý giới hạn về số trang, về nguồn tài liệu tham khảo...
- + Kiểm tra lại lỗi chính tả, lỗi đánh máy, hình thức văn bản trước khi in (rèn luyện khả năng soạn thảo văn bản)
- + Chuẩn bị bài chiếu Powerpoint (lưu ý bài chiếu phải sinh động, nhiều hình ảnh minh họa, ít chữ, có thể chiếu video clip minh họa...)
- + Phân công người trình bày, tập trước vài lần cho thuần thục và tự tin.

Lưu ý:

sinh viên trong nhóm khác cũng phải đọc tài liệu mà nhóm báo cáo gửi trước và dành thời gian tìm hiểu thêm về các nội dung này để tham gia thảo luận, tranh luận.

Trước khi tiến hành seminar, các nhóm khác đều phải chuẩn bị **Bảng phản biện, góp ý** đối với từng nhóm seminar. Khi các nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác bổ sung nhận xét và cập nhật vào trong bảng này.

Kết Luận

- Phương pháp seminar là một trong những phương pháp dạy học hiện đại đang được nhiều Trường Đại học áp dụng trên thế giới và tại Việt Nam. Theo quan điểm cá nhân, tôi cho rằng phương pháp này rất phù hợp đối với việc giảng dạy – học tập các môn Lý luận Chính trị để phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Với phương châm lấy sinh viên làm trung tâm của hoạt động giảng dạy và học tập, bên cạnh việc sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống thì việc áp dụng linh hoạt phương pháp seminar kết hợp cùng với các phương pháp khác như phương pháp dạy học tình huống (case study), phương pháp học thực nghiệm (tham gia phiên tòa...) sẽ rất hiệu quả. Tùy vào tình hình cụ thể của lớp học (sĩ số, năng lực...) và nội dung môn học mà mỗi giảng



viên có thể “biến hóa” phương pháp này cho phù hợp và góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng học tập.

Về việc xây dựng câu hỏi, tổ chức thực hiện seminar, làm việc nhóm

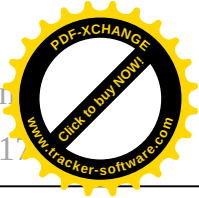
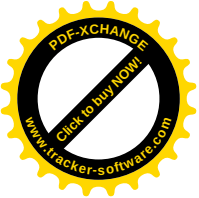
- Đối với seminar, có thể đặt những vấn đề mang tính mở rộng và thường không có sẵn trong giáo trình.
- Đối với nội dung làm việc nhóm: linh động và đa dạng, phong phú nội dung và hình thức, thời gian. Cả môn học nên có từ 2 – 3 nội dung làm việc nhóm khác nhau.
- Đa dạng cách thức trình bày, hạn chế thuyết trình theo kiểu truyền thống.
- Đối với chính quy: Có bảng báo cáo tóm tắt kết quả tự nghiên cứu này. Giảng viên sẽ đặt câu hỏi để đánh giá mức độ và cho điểm (thưởng hoặc ghép vào điểm cá nhân). Đặc biệt là yêu cầu sinh viên đọc và viết “nhận xét” về các bài báo/tạp chí/nghiên cứu...
- .
- Cần đánh giá toàn diện cả quá trình học tập trên lớp, tham gia làm việc nhóm, seminar. Theo đó, giảng viên công bố tỷ lệ điểm này trước lớp tại buổi học đầu tiên.
- Nếu làm việc nhóm: cần đánh giá kết quả của từng thành viên chứ không đánh đồng điểm của tất cả là bằng nhau.
- Mỗi buổi học, giảng viên có thể chuẩn bị một số câu hỏi để ôn tập lại bài cũ.
- Để học viên chủ động hơn, sẽ thiết kế giờ giảng theo kiểu học viên tham gia để giải đáp các câu hỏi/tình huống tham gia xây dựng bài học.

Trên đây là báo cáo một số kinh nghiệm cá nhân về việc áp dụng phương pháp seminar, làm việc nhóm trong việc giảng dạy của cá nhân, rất mong sự đóng góp ý kiến và trao đổi thêm của quý Thầy, Cô để tôi được biết thêm những kinh nghiệm quý báu của quý Thầy, Cô.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Khánh Bằng, (1998), “Tổ chức phương pháp tự học cho sinh viên đại học”. Trường ĐHSP Hà Nội, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Tấn Hưng, “Tích cực hóa học tập - một nguyên tắc quan trọng của quá trình dạy học ở đại học”, Dạy và học ngày nay, Tạp chí của Trung Ương hội khuyến học, Số 1 - 2011.
4. Nguyễn Mai Hương. “Hoạt động tự học của sinh viên trong phương thức đào tạo theo tín chỉ”. Tạp chí Giáo dục số 219/2009.
5. Nguyễn Kỳ (chủ biên), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội, 1995.
6. Ts. Huỳnh Văn Sơn, Ths. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, NXB Trẻ, 2011.
7. Ths Nguyễn Thị Oanh, *Làm việc theo nhóm*, NXB trẻ, 2007.
8. “Thực trạng seminar và giải pháp”, <http://text.123doc.org/>



VAI TRÒ CỦA GIÁNG VIÊN TRONG GIÁNG DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP TÍCH CỰC HỌC PHẦN I – MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Lê Thị Hồng Vân

Giảng viên môn Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

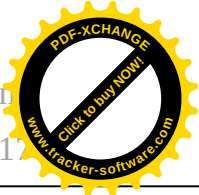
Đặt vấn đề

Giáo dục lý luận chính trị là yêu cầu đặt ra trong mục tiêu giáo dục toàn diện con người hiện nay ở nước ta. Con người phát triển toàn diện về đức, trí, văn thể mỹ nói chung, phát triển đức, trí nói riêng đều có sự tham gia của giáo dục lý luận chính trị, vì nó nâng cao nhận thức của con người về cuộc sống – xã hội, về vị thế của bản thân, của dân tộc, của xã hội mình trong khu vực và trên thế giới; đồng thời góp phần rèn luyện nhân cách của con người trong xu thế đổi mới hiện nay.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, của Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu “Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ; chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn”.

Ở Khoản 4, Điều 2 của Luật Giáo dục ban hành năm 2005 chỉ ra rằng: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; Bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”. Trước tình hình đó, đòi hỏi đội ngũ giáo viên phải không ngừng đổi mới, cải tiến phương pháp... để trong mỗi tiết giảng, sinh viên sẽ được hoạt động nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn và quan trọng là được suy nghĩ nhiều hơn trên con đường chủ động chiếm lĩnh tri thức.

Quán triệt chủ trương của Bộ giáo dục đào tạo cũng như thực tiễn việc dạy và học theo học chế tín chỉ các môn lý luận chính trị tại trường Cao Đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng. Tôi đã tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên trong việc học tập học phần I môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin của hệ Cao Đẳng Kỹ thuật tại trường.



1. Thực trạng dạy và học môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin hiện nay

Thứ nhất, về đội ngũ giảng viên

Trước hết, cần nhận thấy được đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định đến hiệu quả, chất lượng đào tạo các môn lý luận chính trị. Chính cách giảng dạy của thầy cô sẽ là nhân tố quyết định đến nguồn cảm hứng học tập của sinh viên, lôi cuốn người học tham gia tích cực vào việc chuẩn bị tốt nội dung thảo luận môn học.

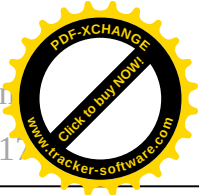
Có thể thấy rằng, hiện nay khi giảng dạy các môn lý luận chính trị, trong đó có môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, bên cạnh những giảng viên có sự đầu tư giảng dạy nghiêm túc, luôn chịu khó học tập, nghiên cứu, sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học để cho giờ học sinh động. Đa phần giảng viên vẫn sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống, “thầy đọc trò chép”, nặng về lý luận hàn lâm, độc thoại là chủ yếu, ít gắn với thực tiễn, dễ gây buồn ngủ cho sinh viên, nên nhiều khi đến giờ học giảng viên dễ trở thành “tiên sĩ gây mê” trên lớp học, thầy giảng mặc thầy còn trò ngủ thường xuyên trong giờ học.

Như vậy, có thể khẳng định: những hạn chế của đội ngũ giảng viên dạy các môn lý luận chính trị ở trường Lý Tự Trọng là trong quá trình giảng dạy, giảng viên chưa đặt ra yêu cầu cao đối với sinh viên, việc xây dựng, tổ chức, hướng dẫn phương pháp học tập cho sinh viên chưa được chú trọng, chưa khai thác hết khả năng tư duy, phản biện trong sinh viên. Điều đó làm cho sinh viên ít quan tâm đến môn lý luận chính trị và học theo kiểu đối phó và ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo các môn lý luận chính trị.

Thứ hai, về phía sinh viên

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường hiện nay là phương thức đào tạo tiên tiến, xác định lấy người học làm trung tâm trong việc phát huy tính tự học của mình. Bên cạnh kiến thức học trên lớp thì sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu tài liệu thêm ngoài giờ giảng, điều đó đòi hỏi sinh viên không thể thụ động tiếp cận kiến thức từ một phía, làm cho sinh viên phải luôn tự ý thức được việc chuẩn bị tài liệu trước và sau khi lên lớp cũng như quản lý quá trình tự học của mình.

Bước vào năm thứ nhất của hệ Cao Đẳng kỹ thuật, môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là một môn học “mới” và thường xuyên được gọi là một môn học “trừu tượng”, “không hiểu là bình thường” mà những sinh viên đã học rồi hay



nói vui với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình học, sinh viên cơ bản đã có nhận thức tốt về đặc điểm, yêu cầu của môn học, vị trí, vai trò của môn học cho dù đây không phải là môn chuyên ngành. Việc xây dựng kế hoạch thảo luận nhóm, tự học, tự nghiên cứu đã góp phần nâng cao hoạt động trí tuệ của sinh viên trong việc tìm hiểu tri thức mới. Đồng thời, sinh viên bước đầu cũng đã phát triển được tư duy độc lập, sáng tạo, vận dụng những vấn đề do thực tiễn đặt ra một cách khoa học.

Rất nhiều lớp sinh viên đã chủ động tìm hiểu được đặc điểm, yêu cầu của môn học, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình học tập. Qua đó các em đã tự giác lập thành nhóm và soạn những đề tài do giảng viên giao cho vào mỗi buổi học. Đa phần sinh viên đều đạt kết quả tốt trong kì thi kết thúc môn học ở học phần I.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì vẫn còn nhiều yếu tố cần quan tâm như:

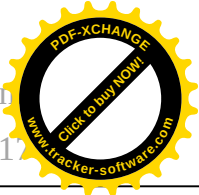
Bên cạnh một số sinh viên tích cực học, phần nhiều các sinh viên năm thứ nhất, chưa quen nhiều với hình thức tự học, đọc trước tài liệu, khó hiểu một số thuật ngữ của môn học đều có cảm giác môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin luôn là môn học khô khan, khó hiểu, không liên quan gì đến chuyên môn nghề nghiệp, hầu hết các em học chỉ để đối phó chứ không hứng thú với môn học, các em còn gặp khó khăn trong việc ghi chép, ghi nhớ, tái hiện kiến thức, nên kết quả học tập chưa cao. Học xong không biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Từ đó dẫn đến nhận thức không đúng về những học thuyết, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vấn đề đặt ra là cần làm gì để tạo hứng thú học tập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tại trường hiện nay?

2. Một số giải pháp để hoạt động dạy học theo phương pháp tích cực đạt hiệu quả cao

• Về phía giảng viên

Thứ nhất, giảng viên cần linh hoạt khi sử dụng các phương tiện dạy học trong giảng dạy

Người dạy cần có ngôn phong rõ ràng, trau chuốt, mạch lạc, có sức truyền cảm, lan toả, có sức thuyết phục, lôi cuốn sinh viên trong khi giảng và sau khi kết thúc bài giảng. Hành vi diễn đạt nhanh nhẹn, tháo vác, sáng tạo trong xử lý tình huống giảng dạy, truyền đạt thông tin và ứng dụng trong thực tế cuộc sống hàng ngày. Ngược lại, thái độ thiếu lịch thiệp, ngôn phong không rõ ràng, hành vi chậm chạp, rề rà sẽ ảnh



hưởng đến suy nghĩ, tâm tư nguyện vọng và đánh mất chỗ dựa, niềm tin của sinh viên đối với thầy cô giáo nói chung, đối với nắm bắt kiến thức môn học nói riêng.

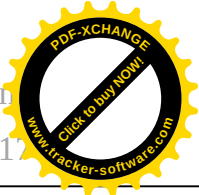
Bên cạnh đó, khi dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, giảng viên cần sử dụng tốt các phương tiện hiện đại sử dụng hình ảnh minh họa hoặc phim tài liệu để làm phong phú thêm cho nội dung bài giảng, thay đổi cách học và phương pháp học, thay đổi phương pháp dạy chay, học chay, giúp sinh viên tiếp cận được khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, cũng tùy thuộc vào nội dung từng bài giảng chúng ta sử dụng những phương pháp khác nhau một cách linh hoạt, không phải lúc nào việc sử dụng các phương tiện hiện đại cũng đem lại hiệu quả trong khi truyền đạt cho sinh viên.

Ngoài ra, khi dạy các môn này, giảng viên cần chú ý đưa thực tiễn vào bài học sao cho hợp lý, vừa sát với nội dung giảng dạy vừa đảm bảo về mặt thời gian do dung lượng kiến thức lý luận quá nhiều. Vì vậy, bài giảng của giảng viên phải bám sát giáo trình, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời bài giảng còn phải gắn với thực tiễn về tình hình chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới để bài giảng đạt hiệu quả tốt nhất. Điều đó đòi hỏi giảng viên phải luôn cập nhật thông tin một cách chính xác, đầy đủ và mang tính thời sự nhất để từ đó tổng kết, điều chỉnh và bổ sung cho lý luận.

Việc giảng dạy theo phương pháp tích cực còn thể hiện qua việc đánh giá đúng thực chất kết quả học tập của sinh viên, một mặt giúp giảng viên nắm bắt chính xác khả năng học tập của sinh viên, mặt khác giúp sinh viên kỹ năng tự học, chủ động sáng tạo. việc đánh giá sinh viên cần được diễn ra suốt cả quá trình học, không chỉ dựa vào nội dung trong sách, không chỉ qua nội dung thi kết thúc học kì mà còn thể hiện qua quá trình tham gia trên lớp học, thảo luận nhóm, việc liên hệ thực tiễn, tiến tới sử dụng kiến thức đã học vào công tác thực tế sau này.

Ngoài ra, giảng viên khi thuyết giảng còn cần thể hiện phong cách giản dị dễ gần gũi, dễ trao đổi với sinh viên nhưng không xoá nhoà ranh giới giữa thầy và trò, không bao giờ đánh mất vai trò của người thầy. Có như vậy sinh viên mới trao đổi với thầy những vấn đề chưa hiểu trong sách vở, trong cuộc sống. Ngược lại, người thầy khô cứng, nghiêm nghị quá, thậm chí tuyệt đối hoá người thầy theo kiểu “không thầy đố mày làm nên” chắc chắn tạo ra tâm lý khó gần đối với sinh viên trong quan hệ ứng xử, giao tiếp, học tập.

Thứ hai, kết hợp với giáo dục đạo đức, xây dựng niềm tin cho sinh viên



Sinh viên là lứa tuổi giàu ước mơ, lạc quan nhưng do thiếu kinh nghiệm nên dễ chịu tác động với những mặt trái tiêu cực của điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Thông qua mỗi bài giảng khi liên hệ thực tiễn giảng viên nên lồng ghép vào việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên để hướng sinh viên đến những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp hướng sinh viên đến môi trường sống lành mạnh trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Học tập những môn lý luận chính trị để đáp ứng những yêu cầu của con người Việt Nam trong giai đoạn mới; Vì vậy, quá trình học tập, nghiên cứu đồng thời cũng phải là quá trình giáo dục, tự giáo dục, tu dưỡng và rèn luyện để từng bước hoàn thiện mình trong đời sống cá nhân cũng như trong đời sống cộng đồng xã hội.

Một vấn đề thực tế xã hội hiện nay, có những điều giảng viên nói rất hay nhưng thực tế có khi không hoàn toàn như vậy, đó cũng chính là khó khăn, thách thức cho người giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Nhưng, không phải vì những trường hợp cá biệt đó mà giảng viên giảm sút tính “chiến đấu”, giảng viên dạy môn lý luận chính trị phải có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào con đường đi lên của đất nước, sự thành công tất yếu của sự nghiệp đổi mới đất nước, “đấu tranh” trước những tư tưởng sai lầm, lệch lạc, bản thân người dạy phải tin vào những điều mình truyền đạt mới có thể thuyết phục người học về những điều mình cần truyền đạt, không quá lý tưởng hóa lý luận, nhưng cũng không vì lý do nào đó mà bôi đen, xuyên tạc.

**Về phía sinh viên*

Thứ nhất, giảng viên hướng dẫn sinh viên tự đọc sách, tài liệu khoa học.

Để sinh viên tập trung cao độ trong học tập, chủ động giải quyết các vấn đề phù hợp với khả năng hiểu biết của mình, đề xuất các ý tưởng sáng tạo, yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên, phải có giáo trình khi thực hiện môn học. Nhưng không ít các vấn đề trong giáo trình vẫn còn viết chung chung, nếu như chỉ đọc không giáo trình thì rất khó hiểu vì thế trong mỗi giờ giảng giảng viên phải giải thích các thuật ngữ của môn học, cụ thể hóa những thuật ngữ mang tính hàn lâm để sinh viên dễ hiểu, dễ nhớ.

Bên cạnh việc đọc giáo trình, giảng viên phải hướng dẫn nhiều nguồn tài liệu khác nhau như những tạp chí, sách, báo, tài liệu trên mạng... liên quan đến môn học để sinh viên có thể nắm vững hơn nội dung học tập, để các em phải đọc sách và tài liệu, khi thảo luận giảng viên phải đặt những câu hỏi có liên hệ thực tiễn cuộc sống, có thể gọi bất cứ em nào trong lớp trả lời vấn đề mình đặt ra và có thể gọi nhiều lần, làm như vậy buộc các em đều phải chuẩn bị, phải chủ động trong giờ lên lớp. Khi yêu cầu sinh



viên trình bày, em nào trả lời tốt giảng viên nên cộng điểm khuyến khích, hoặc trong giờ thảo luận em nào đặt câu hỏi hay cho nhóm thảo luận giảng viên cũng nên cộng điểm cho sinh viên đó nhằm động viên tinh thần trong học tập, sinh viên sẽ tự giác đọc tài liệu nhiều hơn.

Thứ hai, sinh viên cần ghi chép lại một cách khoa học những nội dung đã đọc trong sách cũng như những nguồn tài liệu khác

Việc đọc và ghi chép tài liệu luôn đi liền với nhau, bổ sung cho nhau trong quá trình tự học, hiệu quả của việc đọc sách thể hiện ở kết quả ghi chép khi đọc. Có thể nói, ghi chép lại là cách sinh viên nhìn lại tư duy của bản thân, xem hiểu vấn đề đến đâu, tiếp thu những điều mới như thế nào từ sách. Lứa tuổi sinh viên là giai đoạn phải tự lập, và điều chỉnh bản thân mình, Vì vậy thói quen tự đọc sách, tài liệu khoa học không chỉ giúp sinh viên nắm được nội dung các môn chính trị mà còn hình thành kỹ năng giúp học tốt hơn những môn chuyên ngành sau này và khả năng tư duy tốt hơn.

Quá trình nhận thức trong học tập là nhằm lĩnh hội những tri thức của nhân loại. Trong học tập, sinh viên sẽ không hiểu, ghi nhớ những gì đã nắm được nếu thiếu hoạt động ghi chép, lưu trữ những tài liệu đã đọc được tìm được một cách logic, vì vậy, giảng viên phải là người định hướng cho sinh viên nên đọc những gì? đọc để làm gì? Đến một trình độ nhất định thì sự học tập tích cực sẽ mang tính nghiên cứu khoa học và chính sinh viên cũng sẽ tìm ra những tri thức mới cho khoa học. Từ đó, các em sẽ vận dụng một cách phù hợp những quan điểm lý luận cơ bản vào trong chuyên ngành và trong thực tiễn giải quyết những vấn đề cuộc sống đặt ra.

Thứ ba, có sự kết hợp giữa tự đọc sách, tài liệu và thảo luận nhóm trên lớp

- Trước hết, Giảng viên có thể sử dụng phương pháp phát vấn trực tiếp trong mỗi giờ học: để sử dụng phương pháp này giảng viên cần giới thiệu những tài liệu học tập bắt buộc sinh viên cần phải có khi bắt đầu chương trình giảng dạy và sinh viên phải đọc trước nội dung giảng viên sẽ giảng hôm đó. Trong tiết giảng giảng viên đưa ra một vấn đề cần giải quyết, quy định thời gian và cách làm việc. Như trong phần 1 chương I: Giảng viên đưa ra câu hỏi:

Vấn đề cơ bản của triết học là gì? Tại sao nó là vấn đề cơ bản của triết học?

Thế nào là chủ nghĩa duy vật; chủ nghĩa duy tâm? Nguồn gốc ra đời của chủ nghĩa duy tâm?



Hoặc là sau khi giảng xong phần vật chất, giảng viên đặt lại câu hỏi cho sinh viên là hãy phân biệt vật chất với vật thể? Có thể đưa thêm ví dụ để sinh viên phân biệt đâu là vật chất, đâu là vật thể.

Với cách đặt câu hỏi này giảng viên tạo ra thói quen đọc sách trước giờ lên lớp cho sinh viên. Sau mỗi câu trả lời đúng giảng viên phải có điểm cộng cho sinh viên để khuyến khích các em tích cực chuẩn bị bài trước khi học.

- Tiếp theo, Phương pháp chia nhóm làm việc:

Để lôi kéo, tạo hứng thú cho sinh viên khi học các môn này, chúng ta có thể tổ chức những hoạt động thảo luận nhóm, khuyến khích các nhóm tranh luận tìm ra phương án giải quyết tình huống theo hướng mới, tình huống xử lý đòi hỏi người học phải tư duy, liên kết nhóm để giải quyết, giảng viên phải tôn trọng các phương án do sinh viên đưa ra, không áp đặt phương án đúng duy nhất, đó là giải pháp để nâng cao kỹ năng cho người học và lôi cuốn người học tự giác đến lớp.

Thông báo với sinh viên về kế hoạch học tập, cách thức làm việc giữa thầy và trò trong 30 tiết lên lớp. Ngoài những phần giảng viên thuyết trình trong 15 tiết. Những phần còn lại giảng viên sẽ chia cho từng nhóm sinh viên thảo luận và hướng dẫn sinh viên đọc sách tài liệu ở nhà.

Căn cứ vào sĩ số lớp, giảng viên chia nhóm để thuyết trình. Sĩ số một lớp là khoảng 60 sinh viên, chúng ta có thể chia lớp thành 10 nhóm, một nhóm khoảng 6 sinh viên. Những phần gợi ý giảng viên có thể cho 10 nhóm sinh viên thảo luận như:

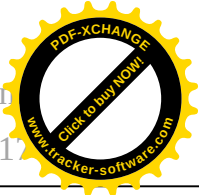
+ Trình bày quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức? Liên hệ bản thân trong hoạt động nhận thức và thực tiễn?

+ Anh (Chị) hãy phân tích ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. Vận dụng ý nghĩa nguyên lý này nhìn nhận cách giải quyết vấn đề chủ quyền biển đảo của Đảng và nhà nước ta?

+ Phân tích ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về sự phát triển. Liên hệ bản thân trong hoạt động nhận thức và thực tiễn?

+ Phân tích quan điểm của phép biện chứng duy vật về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Phân tích quan điểm của phép biện chứng duy vật về mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên. Tại sao trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải dựa vào cái tất nhiên?



+ Từ ý nghĩa phương pháp luận của quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập hãy tìm hiểu về cách giải quyết mâu thuẫn giữa Việt nam và Pháp trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

+Anh (Chị) phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

+ Anh (Chị) hãy phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất con người. Nêu một số giải pháp phát huy vai trò nhân tố con người ở Việt Nam hiện nay?

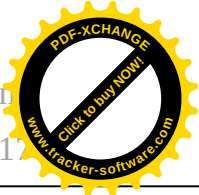
+ Phân tích vai trò của quần chúng nhân dân trong sự vận động và phát triển của lịch sử. Nêu một số giải pháp để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở nước ta hiện nay?

- Trong tiết thảo luận sẽ có hai nhóm trình bày và hai nhóm sẽ chịu trách nhiệm phản biện, góp ý, nhận xét. Giảng viên sẽ là người tổng hợp ý kiến và giải thích lại cho sinh viên những vấn đề chưa rõ trong buổi thảo luận.

- Các nhóm thảo luận đều nộp lại bài đã chuẩn bị cho giảng viên sau khi thảo luận xong. Giảng viên sẽ căn cứ vào sự chuẩn bị, cách trình bày để tính điểm cho các nhóm và cộng điểm cho nhóm phản biện cũng như những sinh viên tích cực tham gia đặt câu hỏi và tham gia giải quyết vấn đề cùng nhóm thảo luận. Ngoài ra, còn phải có sự đánh giá lẫn nhau từ chính các sinh viên để lời cuốn tất cả sinh viên lớp tham gia thảo luận. Tuy nhiên, phương pháp này cũng tốn nhiều thời gian và dễ sa đà vào nhiều vấn đề xã hội bên ngoài, giảng viên cần phải có kế hoạch chu đáo, điều chỉnh thời gian cho hợp lý, kể cả điều chỉnh thái độ của sinh viên trong khi tranh luận.

3. Kết luận

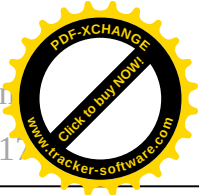
Ngày nay, dạy học không chỉ là truyền tải tri thức đến người học một cách đơn thuần như cách dạy truyền thống trước kia mà quan trọng hơn là trau dồi một phương pháp luận khoa học, khả năng tự nghiên cứu, tự làm việc sáng tạo cho người học. Nhưng thực tế đa số sinh viên còn thụ động, ghi nhớ kiến thức một cách máy móc theo kiểu học thuộc lòng, học vẹt, thuộc nhưng không nhớ được kiến thức trọng tâm, không nắm được những sự kiện nổi bật, không biết liên tưởng, liên kết các kiến thức liên quan với nhau. Vì vậy, để thay đổi “tư duy” của sinh viên trong cách suy nghĩ và cách học các môn lý luận chính trị, giảng viên phải luôn gắn môn học với thực tiễn sinh động đã và đang xảy ra mới làm cho sinh viên hứng thú, biết so sánh, đối chiếu, phê phán và



thừa nhận các hiện tượng của cuộc sống. Người dạy lý luận chính trị chưa làm được điều này là chưa thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2011), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tr.9 – 182.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, (NQ hội nghị 5, 2007, Khóa X) và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB CTQG Hà Nội, 2011.
3. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB CTQG Hà Nội, 2016. Tr.114 –115.
4. Nghị quyết số 29 – NQ/ TW ngày 4/1/2013 Hội nghị trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.
5. Hoàng Tụy, (2005), Người thầy trong nhà trường hiện đại, Nxb, Giáo dục.
6. Lưu Xuân Mới, (2000), Lý luận dạy học đại học, Nxb, Giáo dục.
7. TS. Nguyễn Thái Sơn: “ Vài suy nghĩ về việc gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy chính trị hiện nay”



MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

ThS. Hoàng Thị Trang

Giảng viên môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

TÓM TẮT: Kiểm tra đánh giá là bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học và là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự đổi mới quá trình dạy học. Với mong muốn nâng cao chất lượng dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, bài tham luận đi sâu tìm hiểu thực trạng kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần đổi mới kiểm tra đánh giá môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực người học.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học chỉ có thể đạt được hiệu quả cao khi có sự kết hợp của nhiều yếu tố. Trong đó sự kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới phương pháp dạy học với đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên giữ vai trò vô cùng quan trọng.

Thực tiễn đổi mới phương pháp dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học trong những năm qua cho thấy hiệu quả đạt được là không cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hệ quả đó là do nhận thức về đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa cập nhật với đổi mới phương pháp giảng dạy “thi thế nào thì học thế ấy”. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học cũng như chất lượng dạy và học môn học này tất yếu phải đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học. Bởi vì chỉ có đổi mới kiểm tra đánh giá môn học theo hướng tiếp cận năng lực người học mới định hướng và thúc đẩy năng lực người học, cải thiện và điều chỉnh đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy môn học, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức sinh viên học được trong nhà trường với những điều đang diễn ra trong cuộc sống thực, giữa hiện trạng của quá

trình đào tạo với chất lượng nguồn nhân lực mong muốn, hướng đến xây dựng hệ thống giáo dục tiến bộ và chất lượng theo yêu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm năng lực, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực

Khái niệm năng lực

Theo Weinert (2001): “Năng lực là các khả năng và kỹ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được...để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống”.

Còn theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế Thế giới OECD (2002) thì: “Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể”.

Chương trình Giáo dục Trung học bang Québec, Canada (2004) lại cho rằng: “Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống”.

Như vậy, có thể nhận thấy điểm chung của các cách phát biểu trên về khái niệm năng lực chính là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để giải quyết một tình huống có thực trong cuộc sống.

Đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực

Theo PGS.TS Nguyễn Công Khanh: Đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực là đánh giá tập trung thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh, đánh giá coi trọng quá trình, đánh giá nhằm vào năng lực thực hiện của người học và kết quả sẽ được kiểm tra bằng việc người học sẽ được thay đổi đến đâu, có khả năng vận dụng những điều đã học vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống thế nào.

❖ Những đặc trưng của kiểm tra đánh giá theo năng lực là:

- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ vào việc giải quyết tình huống thực tiễn;

- Đánh giá cả quá trình học tập của sinh viên, không đánh giá kiến thức tại một số thời điểm;

- Đánh giá trình độ tư duy thông qua việc thực hiện bài thi.

Phân biệt kiểm tra đánh giá truyền thống với kiểm tra đánh giá năng lực:

TT	Kiểm tra đánh giá truyền thống	Kiểm tra đánh giá năng lực
1.	- Sinh viên viết đáp án hoặc câu trả lời.	Sinh viên phải thực hiện một nhiệm vụ thực tế.
2.	- Mô phỏng.	- Tình huống diễn ra trong đời sống nghề nghiệp tương lai.
3.	- Trình độ tư duy ở mức độ thấp (Biết, Hiểu, Áp dụng).	- Trình độ tư duy ở mức độ cao (Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo).
4.	- Tái hiện kiến thức hoặc kỹ năng đã học.	- Vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết tình huống thực.

2.2. Thực trạng kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay ở trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh

Về ưu điểm:

- Phần lớn các giảng viên trong tổ bộ môn bước đầu đã có nhận thức đúng đắn về đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá, xem đổi mới kiểm tra đánh giá là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học.

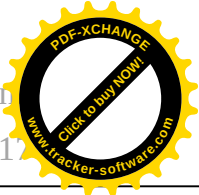
- Nhiều giảng viên đã xác định rõ sự cần thiết và có mong muốn thực hiện đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, vận dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá tích cực trong dạy học.

- Một số giảng viên đã bước đầu thay đổi nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá. Từ chỗ kiểm tra, đánh giá thiên về mức độ học thuộc, kiểm tra trí nhớ một cách đơn thuần về kiến thức chuyển sang kiểm tra đánh giá mức độ thông hiểu và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống. Từ chỗ sử dụng đơn điệu một vài hình thức kiểm tra giá sang sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá trong đó có những hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá mới.

- Đặc biệt, năm học 2015 – 2016 bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã biên soạn được ngân hàng đề thi tự luận bàn giao cho phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng và hiện nay đang chuẩn bị soạn ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan.

Về hạn chế:

- Kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn mang nặng tính truyền thống, chủ yếu tập trung chú trọng đến mục tiêu kiến thức để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, xếp loại sinh viên chứ chưa chú ý đến phát triển năng lực của người học.



Các câu hỏi kiểm tra hay đề thi chủ yếu là nhằm đánh giá việc nhớ, hiểu kiến thức mà ít chú ý đánh giá khả năng sinh viên vận dụng kiến thức đó vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn đời sống, ít chú ý đến việc đánh giá năng lực người học theo chuẩn mong đợi.

- Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn thiếu tính thực tiễn và sáng tạo, chưa đa dạng hóa các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, đặc biệt là các hình thức kiểm tra đánh giá mới, hiện đại. Phương pháp kiểm tra đánh giá chủ yếu vẫn là làm bài kiểm tra trên giấy, với hình thức chủ yếu là tự luận thông qua một số câu hỏi tự luận mà chính giảng viên cũng không rõ mình định đánh giá kỹ năng hay năng lực gì ở sinh viên. Năng lực mà sinh viên được kiểm tra đánh giá với phương pháp này chủ yếu là năng lực trình bày, diễn đạt, lập luận. Trong khi đó, các hình thức kiểm tra đánh giá khác như trắc nghiệm khách quan, kiểm tra viết kiểu nghị luận, vấn đáp... đánh giá thông qua sản phẩm, qua thuyết trình, trình bày, thông qua tương tác nhóm, thông qua các sản phẩm của nhóm..., đánh giá bằng các tình huống bài tập cá nhân, bài tập lớn theo nhóm, hình thức tiểu luận, ...thì giảng viên rất ít thực hiện.

- Kiểm tra đánh giá vẫn thể hiện trình độ tư duy ở mức thấp, mới ở các mức: Biết, Hiểu; chưa đánh giá được các mức độ cao hơn: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Vận dụng, đặc biệt là chưa gắn lý luận với thực tiễn, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, hình thành phương pháp luận và thế giới quan cho sinh viên ở từng ngành, từng lĩnh vực. Vì vậy, sinh viên chưa có “sức đề kháng” với những thay đổi của thực tiễn, chưa chủ động vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Sau mỗi bài kiểm tra, kỳ thi, giảng viên thường chỉ quan tâm đến điểm số của sinh viên để lên bảng điểm, xếp loại, đánh giá, thực hiện yêu cầu theo quy chế chứ không nghĩ đến việc cần phải phân tích đánh giá chất lượng các đề kiểm tra, thi để rút kinh nghiệm....

Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên có nhiều song tựu trung lại có một số nguyên nhân chính sau:

- Phần lớn cán bộ, giảng viên bộ môn vẫn chưa hiểu đúng triết lý của kiểm tra đánh giá. Đó là: Vì sao phải kiểm tra đánh giá? (Mục tiêu của kiểm tra đánh giá); Kiểm tra đánh giá cái gì? (Nội dung kiểm tra đánh giá); Kiểm tra đánh giá như thế nào? (Phương pháp, hình thức đánh giá).



- Giảng viên chưa được tham gia tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực. Vì vậy, nhận thức và năng lực của giảng viên về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực chưa được thống nhất, toàn diện. Thói quen cũ, cách làm cũ tồn tại trong mỗi giảng viên khó xóa bỏ, tạo nên sức ỳ của mỗi giảng viên như một bức tường thành che chắn sự đổi mới.

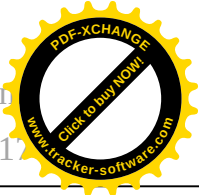
- Nhận thức về sự cần thiết đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và ý thức thực hiện đổi mới của giảng viên chưa cao. Năng lực vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn hạn chế.

- Việc kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học đòi hỏi giảng viên phải chú trọng đánh giá quá trình gắn liền với sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau. Vì vậy tốn rất nhiều thời gian cũng như công sức của giảng viên nên giảng viên rất ngại đổi mới cũng là điều dễ hiểu.

- Nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh quá dài, trước đây gồm 3 tín chỉ, nay rút gọn chỉ còn 2 tín chỉ. Với thời lượng chỉ có 30 tiết và chương trình môn học bao gồm nhiều nội dung, được cấu trúc trong 07 chương lại nặng về lý thuyết nên giảng viên chỉ còn đủ thời gian truyền thụ tri thức theo quy định (thậm chí không đủ thời gian để truyền thụ hết các nội dung), vì vậy cũng cản trở đến việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực người.

- Phần lớn sinh viên vẫn chưa thực sự hoà nhập vào đổi mới kiểm tra đánh giá. Đa số sinh viên đều không thích học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn các em cho là môn phụ, lại khô khan, trừu tượng. Vì vậy, các em chỉ học để đối phó, học để lấy điểm, học cho qua môn học. Điều này càng làm cho việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp và khó có thể thực hiện trong một sớm một chiều.

Đứng trước thực trạng trên, một vấn đề đặt ra cho giảng viên bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay là phải tìm ra những giải pháp có tính khả thi nhằm đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học, tạo hứng thú cho sinh viên khi học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này.



2.3. Một số giải pháp nhằm đổi mới kiểm tra đánh giá môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực người học

2.3.1. *Nâng cao nhận thức của các giảng viên bộ môn về đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học*

Để đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học, mỗi giảng viên phải nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học. Chỉ khi hiểu được tầm quan trọng của việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học là vấn đề sống còn, vì lợi ích của sinh viên, vì tương lai của nhà trường thì giảng viên mới nỗ lực để đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học.

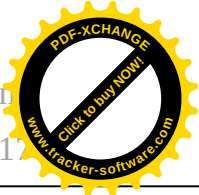
2.3.2. *Xác định đúng mục tiêu của kiểm tra đánh giá môn học theo hướng tiếp cận năng lực người học*

Kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay cần nhằm hướng đến 4 yếu tố: Phát triển toàn diện người học (thể hiện ở các mặt đức, trí, tình cảm và xã hội); cá biệt hóa giáo dục (chú trọng đến sự phân hóa sinh viên, đến việc phát triển năng lực của từng cá nhân); dân chủ hóa giáo dục (đảm bảo công khai, công bằng, dựa vào mục tiêu đặt ra từ đầu, tôn trọng sự tự đánh giá của sinh viên); thực dụng hóa giáo dục (hướng đến năng lực thực tiễn của sinh viên, đến việc vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống)

Để đạt được những mục tiêu trên, cần thiết kế đề cương môn học theo hướng tiếp cận năng lực trong đào tạo theo học chế tín chỉ trong đó mô tả các tiêu chí, phương pháp, hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng kết.

Khi thiết kế đề cương, giảng viên phải xác định chuẩn đầu ra của môn học, xây dựng ma trận mục tiêu môn học tương ứng với từng nội dung thuộc môn học theo 3 cấp độ để làm cơ sở cho việc đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực: Mục tiêu cấp độ 1: Nhận biết, tái hiện; Mục tiêu cấp độ 2: Hiểu, vận dụng; Mục tiêu cấp độ 3: Giải quyết vấn đề dựa trên sự phân tích, đánh giá, tổng hợp, khái quát hóa. Kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực tập trung vào đánh giá trình độ đạt được của sinh viên ở cấp độ 2 và cấp độ 3.

Bên cạnh đó, giảng viên phải cụ thể hóa một cách rõ ràng các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong đề cương môn học và các phương pháp, hình thức đánh giá. Phải mô tả nội dung đánh giá, tiêu chí đánh giá với từng hình thức đánh giá:



Đánh giá chuyên cần của sinh viên, đánh giá kết quả bài tập cá nhân, kết quả làm việc nhóm, đánh giá tiểu luận...

2.3.3. Đổi mới nội dung kiểm tra đánh giá môn học theo hướng tiếp cận năng lực người học

Nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học cần lấy tiêu chí “năng lực” làm trọng tâm. Điều này có nghĩa là nội dung kiểm tra đánh giá cần hướng đến việc đánh giá được kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên thông qua thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Vì vậy, phải lựa chọn nội dung kiểm tra đánh giá đảm bảo đánh giá được năng lực của người học thông qua bài kiểm tra, bài thi hay một nhiệm vụ cụ thể nào đó do giảng viên lựa chọn. Khi lựa chọn nội dung kiểm tra đánh giá cần phải đảm bảo tính toàn diện, trọng tâm và sát với yêu cầu của nghề nghiệp tương lai.

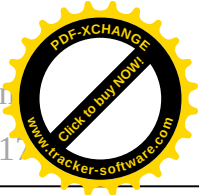
2.3.4. Đa dạng hóa tối đa các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học

Đa dạng hóa hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, coi trọng đánh giá quá trình và đánh giá sự tiến bộ của sinh viên, tăng cường đánh giá thường xuyên, đặc biệt là đánh giá sự chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau: kiểm tra đánh giá bằng vấn đáp, bằng kết quả bài tập, thực hiện nhiệm vụ của cá nhân sinh viên theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận, bằng kết quả thảo luận nhóm, bằng hình thức làm bài tập lớn, tiểu luận, các dự án học tập... Trong đó, coi trọng đánh giá cả quá trình, phối hợp hợp lý và đa dạng các phương pháp và hình thức đánh giá bao gồm đánh giá ngay trong quá trình học với các hoạt động trên lớp.

2.3.5. Đổi mới khâu ra đề kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học

Giảng viên cần phải thiết kế ma trận ngân hàng câu hỏi tương ứng với ma trận mục tiêu đã xây dựng, thực hiện đánh giá định kỳ, đánh giá tổng kết tập trung vào đánh giá mục tiêu bậc 2 và mục tiêu bậc 3.

Đối với đề kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần, cần kết hợp nhuần nhuyễn 2 hình thức: tự luận và trắc nghiệm khách quan. Khi kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm khách quan nhất thiết phải xây dựng ma trận theo quy trình, phải có nhiều mã đề trong một lần kiểm tra, mức độ khó và phạm vi nội dung kiểm tra giữa các mã đề phải tương đương, giám sát chặt chẽ việc sinh viên làm bài, hạn chế đến mức tối đa việc sinh viên quay cốp, trao đổi bài bằng nhiều hình thức tinh vi mà ngay cả giảng



viên có kinh nghiệm cũng khó phát hiện. Đối với đề tự luận, giảng viên nên ra nhiều câu hỏi hơn với nhiều cấp độ tư duy khác nhau, ra nhiều đề (2-3 đề) với nội dung và những câu hỏi có cấp độ tương đương và ra theo hướng đề mở.

2.3.6. Phát huy vai trò tự đánh giá của sinh viên, chuyển từ đánh một chiều, sang đánh giá đa chiều.

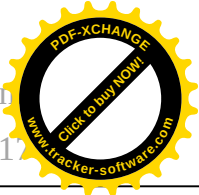
Bên cạnh việc kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với sinh viên thì giảng viên phải hướng dẫn cho sinh viên biết đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá kiến thức của mình, đánh giá giảng viên. Như vậy, thay vào việc xưa nay giảng viên độc quyền kiểm tra đánh giá sinh viên thì nay sinh viên có quyền tham gia vào quá trình đánh giá bạn mình, đánh giá chính mình và đánh giá chính giảng viên giảng dạy. Bằng phương pháp này giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện quyền dân chủ, quyền tham gia đóng góp xây dựng của mình.

2.3.7. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong đánh giá.

Ngày nay, công nghệ thông tin được ứng dụng nhiều trong công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhờ những lợi thế của nó về lưu trữ, thống kê, tính toán, sắp xếp, lọc dữ liệu... Nhờ công nghệ thông tin mà sinh viên có thể tự đánh giá kiến thức của mình bằng các phần mềm trắc nghiệm để từ đó tự bổ sung, hoàn thiện kiến thức. Nhờ công nghệ thông tin mà giảng viên, nhà trường đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác, khách quan hơn khi tổ chức thi, kiểm tra bằng máy tính. Vì vậy, để đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực người học cần tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá.

2.3.8. Phân tích đánh giá chất lượng đề kiểm tra, đề thi tra sau mỗi bài kiểm tra, kỳ thi.

Sau mỗi bài kiểm tra, bài thi, giảng viên cần tiến hành phân tích, đánh giá kết quả đạt được ở sinh viên để đánh giá chất lượng các đề kiểm tra, đề thi nhằm rút kinh nghiệm cho việc ra đề ở những lần sau. Mặt khác xem xét, giúp phát hiện những thiếu hụt gì ở sinh viên để điều chỉnh hoạt động dạy và học.



2.4. Một số kinh nghiệm trong vận dụng kiểm tra đánh giá môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực người học

Thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi đã thực hiện việc kiểm tra đánh giá hướng vào kiểm tra đánh giá quá trình nhằm cung cấp những thông tin phản hồi giúp sinh viên biết mình tiến bộ đến đâu, những mảng kiến thức, kỹ năng nào có sự tiến bộ, mảng kiến thức, kỹ năng nào còn yếu để cả giảng viên và sinh viên cùng điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Thứ nhất: Xây dựng hệ thống tiêu chí và thang điểm kiểm đánh giá điểm quá trình (20%) nhằm phản ánh khách quan kết quả học tập và thái độ học tập của sinh viên đối với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Điểm chuyên cần + thái độ, ý thức tham gia các hoạt động tại lớp

Điểm kiểm tra cá nhân thường xuyên (thường kiểm tra sau khi kết thúc chương):
4 bài kiểm tra, trong đó 2 bài kiểm tra tự luận, 2 bài kiểm tra trắc nghiệm.

Điểm làm bài tập lớn theo nhóm: 01 con điểm

Điểm Xêmina, thuyết trình theo nhóm: 01 con điểm

Điểm kiểm tra quá trình sẽ là trung bình cộng của các con điểm trên.

Các tiêu chí đánh giá này tôi công bố ngay buổi đầu tiên của môn học để sinh viên được biết và thực hiện.

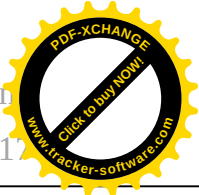
Thứ hai: Xây dựng hệ thống các câu hỏi ngắn, các câu hỏi thảo luận, các bài tập vận dụng, các chủ đề phục vụ cho hoạt động Xêmina, các câu hỏi trắc nghiệm.... theo từng chương nhằm đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá từ đó phát huy tinh thần tự học và cuốn hút sinh viên tham gia vào bài học theo hướng tiếp cận năng lực.

Thứ ba: Xây dựng hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân.

- Đối với hoạt động nhóm:

Ngay buổi học đầu tiên của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi đã tiến hành phân chia nhóm. Tùy vào sĩ số lớp học, mỗi lớp sẽ có số lượng nhóm khác nhau và các nhóm này sẽ duy trì giữ ổn định trong suốt quá trình học môn học. Mỗi nhóm sẽ bầu ra nhóm trưởng và thư ký của nhóm.

Nhiệm vụ của các nhóm: Thảo luận nhóm, xêmina (trong buổi học đầu tiên, tôi giao luôn chủ đề Xêmina để các nhóm có kế hoạch làm bài thuyết trình), làm bài tập lớn, tiểu luận... Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác trao đổi với giảng viên, mỗi



nhóm lập một địa chỉ email để tiện trao đổi thông tin giữa giảng viên và thành viên các nhóm.

- Đối với hoạt động cá nhân:

Tôi tiến hành kiểm tra đánh giá bằng: Các bài kiểm tra cá nhân thường kỳ, đột xuất không báo trước (dạng tự luận kết hợp với câu hỏi trắc nghiệm), thường là sau khi kết thúc một chương học với thời gian khoảng từ 15 đến 20 phút; bài tập về nhà; số lần tham gia phát biểu ý kiến tại lớp để tích lũy điểm (điểm thưởng).

Đối với đề thi giữa học phần: Tôi kết hợp cả hai hình thức: Trắc nghiệm khách quan và tự luận. Đối với hình thức trắc nghiệm khách quan, tôi sử dụng câu hỏi dạng trắc nghiệm nâng cao. Đối với câu hỏi tự luận, tôi ra đề theo dạng đề mở, có gắn lý luận và thực tiễn.

Sau một thời gian vận dụng đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học, kết quả đạt được là đã hạn chế một phần tình trạng sinh viên nghỉ học vô lý do, ý thức học tập, khả năng tự học, tự nghiên cứu có sự chuyển biến, số lượng sinh viên tham gia phát biểu ý kiến để tích lũy điểm chuyên cần nhiều hơn....

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn xuất hiện một số khó khăn như: số lượng sinh viên một số lớp còn đông nên khó khăn trong việc quản lý hoạt động cụ thể của từng nhóm; khá nhiều sinh viên còn rất thờ ơ, kém nhiệt tình, thụ động trong quá trình học tập do điểm kiểm tra đánh giá quá trình chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (20%); điều kiện cơ sở vật chất như máy chiếu, âm thanh, bàn ghế,... chưa thực sự phù hợp cho hoạt động nhóm tại lớp; công tác tổng hợp, tổng kết, đánh giá điểm quá trình mất quá nhiều thời gian và công sức của giảng viên.....

Trên đây là một số kinh nghiệm của tôi về việc vận dụng kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Quá trình thay đổi phương pháp kiểm tra đánh giá là một quá trình lâu dài và phức tạp, nhưng đây là sự thay đổi cần thiết. Những kết quả bước đầu trong quá trình thực hiện đã thể hiện những dấu hiệu tích cực. Và một điều có thể nhận thấy rất dễ dàng, những chuyển biến này chỉ có thể xuất hiện trước hết là từ sự chủ động và tích cực của mỗi giảng viên.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề rất quan trọng và cần thiết nhằm nâng cao năng lực của sinh viên trong học tập, góp phần xây dựng niềm tin, đạo đức cách mạng



cho sinh viên, góp phần định hướng kỹ năng sống, tư tưởng sống đúng đắn và hành vi đúng đắn trong quá trình học tập và rèn luyện, đáp ứng nhu cầu xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học đòi hỏi mỗi giảng viên phải nhận thức được sâu sắc vai trò và trách nhiệm của mình, đòi hỏi sinh viên phải thay đổi vai trò, cách học cho phù hợp. Nó cũng đặt ra cho nhà trường những yêu cầu mới trong việc trang bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy học, đánh giá xếp loại sinh viên, giảng viên,... Đây là nghĩa vụ, trách nhiệm và cũng chính là lương tâm của mỗi chúng ta trước những thử thách to lớn trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển.

3.2. Khuyến nghị



Đối với giảng viên:

- Bản thân mỗi giảng viên cần tích cực tham gia bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực người học thông qua con đường tự học, tự nghiên cứu, dành nhiều thời gian công sức và tâm huyết cho đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập, đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới quá trình đào tạo hiện nay.



Đối với trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh

- Để đảm bảo chất lượng kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực, nhà trường cần phải thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên nói chung, giảng viên bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng về các phương pháp, kỹ thuật, hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học nhằm đảm bảo mọi cán bộ quản lý, giảng viên đều nắm được mục đích, nội dung, phương pháp tiến hành kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học.

- Phải nỗ lực bằng những chính sách, chế tài... để thúc đẩy giảng viên đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học, phải giúp giảng viên hiểu được triết lý về đánh giá: đánh giá phải vì sự tiến bộ của sinh viên; đánh giá là quá trình học tập; và đánh giá về kết quả học tập, giáo dục nhằm từng bước thay đổi nhận thức thói quen của giảng viên, hướng dẫn họ cách thức ra đề thi, kiểm tra theo kiểu mở, theo cách tiếp cận năng lực, tránh tập trung vào một số kiểu nhất định nhằm đáp ứng các kỳ thi.



- Cho phép bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được thay đổi công thức đánh giá như sau:

+ Điểm quá trình: Tăng tỷ lệ từ 20% lên 50%. Điểm quá trình sẽ được đánh giá bằng các con điểm: Điểm chuyên cần và ý thức học tập; Điểm kiểm tra thường xuyên (sau khi kết thúc các chương): 4 bài; Điểm bài tập lớn cá nhân; Điểm thuyết trình, sêmina theo nhóm; điểm tiểu luận.

Điểm quá trình sẽ là trung bình cộng của các con điểm trên.

+ Điểm thi Giữa học phần: Giảm từ 30% xuống còn 20%

+ Điểm thi Kết thúc học phần: Giảm từ 50% xuống còn 30%

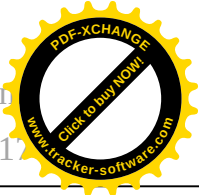
Đối với thi kết thúc học phần, chuyển từ hình thức thi tự luận sang hình thức thi trực tuyến online bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan nhằm khắc phục cách học thụ động của người học, giảm tải áp lực chấm thi cho giảng viên.



Đối với bộ Giáo dục và Đào tạo

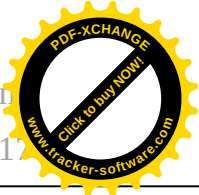
- Cơ cấu lại nội dung, kiến thức môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng giảm nội dung hàn lâm thật sự tinh gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu, thật sự bổ ích, gắn với thực tiễn cuộc sống, với chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Mặt khác, thiết kế lồng ghép các nội dung chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong mỗi chủ đề nhằm đảm bảo sinh viên sau khi ra trường biết vận dụng tri thức đã học vào cuộc sống, tạo điều kiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất toàn diện và năng lực người học.

- Thường xuyên tổ chức các hội thảo tập huấn, hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, trong đó có đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học để các giảng viên bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có điều kiện tập huấn theo định kỳ vào dịp hè hàng năm.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thu Hà (2014), *Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực: Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục, Tập 30, Số 2, tr.56-64.
- [3]. Nguyễn Thanh Sơn (2015), *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra*, Bản tin khoa học và giáo dục, tr.4 – 7.
- [4]. Trường Đại học Nha Trang (2006), *Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá*.



VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỐI THOẠI, TRAO ĐỔI TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG

ThS. Phan Thị Thùy Trang

Giảng viên môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

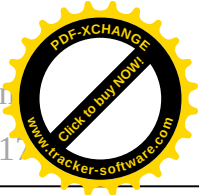
Lời mở đầu

Đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị là việc làm thường xuyên không chỉ của các giảng viên nói riêng mà đó cũng chính là một trong những đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nói chung. Nhu cầu hiện nay không đơn giản là dạy học, dạy nghề như trước đây nữa, mà đòi hỏi phải kết hợp song song với dạy làm người, dạy cho người học hoàn thiện hơn về năng lực và phẩm chất để đáp ứng được nhu cầu khát khe của thị trường ngày nay.

Thời gian qua, giảng dạy các môn lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn của đội ngũ giảng viên nhà trường đang được thực hiện theo thực tiễn mới của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, quán triệt đường lối đổi mới công tác tư tưởng, lý luận của Đảng và chủ trương cải cách công tác giảng dạy, học tập bậc đại học nói chung nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Song vẫn còn những hạn chế trong giảng dạy các môn luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, như: tình trạng độc thoại còn phổ biến, thiếu tính thực tiễn..., làm cho sức hấp dẫn các môn học này đối với sinh viên không cao. Muốn khắc phục những tồn tại đó cần phải tìm ra cách thức, phương pháp để giảng dạy hiệu quả hơn. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn tại trường là hết sức cần thiết, nó phù hợp với xu thế chung giảng dạy lý luận hiện nay và đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên nhà trường.

Lý luận chính trị là bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại giới hạn trong lĩnh vực chính trị, phản ánh mối quan hệ của các giai cấp trong việc giành và giữ chính quyền. Nói cách khác, lý luận chính trị là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị thể hiện thái độ và lợi ích giai cấp đối với quyền lực nhà nước trong xã hội có giai cấp, là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn chính trị của nhiều người, qua nhiều thế hệ.

Lý luận chính trị được hiểu là hệ thống lý luận gắn liền với cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong việc giành, giữ và xây dựng chính quyền. Lý luận chính trị phản ánh



tính quy luật của các quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội, thể hiện lợi ích và thái độ của giai cấp đối với quyền lực nhà nước.

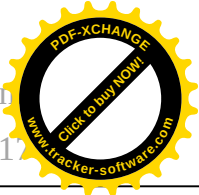
1. Khái niệm phương pháp đối thoại

Đối thoại đã trở thành một danh từ thời thượng, một nếp nghĩ, một cách thể sống và một lối giải quyết vấn đề. Là một đường lối ứng xử và cách thức giải quyết các xung đột bằng sức mạnh của trí tuệ, kiến thức, khả năng thuyết phục của lẽ phải, không dựa trên sức mạnh của vũ lực hay thể lực.

Hai từ đối thoại rất phong phú và được hiểu nhiều cách khác nhau. Trước hết, ở bình diện thuần túy nhân bản, đối thoại có nghĩa là chia sẻ, trao đổi, truyền thông cho nhau các thông tin, quan điểm, kinh nghiệm, cảm nghiệm và chọn lựa nhằm đạt tới một mục đích nào đó. Trên bình diện cao hơn, đối thoại dẫn đến sự hiệp thông liên nhân vị, với tất cả sự cởi mở, trân trọng và phong phú hóa cho nhau. Hình thức đối thoại này dẫn đến sự gặp gỡ tình bạn.

Đối thoại - lắng nghe là một hình thức phổ biến trong mọi hoạt động sống và làm việc trong xã hội hiện nay. Các hình thức đối thoại được áp dụng và sử dụng để giải quyết các vấn đề xã hội có thể là giữa cá nhân- cá nhân, cá nhân - tập thể, tập thể - tập thể, quốc gia - quốc gia,... nhằm tìm ra một tiếng nói chung, giải quyết các công việc nhằm thỏa mãn được mọi nhu cầu của các bên tham gia. Đối thoại là cách thức tốt nhất mà cả thế giới đang áp dụng để giải quyết các vấn đề chung toàn cầu, khu vực, quốc gia hiện nay như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, các vấn đề về an ninh, hòa bình, hợp tác về kinh tế - chính trị - xã hội... Trong thực tiễn, chúng ta có thể thấy một số hình thức đối thoại như đối thoại giữa lãnh đạo cơ quan với tập thể nhân viên, đối thoại trong các kỳ họp Quốc hội, đối thoại khi đi tiếp xúc cử tri, đối thoại qua báo, qua truyền hình, đối thoại giữa các quốc gia và đối thoại trên các diễn đàn quốc tế. Đàm phán trong các hoạt động kinh tế, ký kết hợp đồng thực chất cũng là một hình thức đối thoại.

Trong dạy học, đối thoại là cách tốt nhất để giáo viên thu nhận thông tin ngược về những vấn đề có nhiều người học quan tâm, mảng kiến thức người học còn thiếu, còn yếu,.. Từ đó có những cơ sở đề vạch ra chiến lược, điều chỉnh phương pháp, giải pháp cho phù hợp với sự phát triển tư duy, kiến thức và nhu cầu của người học. Bởi đối thoại là hình thức có thể nghe ý kiến, vấn đề người khác đặt ra, đồng thời cũng thể hiện được những hiểu biết, quan điểm, ý kiến của cá nhân người học về một vấn đề nào đó. Quan



trọng hơn, qua đối thoại người dạy biết được “mức” độ kiến thức mà người học đã đạt được.

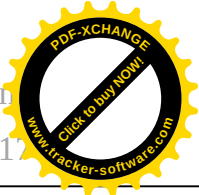
Thực chất nền giáo dục nước ta cũng đã sử dụng phương pháp này từ rất sớm. Trong trường học, phương pháp đàm thoại vấn đáp, đàm thoại gợi mở được giáo viên sử dụng trong các bài học thực chất cũng là một hình thức đối thoại nhưng ở mức độ thấp, chỉ là đối thoại một chiều - thầy hỏi trò trả lời, chứ ít khi có chiều ngược lại, trò nêu thắc mắc, câu hỏi, vấn đề để được giải đáp, tranh luận... Trên cơ sở nền tảng đã hình thành từ lâu, chúng ta có thể tiến hành đổi mới và cải tiến thành các phương pháp trên, chuyển lên một phương pháp đối thoại với mức độ cao hơn. Để tiến hành thử nghiệm và áp dụng phương pháp dạy học đối thoại vào các cấp học khác nhau, chúng ta cần nắm được một số đặc điểm cơ bản của phương pháp đối thoại trong dạy học.

2. Vai trò của phương pháp đối thoại

Thứ nhất, đối thoại chỉ xảy ra khi hai bên cùng quan tâm đến một vấn đề, nội dung, cùng muốn giải quyết trên cơ sở lợi ích và mục đích chung (trong dạy học là tìm đến tri thức chân lý). Người học tham gia đối thoại để lĩnh hội những tri thức còn chưa hiểu, chưa nắm bắt được bản chất khi đọc tài liệu. Người Thầy sẽ thực hiện được việc chuyển tải nội dung kiến thức của bài học một cách hiệu quả nhất, tránh tình trạng thầy đọc, trò chép, hay dạy theo kiểu thuyết trình, dạy những cái mà người học đã biết, đã đọc trên các phương tiện thông tin trong giáo trình khác. Sau đối thoại ít nhiều thỏa mãn được những thắc mắc hoặc nhu cầu mỗi bên, hoặc tạo ra những cơ sở cho các bước đối thoại tiếp theo.

Thứ hai, đối thoại thể hiện sự bình đẳng, mang tính dân chủ. Vì vậy, các đối tượng tham gia đối thoại phải được bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Có như vậy mới tạo ra một không khí cởi mở, thẳng thắn và đối thoại mới đi đến cùng những vấn đề cần giải quyết, trong đối thoại có sự bất đồng ý kiến, quan điểm nhưng không tạo ra một tâm lý bất bình đẳng, tự ti.. Đối với dạy học, đối thoại giúp cho người học có được sự tự tin trước các vấn đề quan tâm, trước bạn bè, trước giáo viên. Đây là một điểm yếu của học sinh viên nước ta khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

Đối thoại là bình đẳng. Tuy nhiên trong dạy học sự bình đẳng chỉ là tương đối. Quyền lực của người thầy vẫn còn rất lớn trong khi đó người học vẫn còn tự ti, nhiều lúc còn sợ quyền lực của người thầy. Điều này đã tác động đến tâm lý người học là ngại đặt câu hỏi, nêu thắc mắc, thậm chí là “chất vấn” với giáo viên. Do đó, buổi đối thoại thường trầm, ít sôi nổi, một chiều. Trong trường hợp này, giáo viên cần tạo ra



một tâm lý thoải mái, cởi mở, bình đẳng trong đối thoại, xem học sinh là đối tác thực thụ. Thầy – trò cùng hướng đến những tri thức chân lý, lấy chân lý là trọng tài và mục đích của đối thoại. Giáo viên cần chuẩn bị các chủ đề, giao nhiệm vụ cho từng cá nhân thực hiện, những vấn đề không thể giải quyết hoặc còn có nhiều cách hiểu khác nhau có thể nêu lên với giáo viên.

Thứ ba, các bên đối thoại có thể đặt vấn đề ở mọi góc độ, mức độ, khía cạnh nhưng không thoát ra khỏi chủ đề được đặt ra (nội dung bài học) của buổi đối thoại (thực chất là một tiết học). Như vậy, vấn đề dạy học được người học nhận thức một cách đa chiều, có những ý kiến đúng – sai, ý kiến khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau. Thông qua đối thoại, học sinh có thể học tập lẫn nhau về tri thức, kỹ năng, cách đặt - lập luận - diễn đạt - giải quyết vấn đề, thậm chí là học cả những cái sai của người khác.

Thứ tư, các bên tham gia đối thoại có thể khác nhau về lợi ích nhưng phải thỏa mãn được nhu cầu của hai bên (trong dạy học mục đích của thầy là truyền thụ tri thức, của trò là chiếm lĩnh tri thức. Điều đặc biệt là trò có thể tự đánh giá năng lực của mình khi so sánh với các bạn khác và với những kiến thức đã tìm ra; giáo viên có thể đánh giá được năng lực, khả năng của người học từ đó làm cơ sở để điều chỉnh phương pháp dạy học cho thật sự phù hợp.

Tóm lại, thông qua phương pháp đối thoại, người học dễ dàng tiếp thu được kiến thức ở nhiều nguồn khác nhau, không chỉ ở giảng viên mà còn ở các bạn cùng lớp. Sinh viên trở nên tự tin hơn trong các cuộc đối thoại, mạnh dạn trong việc bày tỏ quan điểm cũng như thể hiện vấn đề của mình. Thông qua các buổi đối thoại, trao đổi, sinh viên sẽ phát huy được tính chủ động, sáng tạo, phát triển được tư duy. Tiết học sẽ bớt khô khan, nhàm chán, giảng viên cũng có động lực và tinh thần thoải mái hơn khi lên lớp.

3. Yêu cầu của phương pháp đối thoại

- **Về phía người dạy:** Cần tạo điều kiện cho người học có cơ hội để nói ra những suy nghĩ của mình, phát hiện và giải quyết vấn đề. Bài giảng được thực hiện theo định hướng của giảng viên nhưng tránh tình trạng truyền đạt một chiều. Giảng viên không truyền đạt những kiến thức có sẵn trong giáo trình mà để cho người học tự khám phá, tìm ra những tri thức mới. Cụ thể, giảng viên chủ động đặt vấn đề, phỏng vấn nhanh, chia sẻ vấn đề và xử lý tình huống.



Người dạy phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có niềm tin vào lý tưởng, vào nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tin vào sự lãnh đạo của Đảng cộng Sản Nhà nước ta.

Người dạy cần thường xuyên cập nhật kiến thức bên ngoài, vì đặc trưng của môn là lý luận và thường mang tính khô khan. Chính vì vậy, để thu hút và tạo hứng thú cho người học thì bản thân người dạy phải là người có kiến thức thực tế phong phú, đa dạng.

- **Về phía người học:** Người học phải tích cực, chủ động cùng người dạy giải quyết vấn đề tìm ra chân lý. Ngoài ra, người học cũng phải có sự chuẩn bị tốt bài học, tìm tòi những thuật ngữ, những vấn đề mà giảng viên đã giao trước đó như vậy, khi tham gia vào cuộc đối thoại, sinh viên sẽ trở nên tự tin hơn

4. Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp đối thoại

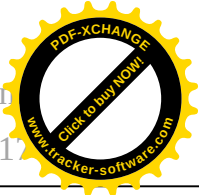
Thứ nhất, vào đầu năm học hoặc khi bắt đầu một học phần giáo viên cung cấp cho người học danh mục các tài liệu liên quan đến học phần đó. Yêu cầu người học đọc, tìm hiểu và ghi lại những vấn đề chưa rõ, còn boăn khoăn, thắc mắc, sau đó tập hợp lại để đặt vấn đề với giáo viên vào một thời gian thích hợp, có thể giữa và cuối học phần đó hoặc giữa và cuối học kỳ.

Giảng viên nên giải thích các thuật ngữ, đặc biệt là những thuật ngữ mang tính hàn lâm cao. Vì đa số những sinh viên khi học môn này đều là những sinh viên năm nhất hoặc năm hai, vì thế mà trình độ lý luận của các em còn hạn chế. Giảng viên cần giải thích sao cho dễ gần, dễ hiểu và ngắn gọn xúc tích cho sinh viên dễ dàng tiếp cận.

Thứ hai, trong quá trình dạy học, trong mỗi chương, phần, bài tùy nội dung giáo viên thiết kế thành các chủ đề, vấn đề. Những vấn đề được xác định từ dễ đến khó. Người học tự giải quyết theo cá nhân vấn đề dễ, giải quyết theo nhóm vấn đề khó, phức tạp theo hình thức thảo luận, nghiên cứu. Sau đó tập hợp những vấn đề chưa thống nhất, chưa rõ để đặt vấn đề và trao đổi, thảo luận lại với giáo viên.

Giáo viên sẽ tiến hành phân chia nhóm, mỗi nhóm có thể từ 4 – 6 người tùy theo sĩ số của lớp, sau đó mỗi nhóm sẽ lên trình bày nội dung của mình, những nhóm còn lại sẽ đóng vai trò phản biện. Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, gợi mở các câu hỏi cũng như xử lý các tình huống.

Thứ ba, cuối mỗi học phần, chương bài, giáo viên cần dành một thời lượng nhất định để đối thoại với người học tất cả các vấn đề liên quan mà người học chưa rõ, còn tranh luận, nhiều ý kiến khác nhau. Như vậy, không nhất thiết giáo viên phải lên lớp



theo lịch trình giảng dạy như hiện nay mà giáo viên chỉ lên lớp một số tiết và một số nội dung nhất định, thời gian còn lại người học tự nghiên cứu, thu thập tài liệu, làm việc theo nhóm.

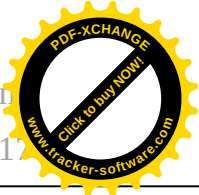
Để đối thoại có hiệu quả không phải mọi nội dung, mọi tiết học đều có thể tổ chức đối thoại được. Vấn đề đưa ra đối thoại phải phù hợp, nhiều người quan tâm, thắc mắc, có nhiều ý kiến khác nhau. Dạy học hiện nay là dạy học định hướng. Giáo viên không thể truyền thụ hết những vấn đề liên quan đến bài học và sẽ là sai lầm nếu giáo viên cứ cố gắng trình bày những gì mình biết và nghĩ rằng đó là những gì người học cần mà không quan tâm đến vấn đề đó người học biết đến đâu, còn thiếu hay có thắc mắc hay không.

Kết luận

Những vấn đề đặt ra trong tham luận này là kết quả của một quá trình tìm tòi, trải nghiệm trong một số học phần và một số tiết học trong những năm vừa qua. Những tiết học có sử dụng phương pháp này đều tạo ra những hiệu ứng nhất định đối với cả người dạy và người học. Phần lớn người học năng động, sôi nổi, chuẩn bị kỹ các vấn đề từ trước, có những vấn đề đối thoại, tranh luận vượt ra ngoài không gian lớp học và một tiết học. Tuy nhiên, cũng có nhiều thành viên thụ động, thiếu tự tin, không có vấn đề và không có đối thoại, đến lớp chỉ để lắng nghe. Những kết quả chưa lớn, chưa được khẳng định, phổ biến nhưng chắc chắn là những thông tin tham khảo hữu ích đối với những người đang trăn trở, tâm huyết với công cuộc đổi phương pháp dạy học.

Có thể khẳng định, mục tiêu của mọi nền giáo dục trên thế giới đều giống nhau nhưng nội dung, đặc biệt là hình thức và phương pháp tiến hành để đạt mục tiêu đó là có sự khác nhau. Nước ta đang trong quá trình hội nhập, mục tiêu đào tạo của ngành giáo dục không chỉ chịu trách nhiệm quá trình đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực có kiến thức lý thuyết sâu rộng mà còn phải chịu trách nhiệm về sản phẩm đào tạo của mình với xã hội, nguồn nhân lực phải có kỹ năng, phương pháp làm việc, có tính tự tin đúng mức, có khả năng làm việc trong mọi điều kiện, môi trường, hoàn cảnh công việc khác nhau,...

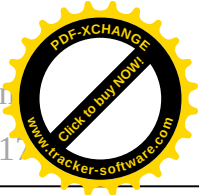
Thực tiễn giáo dục hiện nay cho thấy, không có một phương pháp nào là tối ưu và không có phương pháp nào có thể áp dụng cho mọi môn học, không có môn học nào chỉ áp dụng duy nhất một phương pháp. Do đó, việc sử dụng hình thức phương pháp đối thoại cần có sự phối hợp với các phương pháp khác, và chỉ sử dụng ở một số nội



dung và một số học phần. Phương pháp đối thoại cần được áp dụng mạnh mẽ hơn trong chương trình đào tạo theo tín chỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đối thoại trong dạy học – một hướng đổi mới phương pháp phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ - Hà Thị Hải - Học viên cao học Trường ĐHSP Huế
2. Tích cực hóa phương pháp đàm thoại trong dạy học – Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục – Trường ĐH Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Một số phương pháp dạy học tích cực – PGS – TS Vũ Hồng Tiến



DAY HỌC MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THEO PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY CỦA SINH VIÊN

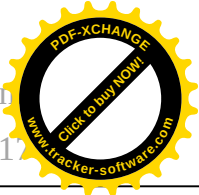
ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
Giảng viên tổ Tư tưởng Hồ Chí Minh
Đường lối CM của ĐCS Việt Nam

1. Sự cần thiết của việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học

Nghị quyết số 29-NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành TW Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của giáo dục đào tạo trong giai đoạn hiện nay, từ đó Nghị quyết cũng đã nêu rõ các nhiệm vụ giải pháp là phải “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học” đồng thời Nghị quyết 29 cũng chỉ rõ những giải pháp cụ thể để đổi mới phương pháp giảng dạy đó là “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII một lần nữa Đảng ta khẳng định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn”

Như vậy cho thấy việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nâng phát triển toàn diện năng lực người học đã trở thành một đường lối đổi mới giáo dục của Đảng để cho những người làm công tác giáo dục thực hiện, tuy nhiên không chỉ như vậy, trước thực trạng giáo dục còn nhiều hạn chế, chất lượng giáo dục còn thấp về



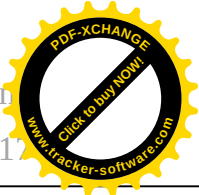
nhieu mặt thì cho thấy việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nâng phát triển toàn diện năng lực người học không chỉ là thực hiện Nghị quyết của Đảng mà còn là yêu cầu bức thiết để làm cho giáo dục có thể đáp ứng được tốt hơn nữa yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế, phát triển khoa học công nghệ và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xu thế phát triển hiện nay của đất nước là đòi hỏi phải có những người lao động có nhiều năng lực, phẩm chất mới như: năng lực tư duy độc lập, năng lực tự học và tự cập nhật thường xuyên kiến thức mới, năng lực thích ứng với những thay đổi, có ý thức tổ chức kỷ luật, có phẩm chất đạo đức tốt... Đây chính là những yếu tố cần thiết giúp Việt Nam có thể “đi tắt đón đầu”, rút bớt khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Không chỉ có vậy, sự phát triển của khoa học kỹ thuật và yêu cầu cho sự phát triển khoa học kỹ thuật và việc đổi mới phương thức đào tạo đang diễn ra mạnh mẽ ở nước ta hiện nay cũng đặt ra yêu cầu trong giáo dục, đào tạo phải biết đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Các yếu tố năng lực người học cần thiết trong giai đoạn hiện nay

Có rất nhiều định nghĩa về năng lực và khái niệm này đang thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu. Theo cách hiểu thông thường, Năng lực tư duy và những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tư duy thường, năng lực là sự kết hợp của tư duy, kĩ năng và thái độ có sẵn hoặc ở dạng tiềm năng có thể học hỏi được của một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện thành công nhiệm vụ. Mức độ và chất lượng hoàn thành công việc sẽ phản ứng mức độ năng lực của người đó. Chính vì thế, thuật ngữ “năng lực” khó mà định nghĩa được một cách chính xác. Năng lực hay khả năng, kĩ năng trong tiếng Việt có thể xem tương đương với các thuật ngữ “competence”, “ability”, “capability”, ... trong tiếng Anh.

Theo định nghĩa của các nước có nền kinh tế phát triển (OECD), năng lực cốt lõi bao gồm: những năng lực nền tảng như năng lực đọc hiểu, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp...

Hay theo PGS-TS **Trần Khánh Đức**, trong “Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục” đã nêu rõ năng lực là “khả năng tiếp nhận và vận dụng tổng hợp, có hiệu quả mọi tiềm năng của con người (tri thức, kĩ năng, thái độ, thể lực, niềm tin...) để thực hiện công việc hoặc đối phó với một tình huống, trạng thái nào đó trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp”.



Hay trong từ điển tiếng Việt - 1994, được tác giả *Phạm Văn Khanh (2015)* lược thuật trong bài viết của mình. Theo đó: năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. Năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện thành công một loại công việc trong một bối cảnh nhất định. Năng lực của mỗi người bao gồm năng lực chung và năng lực đặc thù.

Hiện thực hóa chủ trương đổi mới giáo dục căn bản và toàn diện giáo dục, tháng 8/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ ra *3 phẩm chất* và *8 năng lực* cần có ở người học cần hình thành trong giai đoạn hiện nay.

Ba phẩm chất gồm: (1) *Sống yêu thương*, (2) *Sống tự chủ*, (3) *Sống trách nhiệm*

Tám năng lực gồm: (1) *Năng lực tự học*: Biết xác định mục tiêu học tập, lập kế hoạch và thực hiện cách học, đánh giá và điều chỉnh việc học; (2) *Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết phát hiện và làm rõ vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp, thực hiện và đánh giá các giải pháp giải quyết vấn đề, nhận ra ý tưởng mới, hình thành và triển khai ý tưởng mới, tư duy độc lập; (3) *Năng lực thẩm mỹ*: Biết nhận ra cái đẹp, diễn tả và giao lưu thẩm mỹ, tạo ra cái đẹp; (4) *Năng lực thể chất*: Sống thích ứng và hài hòa với môi trường, rèn luyện sức khỏe thể lực, nâng cao sức khỏe tinh thần; (5) *Năng lực giao tiếp*: Sử dụng tiếng Việt, sử dụng ngoại ngữ, xác định mục tiêu giao tiếp, thể hiện thái độ giao tiếp, lựa chọn nội dung và phương thức giao tiếp; (6) *Năng lực hợp tác*: Xác định mục đích và phương thức hợp tác, xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân, xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác, tổ chức và thuyết phục người khác, đánh giá hoạt động hợp tác; (7) *Năng lực tính toán*: Sử dụng các phép tính và đo lường cơ bản, sử dụng ngôn ngữ toán, sử dụng công cụ tính toán; (8) *Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông*: Sử dụng và quản lý các phương tiện, công cụ của công nghệ kỹ thuật số; nhận biết, ứng xử phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật trong xã hội số hóa.

Theo **UNESCO, Mô** hình 4 trụ cột của có sự đan xen hòa quyện giữa phẩm chất và năng lực trong nội dung của từng trụ cột.

Bốn trụ cột giáo dục của UNESCO (The four pillars of education)	Các nhóm phẩm chất và năng lực tương ứng
Học để biết (Learning to know)	Phẩm chất trí tuệ Năng lực nhận thức
Học để làm việc (Learning to do)	Phẩm chất nghề nghiệp Năng lực chuyên môn
Học để sống chung (Learning to live together)	Phẩm chất xã hội Năng lực xã hội hóa
Học để làm người (Learning to be)	Phẩm chất ứng xử Năng lực chủ thể hóa

Như vậy qua phân tích cho thấy để mỗi người trong cuộc sống để có thể thành công đòi hỏi phải có những năng lực khác nhau, năng lực sẽ góp phần để mỗi người giải quyết hiệu quả công việc họ đang phụ trách và giải những vấn đề nảy sinh, đổi mới giáo dục theo hướng phát triển toàn diện năng lực phẩm chất người học là một chủ trương đúng đắn để nâng cao chất lượng đào tạo từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Năng lực có nhiều yếu tố, mỗi yếu tố có vai trò khác nhau đối với hoạt động của con người, trong khuôn khổ bài này người viết chỉ phân tích việc đổi mới phương pháp nhằm phát triển tư duy của sinh viên, bởi năng lực tư duy là một loại năng lực chung cần phải có ở mọi người và là yếu tố ảnh hưởng mạnh đến các yếu tố năng lực khác

2. Dạy học theo phương pháp giải quyết vấn đề

Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là "tình huống gợi vấn đề" vì "Tư duy chỉ bắt đầu khi xuất hiện tình huống có vấn đề" (Rubinstein).

Tình huống có vấn đề (tình huống gợi vấn đề) là một tình huống gợi ra cho sinh viên những khó khăn về lý luận hay thực hành mà họ thấy cần có khả năng vượt qua, nhưng không phải ngay tức khắc bằng một thuật giải, mà phải trải qua quá trình tích cực suy nghĩ, hoạt động để biến đổi đối tượng hoạt động hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có.

Các bước thực hiện

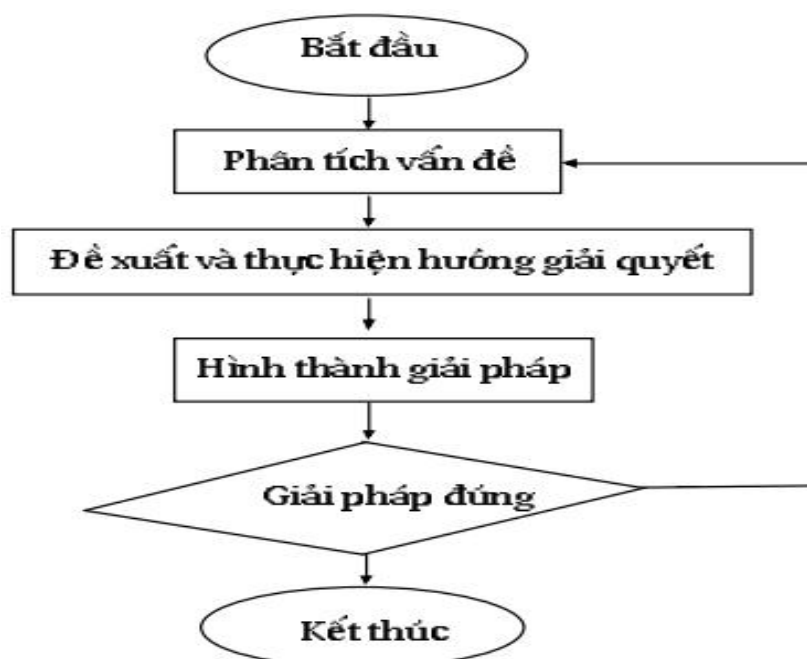
Bước 1. Phát hiện hoặc thâm nhập vấn đề

- Phát hiện vấn đề từ một tình huống gợi vấn đề
- Giải thích và chính xác hóa tình huống (khi cần thiết) để hiểu đúng vấn đề được đặt ra

- Phát biểu vấn đề và đặt mục tiêu giải quyết vấn đề đó

Bước 2: Tìm giải pháp

Tìm cách giải quyết vấn đề, thường được thực hiện theo sơ đồ sau:



Giải thích sơ đồ

- **Phân tích vấn đề:** làm rõ mối liên hệ giữa cái đã biết và cái cần tìm (dựa vào những tri thức đã học, liên tưởng tới kiến thức thích hợp)

• Hướng dẫn sinh viên tìm chiến lược giải quyết vấn đề thông qua *đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề*. Cần thu thập, tổ chức dữ liệu, huy động tri thức; sử dụng những phương pháp, kỹ thuật nhận thức, tìm đoán suy luận như hướng đích, quy lạ về quen, đặc biệt hóa, chuyển qua những trường hợp suy biến, tương tự hóa, khái quát hóa, xem xét những mối liên hệ phụ thuộc, suy xuôi, suy ngược tiến, suy ngược lùi,... Phương hướng đề xuất có thể được điều chỉnh khi cần thiết. Kết quả của việc đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề là hình thành được một giải pháp.

- **Kiểm tra tính đúng đắn của giải pháp:** Nếu giải pháp đúng thì kết thúc ngay, nếu không đúng thì lặp lại từ khâu phân tích vấn đề cho đến khi tìm được giải pháp

đúng. Sau khi đã tìm ra một giải pháp, có thể tiếp tục tìm thêm những giải pháp khác, so sánh chúng với nhau để tìm ra giải pháp hợp lí nhất.

• **Bước 3. Trình bày giải pháp**

sinh viên trình bày lại toàn bộ từ việc phát biểu vấn đề tới giải pháp. Nếu vấn đề là một đề bài cho sẵn thì có thể không cần phát biểu lại vấn đề.

Bước 4. Nghiên cứu sâu giải pháp

Tìm hiểu những khả năng ứng dụng kết quả

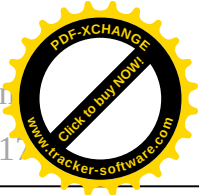
Đề xuất những vấn đề mới có liên quan nhờ xét tương tự, khái quát hóa, lật ngược vấn đề,... và giải quyết nếu có thể.

4 cấp độ trong phương pháp giải quyết vấn đề

Cấp độ	Tổ chức và thực hiện hoạt động của giảng viên và HS				
	Tạo tình huống	Phát hiện vấn đề	Tìm giải pháp	Thực hiện giải pháp	Kết luận, phát triển vấn đề
1		GV đặt vấn đề	GV nêu cách GQVĐ	HS thực hiện, GV hướng dẫn	GV đánh giá kết quả làm việc của HS
2		GV nêu vấn đề	GV gợi ý để HS tìm ra cách GQVĐ	HS thực hiện, GV giúp đỡ khi cần	GV và HS cùng đánh giá
3	GV cung cấp thông tin tạo tình huống	HS phát hiện, nhận dạng, phát biểu vấn đề nảy sinh cần giải quyết.	HS tự lực đề xuất các giả thuyết và lựa chọn các giải pháp	HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề	GV và HS cùng đánh giá
4	HS tự lực phát hiện vấn đề nảy sinh trong hoàn cảnh của mình hoặc của cộng đồng	HS lựa chọn vấn đề giải quyết	HS tự đề xuất ra giả thuyết, xây dựng kế hoạch giải	HS thực hiện kế hoạch giải	HS tự đánh giá chất lượng và hiệu quả của việc GQVĐ

Ưu điểm của phương pháp

- Phương pháp này góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho sinh viên. Trên cơ sở sử dụng vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có sinh viên sẽ xem xét, đánh giá, thấy được vấn đề cần giải quyết.



- Đây là phương pháp phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, sinh viên sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.

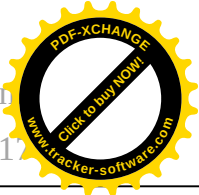
- Thông qua việc giải quyết vấn đề, sinh viên được lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức ("giải quyết vấn đề" không còn chỉ thuộc phạm trù phương pháp mà đã trở thành một mục đích dạy học, được cụ thể hóa thành một mục tiêu là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, một năng lực có vị trí hàng đầu để con người thích ứng được với sự phát triển của xã hội)

3. Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề vào giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nhằm nâng cao năng lực tư duy của sinh viên

Để thực hiện phương pháp dạy học theo giải quyết vấn đề đòi hỏi người giảng viên phải làm tốt các bước chuẩn bị trước khi bước vào tiết giảng, cụ thể là trước hết ngoài việc giảng viên phải nắm rõ nội dung bài giảng thì một điều quan trọng là giảng viên phải lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với từng nội dung, có thể có những nội dung áp dụng được nhiều phương pháp khác nhau, mỗi phương pháp sẽ mang lại những hiệu quả ở những khía cạnh nhất định, đòi hỏi người giảng viên phải biết chọn phương pháp phù hợp nhất để mang lại hiệu quả cao trong dạy học.

Có người cho rằng thuật ngữ "nêu vấn đề" là giảng viên nêu ra vấn đề để sinh viên giải quyết, nhưng thực ra, trước hết cần tập dượt cho sinh viên khả năng phát hiện vấn đề từ một tình huống trong học tập hoặc trong thực tiễn. Đây là một khả năng có ý nghĩa rất quan trọng đối với một người và không phải dễ dàng mà có được. Mặt khác, sự thành đạt trong cuộc đời không chỉ tùy thuộc vào năng lực phát hiện kịp thời những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn mà bước quan trọng tiếp theo là giải quyết hợp lý những vấn đề được đặt ra. Mặc dù thực chất của phương pháp này là sinh viên là trung tâm, chủ thể trong các bước từ phát hiện vấn đề đến giải quyết vấn đề, nhưng điều đó không có nghĩa là giảng viên không chuẩn bị gì cả, mà giảng viên đóng vai trò là người tổ chức hoạt động của sinh viên với mục tiêu nhằm đạt hiệu quả cao trong giảng dạy, chính vì vậy giảng viên càng phải chuẩn bị kỹ hơn, hình thành kịch bản và dự kiến tình huống để có thể xử lý hiệu quả nhằm đưa hoạt động của sinh viên đi đúng hướng.

Qua kinh nghiệm người viết nhiều nội dung của môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có thể áp dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, vì

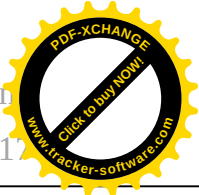


thực chất những lý luận của Đảng về cách mạng Việt Nam là xuất phát từ thực tiễn như vậy tức là giữa lý luận của Đảng và thực tiễn cách mạng và kết quả đạt được có sự thống nhất và quan hệ logic với nhau, đây chính là yếu tố mà giảng viên có thể vận dụng để xây dựng phương pháp giảng dạy giải quyết vấn đề. Tuy vậy như đã nói về phương pháp giảng dạy giải quyết vấn đề đối với môn đường lối đạt hiệu quả thì giảng viên phải biết chọn lựa nội dung và chuẩn bị chu đáo, thể hiện rõ trong giáo án, đồng thời dự kiến các tình huống phát sinh để giải quyết nhằm định hướng được nhận thức của sinh viên. Dựa vào tình hình thực tiễn giảng dạy và tình hình học tập của sinh viên tại trường tôi nhận thấy việc áp dụng phương pháp giải quyết vấn đề thường có thể áp dụng ở cấp độ 2 và 3 là phù hợp, còn ở cấp độ 1 thì hạn chế nhiều trong việc phát huy vai trò chủ động tích cực của sinh viên do cách giải quyết vấn đề đã được giảng viên nêu ra, sinh viên chỉ đóng vai trò thực hiện vì vậy sẽ rất hạn chế trong việc phát triển năng lực tư duy, còn ở cấp độ 4 thì có hiệu quả rất cao trong việc phát triển năng lực tư duy của sinh viên, nhưng để thực hiện được phương pháp giải quyết vấn đề ở cấp độ 4 đòi hỏi sinh viên phải có năng lực tự học và ý thức trách nhiệm trong việc học rất cao thì mới có thể thực hiện được, mà điều này đa số sinh viên đều chưa đạt được nên việc triển khai ở cấp độ 4 sẽ không mang lại hiệu quả cho đa số. Quay lại môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam tôi thấy rằng có nhiều nội dung có thể áp dụng phương pháp giải dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, kinh nghiệm cho thấy ví dụ như ở chương 2 khi dạy về nội dung của Luận cương chính trị 10/1930 của đồng chí Trần Phú thì sẽ có 3 vấn đề giáo viên có thể nêu ra để sinh viên nghiên cứu trả lời:

Vấn đề thứ nhất: tại sao tháng 2/1930 đã có Cương lĩnh của Hồ Chí Minh vạch ra đường lối cho cách mạng Việt Nam mà trong 1 thời gian ngắn sau là đến tháng 10/1930 lại có Luận cương của đồng chí Trần Phú cũng vạch ra đường lối cho cách mạng Việt Nam? **Lý** do ở đây là gì? **do** thực tiễn thay đổi nhanh chóng, hay do Cương lĩnh của Nguyễn Ái Quốc chưa đầy đủ hoặc mắc phải sai lầm hay do...

Sinh viên nghiên cứu trả lời vấn đề trên sẽ làm rõ được hoàn cảnh ra đời của Luận cương chính trị 10/1930.

Nhưng sau khi giải quyết được vấn đề 1 thì sẽ xuất hiện vấn đề 2, đó là giữa cương lĩnh chính trị 2/1930 của Nguyễn Ái Quốc và Luận cương chính trị 10/1930 của Trần Phú có những quan điểm nào khác nhau? Giải quyết vấn đề trên sẽ đặt ra cho sinh viên nhiệm vụ phải tìm hiểu kỹ từng nội dung của 2 văn kiện trên, đồng thời phát huy



phát huy tư duy phân tích, so sánh giữa các nội dung của 2 văn kiện, giải quyết vấn đề này sẽ làm sinh viên hiểu rất sâu sắc nội dung bài học.

Khi giải quyết được vấn đề 2 sẽ lại làm xuất hiện vấn đề 3? **hai** văn kiện trên có những nội dung khác nhau, vậy thì văn kiện nào đúng đắn hơn? **vì** sao? **giải** quyết vấn đề này sinh viên sẽ hiểu rõ hơn hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đồng thời phát hiện ra được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh khi vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, cũng như thấy được ý nghĩa lịch sử sâu sắc của cả 2 văn kiện trên.

Trong quá trình triển khai phương pháp giải quyết vấn đề, đặc biệt là ở trong vấn đề 2 là khá khó đối với sinh viên, nên giảng viên không chỉ đóng vai trò là nêu vấn đề mà còn giải thích các từ ngữ đã nêu, đồng thời giải thích nội hàm của các từ ngữ, thuật ngữ, phương pháp giải quyết vấn đề trong bài này có thể phối hợp với phương pháp thảo luận nhóm, chắc chắn các nhóm sẽ có phương án khác nhau cho mỗi vấn đề và như vậy buộc các nhóm phải tranh luận với nhau như vậy hiệu quả giảng dạy càng được nâng lên.

Một nội dung khác trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam đó là chương I chương 5 Đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng là một trong những nội dung hay có thể áp dụng phương pháp giải quyết vấn đề vào trong giảng dạy. Trong đó thời kỳ bao cấp từ giai đoạn 1975 đến 1985 đã diễn ra như thế nào và có đặc điểm gì thì hầu hết các em sinh viên sinh của chúng ta hiện nay đều không biết đến nhiều, nếu có chỉ là những câu chuyện đơn lẻ, vì vậy giảng viên bằng hiểu biết sâu sắc của mình để giảng cho các em hiểu được hoàn cảnh nước ta những năm 1980 và đặc điểm của thời kỳ bao cấp này, từ chỗ hiểu được hoàn cảnh và đặc điểm của thời kỳ bao cấp giảng viên sẽ đặt ra vấn đề để các em giải quyết đó là nguyên nhân nào đã dẫn đến sự khủng hoảng kinh tế ở nước ta những năm đầu của thập kỷ 80 thế kỷ **XX**, **từ** chỗ tìm được nguyên nhân sẽ là cơ sở để sinh viên hiểu rõ hơn sự cần thiết phải tiến hành đổi mới toàn diện ở nước ta, cũng trên cơ sở tìm được nguyên nhân rồi thì giảng viên có thể tiếp tục nêu ra vấn đề kế tiếp đó là làm sao để khắc phục những nguyên nhân trên nhằm đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng? trả lời của sinh viên kết hợp với định hướng kiến thức từ phía giảng viên sẽ làm rõ được sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường.

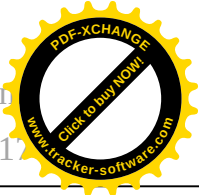
Tóm lại giảng dạy bằng phương pháp giải quyết vấn đề là một trong những phương pháp khá hiệu quả trong việc phát huy vai trò chủ động tích cực của sinh viên trong học tập, để giải quyết được vấn đề đặt ra đòi hỏi sinh viên phải đào sâu suy nghĩ,



thu thập thông tin, phân tích, so sánh ...để ra được đáp án giải quyết vấn đề, chính quá trình đó đã từng bước hình thành ở sinh viên nhiều kỹ năng khác nhau, trong đó kỹ năng tư duy trong giải quyết vấn đề sẽ được kích thích phát triển mạnh mẽ. Nhưng để sinh viên có thể giải quyết được vấn đề đặt ra thì trước đó giảng viên phải không ngừng “đầu tư” rất nhiều vào bài giảng từ chỗ phát hiện vấn đề, nêu vấn đề, áp dụng phương pháp giải quyết vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề,...việc làm chủ kiến thức, làm chủ phương pháp giảng dạy của giảng viên sẽ là cơ sở để giảng viên giúp sinh viên làm chủ quá trình học tập.

Tài Liệu Tham Khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết: 29-NQ/TW về VỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
2. Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII
3. Nguyễn Thị Thu Hà, Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lý luận cơ bản, Viện đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hà Đông, Dạy Học Theo Định Hướng Phát Triển Năng Lực Học Sinh
5. TS. Nguyễn Văn Tuấn, Tài liệu học tập về phương pháp dạy học theo hướng tích hợp, Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh, 2010
6. <http://giaoducthoidai.vn/trao-doi/phuong-phap-day-hoc-huong-toi-phat-tri....> Phương pháp dạy học hướng tới phát triển năng lực của người học
7. Thạc sĩ Nguyễn Quang Khải, hình thành phẩm chất và năng lực người học
8. Bùi Quang Dũng, Tiếp cận năng lực người học là xu thế tất yếu trong giáo dục và đào tạo, <http://www.htcc.edu.vn/vi/index.php/ttin-nn-tintuc/976-ti-p-c-n-nang-l-c-ngu-i-h-c-la-xu-th-t-t-y-u-trong-giao-d-c-va-dao-t-o>
9. Phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/phuong_phap_day_hoc_phat_hien_va_giai_quyet_van_de.



GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Ths. Đỗ Thị Thơm

Giảng viên tổ Tư tưởng Hồ Chí Minh

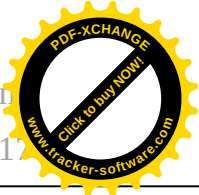
Đường lối CM của ĐCS Việt Nam

TÓM TẮT Công tác nghiên cứu, giảng dạy các môn Lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xác lập nền tảng lý luận chính trị cho sinh viên, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Để hoàn thành sứ mệnh cao cả đó trong bối cảnh thế giới nhiều biến động và xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, giáo dục lý luận chính trị cần không ngừng đổi mới, sáng tạo. Một mặt, cần kiên định với những vấn đề lý luận có tính nguyên tắc định hướng, mặt khác phải bám sát với thực tiễn cuộc sống, gắn lý luận với thực tiễn một cách sinh động, hiệu quả. Có như vậy mới tránh được những biểu hiện “lý luận suông”, xa rời thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác lý luận trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

1. Sự cần thiết của yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

Việc giảng dạy gắn lý luận với thực tiễn vốn là nội dung rất quan trọng trong toàn bộ quá trình dạy và học. Sẽ không thể có một bài giảng sinh động, hấp dẫn, “có hồn” khi giảng viên chỉ có lý luận suông mà không biết gắn lý luận này với thực tiễn sinh động đang diễn ra. Một bài giảng sinh động, hấp dẫn là bài giảng đảm bảo được tính thống nhất, gắn kết được một cách hài hoà giữa lý luận và thực tiễn.

Lênin đã khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng” và “Chỉ có một đảng có lý luận tiên phong hướng dẫn mới có thể làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”. Lý luận vô cùng quan trọng và cần thiết như vậy, nhưng học không đúng, giảng dạy lý luận không đúng sẽ không đem lại hiệu quả cao. Vì thế, khi giảng dạy, học tập lý luận phải nhấn mạnh nội dung gắn lý luận với thực tiễn. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin. Hồ Chí Minh cũng đã từng khẳng định: Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông. Trong toàn bộ



hoạt động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có nhiều bài học, câu chuyện để lại bài học sâu sắc về lý luận gắn với thực tiễn.

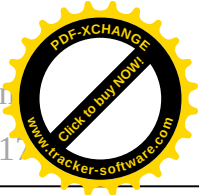
Như vậy, có thể nói, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một ưu điểm vượt trội, là đặc trưng quan trọng nhất trong lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chính nhờ đặc trưng này mà lý luận Mác-Lênin hướng con người vào những hành động đúng đắn để cải tạo tự nhiên và xã hội. Đây chính là cơ sở chủ yếu để chúng ta khẳng định lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là tiền đề là nền tảng là hạt nhân để hình thành thế giới quan và nhân sinh quan Cộng sản.

2. Thực trạng gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị hiện nay

Trong xu thế hội nhập hiện nay, trước những diễn biến phức tạp về tình hình tư tưởng, chính trị trong nước và quốc tế, yêu cầu nâng cao nhận thức lý luận, rèn luyện bản lĩnh chính trị đối với thanh niên, sinh viên càng mang ý nghĩa quan trọng. Quá trình hội nhập sâu rộng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là quá trình toàn cầu hóa làm cho sinh viên ngày càng năng động hơn, nhạy cảm hơn với cái mới, với những giá trị và hệ chuẩn mực du nhập từ bên ngoài vào. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin đã làm thế giới trở nên “nhỏ bé” hơn, nhưng “bề” thông tin từ Internet thì ngày càng rộng lớn, phong phú, đa chiều và hết sức phức tạp...

Thực tế đó đòi hỏi giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị phải kịp thời thích nghi với điều kiện mới; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ các đối tượng người học. Không chỉ hiểu biết sâu rộng kiến thức chuyên môn lĩnh vực mình giảng dạy, giảng viên còn phải tích cực đổi mới, linh hoạt về phương pháp; thường xuyên bám sát thực tiễn, tổng hợp thực tiễn để làm sâu sắc thêm lý luận, gắn lý luận với thực tiễn nhằm tăng cường hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu đào tạo trong giai đoạn mới.

Trong thời gian qua, việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị đã có những thay đổi nhất định, đội ngũ giáo viên luôn chủ động nắm chắc kiến thức lý luận, đồng thời tích cực học tập, tìm tòi, nghiên cứu để cập nhật, bổ sung các yếu tố của thực tiễn vào bài giảng. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học trong giai đoạn hiện nay. Nhiều nội dung bài giảng vẫn còn nặng về lý thuyết, phương pháp giảng dạy chủ yếu là đọc – chép, nhắc lại những kiến thức có sẵn trong giáo trình, việc liên hệ với kiến thức thực tiễn chưa bám sát với nội dung

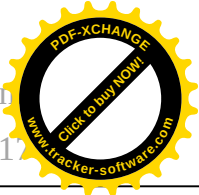


và đối tượng người học. Một số giảng viên chậm đổi mới về phương pháp giảng dạy, vẫn còn nặng về đọc - chép, nặng về giáo điều sách vở; lý luận không gắn với thực tiễn, ví dụ chung chung khó hiểu; truyền tải lý luận một cách khô khan, thụ động một chiều, ít sử dụng các hình thức, phương pháp kích thích trí tuệ như: nêu vấn đề trao đổi đàm thoại, xêmina, tham quan thực tế, giao bài tập, quá trình kiểm tra đánh giá khác quan... cho nên không phát huy được khả năng tư duy độc lập sáng tạo của người học. Chính vì vậy, người học cảm thấy môn học quá trừu tượng, khô khan, khó hiểu khó nhớ, khó vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến thực tiễn cuộc sống. Từ đó dẫn đến tâm lý thờ ơ, không hứng thú, việc học chỉ mang tính đối phó miễn sao qua môn là được.

Đối với các môn lý luận chính trị, mục tiêu chung là giúp người học hiểu biết một cách có hệ thống, cơ bản những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin; Nội dung và giá trị của hệ thống tư tưởng cách mạng, đạo đức, văn hoá Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Từ nền tảng lý luận, tư tưởng đó, giúp người học giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Với quan điểm và mục tiêu đó, việc dạy và học các môn Lý luận chính trị vừa phải đảm bảo tính hệ thống của chương trình đào tạo, vừa phải hình thành và phát triển tư duy lý luận cho sinh viên, nhưng mặt khác phải lựa chọn những vấn đề lý luận gắn liền với thực tiễn đã và đang diễn ra ở Việt Nam cũng như trên thế giới để truyền thụ. Chương trình giảng dạy các môn Lý luận chính trị phải đảm bảo gắn những vấn đề lý luận với thực tiễn một cách chặt chẽ, hữu cơ nhằm khơi dậy tư duy sáng tạo và hứng thú học tập của sinh viên.

Tuy nhiên, trên thực tế, các môn học lý luận chính trị tại không ít cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng hiện nay chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức ở tất cả các mặt nên hiệu quả đào tạo chưa như mong muốn.

Bối cảnh quốc tế thời kỳ hội nhập với những biểu hiện xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội; âm mưu “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đang có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp. Thêm vào đó là những biểu hiện tha hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã có tác động không nhỏ đến tâm lý chung của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, ảnh hưởng đến cả mục tiêu, động

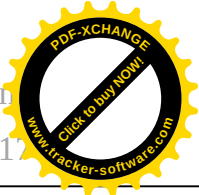


lực học tập các môn học này của sinh viên. Trong bối cảnh chung đó, không ít giảng viên có biểu hiện tâm lý chán nản, buông lơi tâm huyết, lý tưởng nghề nghiệp; chỉ giảng dạy chiếu lệ cốt làm sao truyền đạt đủ nội dung tinh thần của giáo trình mà thiếu sự đầu tư, tìm tòi nghiên cứu để tự làm mới mình, thậm chí coi việc đi giảng chỉ là kẻ sinh nhai, vì “com – áo – gạo – tiền”. Cũng vì thế mà nhiều giảng đường vô tình bị biến thành rao giảng những thứ lý luận hàn lâm, kinh viện, xa rời thực tiễn cuộc sống, thứ lý luận “ở đâu đó bên ngoài đời sống hiện thực”. Hệ quả của tình trạng trên là làm cho sinh viên càng có lý do để “ghét” hay xem thường các môn học lý luận chính trị, nhìn nhận các môn này như những môn học khô khan, giáo điều, xơ cứng, không có giá trị thực tiễn; thậm chí nhiều sinh viên còn ngộ nhận đó là các môn chính trị với mục đích tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng..., coi việc lên lớp như những buổi sinh hoạt chính trị gượng ép, bắt buộc.

3. Một số giải pháp gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

Thứ nhất, cần hiểu đúng và thống nhất các yếu tố thực tiễn đưa vào trong giảng dạy. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới. Vậy nên, hoạt động thực tiễn là hết sức phong phú, diễn ra hàng ngày trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Chính vì thế, giảng viên cần không ngừng cập nhật thực tiễn thông qua các hoạt động thực tế của bản thân, thường xuyên gắn việc nghiên cứu lý luận với vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế cuộc sống, từ đó mà tổng kết, bổ sung, điều chỉnh cho lý luận. Các hoạt động nghiên cứu thực tế, các chương trình tham quan, tập huấn là hết sức quan trọng để giảng viên cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu. Bên cạnh đó cũng cần cập nhật những tư liệu thực tiễn đã được phân ánh chọn lọc, bình luận trên các phương tiện thông tin đại chúng như sách, báo, tạp chí, tin tức... Thực tiễn quá trình giảng dạy của bản thân, tôi nhận thấy HSSV rất thích và muốn nghe những câu chuyện thực tiễn đời sống thay vì chỉ giảng hàn lâm mình lý luận. Tóm lại, kiến thức thực tiễn của giảng viên càng đa dạng, phong phú sẽ càng làm tăng tính thuyết phục cho các vấn đề lý luận trong giảng dạy

Thứ hai, để việc liên hệ lý luận với thực tiễn đạt hiệu quả mong muốn, tránh việc sử dụng dữ liệu thực tiễn một cách tràn lan, thiếu chọn lọc. Kiến thức thực tiễn của giảng viên càng sâu, đa dạng càng làm cho bài giảng phong phú. Tuy nhiên, không phải cái gì cũng đưa vào bài giảng mà chọn lọc, xác định nội dung nào cần thiết phải



liên hệ thực tiễn và cấp độ thực tiễn nào thì phù hợp; những yếu tố thực tiễn đưa vào bài giảng phải mang tính điển hình, có ý nghĩa chung chứ không phải ngẫu nhiên, ngẫu hứng; các sự kiện thực tiễn phải mang tính thời sự, đang được xã hội quan tâm nhiều; mỗi yếu tố thực tiễn đều phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tính trung thực, khách quan; khi đưa thực tiễn vào liên hệ nên có sự phân tích rõ ràng, làm bật được thông điệp cần chuyển tải hay minh họa của lý luận; để người học thấy được sự liên hệ giữa lý luận với thực tiễn, từ đó kết luận được vấn đề cần học tập, nghiên cứu.

Ba là, trong quá trình giảng bài giảng viên cần sử dụng nhiều phương pháp như nêu vấn đề, gợi ý giải quyết tốt các thắc mắc của người học. Phải có kế hoạch tổ chức cho người học tham gia thực tế, thực tập tốt. Đặc biệt là hướng dẫn, yêu cầu người học vận dụng lý luận đã học để giải quyết những vấn đề thực tế ở cơ sở. Giảng viên cần phát huy tính năng động, sáng tạo trong học tập của người học.

Bốn là, giảng viên phải nắm chắc đối tượng sinh viên. Mỗi đối tượng có nội dung, phương pháp và hình thức giảng dạy khác nhau. Mặt khác, cùng một nội dung bài học nhưng áp dụng cho các đối tượng khác nhau sẽ có phương pháp khác nhau và sử dụng những kiến thức thực tiễn cũng có sự tiếp cận luận giải với tính chất, cấp độ khác nhau. Vì thế nắm chắc đối tượng sẽ giúp giảng viên lựa chọn kiến thức thực tiễn hoặc cách khai thác nhấn mạnh khía cạnh nào đó trong cùng một sự kiện để phù hợp với đối tượng.

Năm là, cần chú trọng các phương pháp trực quan như: tham quan, thực hành, thực tế ở các khu di tích lịch sử, bảo tàng,... nhằm nâng cao khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn đời sống xã hội. Theo đó nên kết hợp học chính khóa với các hình thức ngoại khóa, tăng cường các hoạt động giao lưu kết nghĩa, tham gia các lễ hội qua đó giúp sinh viên kiểm chứng lý luận trong thực tiễn. Bên cạnh đó, cần kết hợp sử dụng các phương tiện hỗ trợ, nhất là sử dụng công nghệ thông tin Powerpoint, phim tư liệu, video, hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung bài giảng gắn với tình hình thực tiễn trong và ngoài nước, giúp sinh viên dễ hiểu, dễ nhớ, nắm bắt được những thông tin thiết thực, sống động, tạo nên sự hứng thú cho người học. Đồng thời, cần đổi mới phương pháp thi, kiểm tra đánh giá sinh viên theo hướng ra đề thi tự luận dạng “đề mở”, tăng cường thi trắc nghiệm, viết tiểu luận.

Vấn đề gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị hiện nay là việc làm không đơn giản. Do đó, trước hết, mỗi người giảng viên phải không ngừng tự tìm tòi, học hỏi, luôn suy tư, xem xét những vấn đề thực tiễn gắn với lý luận.



Sau đó, là trách nhiệm của các cơ quan chủ quản quản lý giảng viên cần có các cách thức khác nhau để bổ sung, nâng cao kiến thức thực tiễn cho giảng viên như đưa giảng viên đi thực tế, ký kết quy chế phối hợp với các địa phương để trao đổi thông tin v.v...

Trong thực tiễn giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị hiện nay, việc đảm bảo tính gắn kết, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đang được đặt ra như một yêu cầu, một nguyên tắc tối quan trọng và mang tính tất yếu khách quan nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Ban Chấp hành Trung ương, *“Kết luận của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”*, Số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014.

2) Ban Chấp hành Trung ương, *“Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”*, Số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014.

3) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*

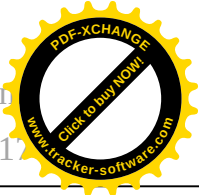
4) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5) Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa VIII, IX, X, XI, XII* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6) Đặng Vũ Hoạt, *Một số nét về thực trạng, phương pháp dạy học đại học*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 1/1994.

7) Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia *nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn Lý luận chính trị* trong các trường đại học, cao đẳng, tháng 1/2015.

8) Nghị quyết số 29 TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*



ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

Ths. Lê Thị Mai Hương

Giảng viên môn Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

1. Đặt vấn đề

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội. Trong tiến trình xã hội hóa giáo dục hiện nay cần xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực (định hướng phát triển năng lực) nay còn gọi là dạy học định hướng kết quả đầu ra được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỷ 20 và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Giáo dục định hướng phát triển năng lực nhằm mục tiêu phát triển năng lực người học.

Năng lực được xây dựng trên cơ sở tri thức, thiết lập qua giá trị, cấu trúc như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm/củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí (John Erpenbeck 1998). Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể” (OECD, 2002). Năng lực là các khả năng và kỹ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực cũng hàm chứa trong nó tính sẵn sàng hành động, động cơ, ý chí và trách nhiệm xã hội để có thể sử dụng một cách thành công và có trách nhiệm các giải pháp... trong những tình huống thay đổi (Weinert, 2001).

Năng lực là sự tích hợp các kỹ năng tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong một loại tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do những tình huống này đặt ra. (Theo Xavier Roegiers – “Khoa sự phạm tích hợp – hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường” NXBGD 1996)

Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức những kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống (Theo GS.TS Đinh Quang Báo – Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông – kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam)

Năng lực bao gồm bốn thành phần như sau:

Năng lực chuyên môn: Khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như đánh giá kết quả một cách độc lập, có phương pháp và chính xác về mặt chuyên môn (Bao gồm cả khả năng tư duy logic, phân tích, tổng hợp và trừu tượng, khả năng nhận biết các mối quan hệ hệ thống và quá trình)

Năng lực phương pháp: Là khả năng hành động có kế hoạch, định hướng mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề. Trung tâm của năng lực phương pháp là những phương thức nhận thức, xử lý, đánh giá, truyền thụ và giới thiệu.

Năng lực xã hội: Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống xã hội cũng như trong những nhiệm vụ khác nhau với sự phối hợp chặt chẽ với những thành viên khác. Trọng tâm là: Ý thức được trách nhiệm của bản thân cũng như của những người khác, tự chịu trách nhiệm, tự tổ chức. Có khả năng thực hiện các hành động xã hội, khả năng cộng tác và giải quyết xung đột.

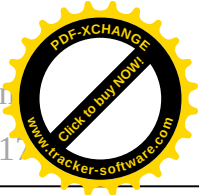
Năng lực cá thể: Khả năng xác định, suy nghĩ và đánh giá được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của mình, phát triển được năng khiếu cá nhân cũng như xây dựng kế hoạch cho cuộc sống riêng và hiện thực hoá kế hoạch đó; những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các hành vi ứng xử.

Bốn thành phần của năng lực trên tương ứng với một tuyên ngôn của tổ chức UNESCO: “ Học để hiểu biết – học để làm việc – học để cùng chung sống – học để thành người”. Đây cũng là quan điểm được các nhà sư phạm xác định là bốn trụ cột của giáo dục và là mục tiêu của xã hội và giáo dục cần hướng tới.

2. Thực trạng

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan.



Chuyên phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Tiếp cận nội dung là cách nêu ra một danh mục đề tài, chủ đề của một lĩnh vực/môn học nào đó. Tức là tập trung xác định và trả lời câu hỏi: Chúng ta muốn người học cần biết cái gì? Cách tiếp cận này chủ yếu dựa vào yêu cầu nội dung học vấn của một khoa học bộ môn nên thường mang tính "hàn lâm", nặng về lý thuyết và tính hệ thống, nhất là khi người thiết kế ít chú đến tiềm năng, các giai đoạn phát triển, nhu cầu, hứng thú và điều kiện của người học.

Tiếp cận năng lực đầu ra là cách tiếp cận nêu rõ kết quả - những khả năng hoặc kỹ năng mà người học mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học cụ thể. Nói cách khác, cách tiếp cận này nhằm trả lời câu hỏi: Chúng ta muốn người học biết và có thể làm được những gì?

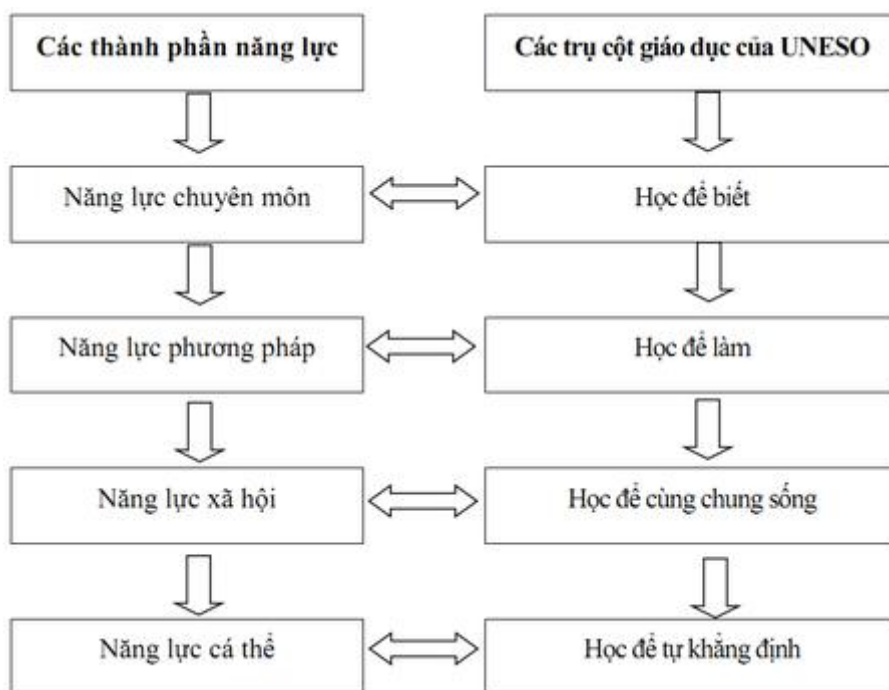
Bảng so sánh một số đặc trưng cơ bản của chương trình định hướng nội dung và chương trình định hướng phát triển năng lực sẽ cho chúng ta thấy ưu điểm của chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực:

	Chương trình định hướng nội dung	Chương trình định hướng phát triển năng lực
Mục tiêu giáo dục	Mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được	Kết quả học tập cần đạt được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được; thể hiện được mức độ tiến bộ của HS một cách liên tục

Nội dung giáo dục	Việc lựa chọn nội dung dựa vào các khoa học chuyên môn, không gắn với các tình huống thực tiễn. Nội dung được quy định chi tiết trong chương trình.	Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đã quy định, gắn với các tình huống thực tiễn. Chương trình chỉ quy định những nội dung chính, không quy định chi tiết.
Phương pháp dạy học	GV là người truyền thụ tri thức, là trung tâm của quá trình dạy học. HS tiếp thu thụ động những tri thức được quy định sẵn.	- GV chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ HS tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức. Chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,...; - Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; các phương pháp dạy học thí nghiệm, thực hành
Hình thức dạy học	Chủ yếu dạy học lý thuyết trên lớp học	Tổ chức hình thức học tập đa dạng; chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học
Đánh giá kết quả học tập của HS	Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi nhớ và tái hiện nội dung đã học.	Tiêu chí đánh giá dựa vào năng lực đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn.

Mô hình cấu trúc năng lực trên đây có thể cụ thể hoá trong từng lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp khác nhau. Mặt khác, trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp người ta cũng mô tả các loại năng lực khác nhau. Ví dụ năng lực của giảng viên bao gồm những nhóm cơ bản sau: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực chẩn đoán và tư vấn, năng lực phát triển nghề nghiệp và phát triển trường học.

Mô hình bốn thành phần năng lực trên phù hợp với bốn trụ cột giáo dục theo UNESCO:



Từ cấu trúc của khái niệm năng lực cho thấy giáo dục định hướng phát triển năng lực không chỉ nhằm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể. Những năng lực này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ. Năng lực hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các năng lực này.

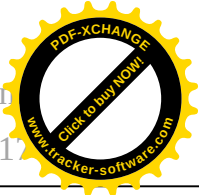
Nội dung dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ giới hạn trong tri thức và kỹ năng chuyên môn mà gồm những nhóm nội dung nhằm phát triển các lĩnh vực năng lực:

Học nội dung chuyên môn	Học phương pháp - chiến lược	Học giao tiếp - Xã hội	Học tự trải nghiệm - đánh giá
- Các tri thức chuyên môn (các khái niệm, phạm trù, quy luật, mối quan hệ...) - Các kỹ năng chuyên môn - Ứng dụng, đánh giá chuyên môn	- Lập kế hoạch học tập, kế hoạch làm việc - Các phương pháp nhận thức chung: Thu thập, xử lý, đánh giá, trình bày thông tin - Các phương pháp chuyên môn	- Làm việc trong nhóm - Tạo điều kiện cho sự hiểu biết về phương diện xã hội - Học cách ứng xử, tinh thần trách nhiệm, khả năng giải quyết xung đột	- Tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu - XD kế hoạch phát triển cá nhân - Đánh giá, hình thành các chuẩn mực giá trị, đạo đức và văn hoá, lòng tự trọng...
Năng lực chuyên môn	Năng lực phương pháp	Năng lực xã hội	Năng lực cá nhân

3. Giải pháp

Phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực người học là phương pháp dạy học nhắm trúng vào năng lực của người học để thiết kế chương trình. “Muốn dạy học theo phương pháp tiếp cận năng lực đạt hiệu quả khâu xác định năng lực người học là quan trọng hàng đầu, nhưng chỉ dựa vào năng lực của người học thì đúng, nhưng chưa đủ. Từ trước đến nay, chúng ta chủ yếu dạy học theo phương pháp tiếp cận nội dung. Chương trình và nội dung giáo dục được xác định là chuẩn mực, không được phép xê dịch. Khi học họ không biết học để làm gì, khi làm không hiểu tại sao phải làm,...

Bước sang thế kỉ 21, do tốc độ phát triển của xã hội hết sức nhanh chóng với những biến đổi liên tục và sự tăng khối lượng tri thức một cách nhanh chóng, đặc biệt trong các lĩnh vực thông tin truyền thông, công nghệ vật liệu, điện/điện tử tự động hóa, phương pháp tiếp cận nội dung dần trở nên lạc hậu. Để chuẩn bị cho thế hệ trẻ đối mặt và đứng vững trước những thách thức của đời sống, vai trò của giáo dục ngày càng trở nên quan trọng. Thay đổi, sửa sang, cải tiến chương trình, thậm chí cải cách giáo dục đã được nhiều nước tiến hành. Có khá nhiều vấn đề đặt ra khi xem xét chỉnh sửa, đổi mới chương trình. Trước hết là việc xem xét, thiết kế lại cần theo cách tiếp cận nào? Bản chất của cách tiếp cận ấy là gì? Và tại sao lại theo hướng tiếp cận này? Xu thế thiết



kế chương trình theo hướng tiếp cận năng lực được khá nhiều quốc gia quan tâm, vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

Tiếp cận năng lực chủ trương giúp người học không chỉ biết học thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết làm thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức học được để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra

Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hóa học sinh về mặt trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp.

Thiết kế chương trình truyền thống thường bắt đầu từ mục tiêu giáo dục. Sau đó xác định các lĩnh vực/môn học, chuẩn kiến thức và kỹ năng, phương pháp dạy học và cuối cùng là đánh giá. Còn thiết kế chương trình theo năng lực trước hết cần xác định các năng lực chung cần trang bị và phát triển cho người học.

Kết luận

Xây dựng, thiết kế chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực người học là một xu thế tất yếu. Nó giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn ngay khi rời ghế nhà trường. Nói cách khác, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Ngoài ra, với tiếp cận năng lực, người học sẽ được trang bị kỹ năng để có thể học cả đời. Đây là điều bắt buộc trong bối cảnh khối lượng tri thức tăng lên nhanh chóng như hiện nay.

Cần phân biệt năng lực chung với các năng lực riêng của môn học cụ thể. Hai năng lực này có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng các năng lực chung rất được chú ý trong khi xem xét và đổi mới chương trình. Hai năng lực này chính là hai vế trong triết lý dạy chữ - dạy người của dân tộc ta, trong đó dạy người cần được đặc biệt chú trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/01/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng
Khóa XI